Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 1: MỞ ĐẦU**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS thấy rõ được mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học.

Xác định được vị trí của con người trong tự nhiên.

Nắm được phương pháp học tập đặc thù của môn học.

**2. Kĩ năng***:*

Rèn kỹ năng hoạt động nhóm

- Kỹ năng tư duy độc lập và làm việc với SGK.

**3. Thái độ**:

Có ý thức bảo vệ, giữ gìn cơ thể.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Giới thiệu tài liệu liên quan đến bộ môn .

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Sách vở học bài.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp:** *Nắm sĩ số, nề nếp.*

**2. Kiểm tra bài cũ:** *Không*

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

**B1**: GV: Em hãy kể tên các ngành động vật đã học trong chương trình SH7 ?

HS:

1. Ngành ĐV Nguyên sinh

2. Ngành Ruột khoang

3. Ngành Giun dẹp

4. Ngành giun tròn

5.Ngành Giun đốt

6.Ngành Thân mềm

7.Ngành Chân khớp

8.Ngành động vật có xương sống

**B2**: GV: Ngành động vật nào có cấu tạo hoàn chỉnh nhất ?

+ HS: Trong Ngành động vật có xương sống, lớp thú có vị trí tiến hóa cao nhất. đặc biệt là bộ Linh trưởng.

**B3**: GV: Theo em con người thuộc ngành động vật nào?

+ HS: Ngành ĐV có xương sống.

**B4**:Vậy còn con người có vị trí như thế nào trong tự nhiên và chương trình sinh học 8 học những vấn đề gì, ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:** Vị trí của con người trong tự nhiên:  **Mục tiêu:** HS thấy được con người có vị trí cao nhất trong thế giới sinh vật do cấu tạo cơ thể hoàn chỉnh và các hoạt động có mục đích.  **B1**: - GV giới thiệu phần thông tin □  - HS các nhóm tự nghiên cứu và giải phần ▽ trong SGK.  + Con người có những đặc điểm gì giống lớp thú?  + Con người có những đặc điểm gì khác biệt so với động vật?  - Giống nhau về cấu tạo chung: Các phần của bộ xương, sự sắp xếp các nội quan. Có lông mao. Có tuyến sữa. Bộ răng phân hóa. Đẻ con…….  **B2**: Em có kết luận gì về vị trí của con người trong tự nhiên? | I. Vị trí của con người trong tự nhiên:  - Loài người thuộc lớp thú.  - Con người có tiếng nói, chữ viết, tư duy trừu tượng-> hình thành ý thức.  -Biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động vào mục đích nhất định-> làm chủ tự nhiên.  -Biết dùng lửa để nấu chin thức ăn.  -Não phát triển, sọ lớn hơn |
| ***Hoạt động 2: Nhiệm vụ của môn cơ thể người và vệ sinh***  **Mục tiêu:**  - HS chỉ ra được nhiệm vụ cơ bản của môn học cơ thể người và vệ sinh.  - Biết đề ra biện pháp bảo vệ cơ thể.  - Chỉ ra được mối liên quan giữa môn học với các bộ môn khoa học khác.  **B1**: GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận trả lời các vấn đề sau:  + Bộ môn cơ thể người và vệ sinh cho chúng ta hiểu biết điều gì?  + Hãy cho biết kiến thức về cơ thể người và vệ sinh có quan hệ mật thiết với những ngành nghề nào trong xã hội?  + Cho ví dụ về mối liên quan giữa bộ môn cơ thể người và vệ sinh với các môn khoa học khác?  - HS nghiên cứu thông tin trong SGK trang 5, trao đổi nhóm.  - Một vài đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung cho hoàn chỉnh.  - HS chỉ ra mối liên quan giữa bộ môn với môn TDTT mà các em đang học.  **B2**: Giáo viên kết luận kiến thức.  **-** Hs ghi nhớ kiến thức.  ***Hoạt động 3 :Phương pháp học tập môn cơ thể người và vệ sinh.***  **Mục tiêu:** *Chỉ ra được phương pháp đặc thù của bộ môn, đó là học qua mô hình, tranh, thí nghiệm.*  Các nhóm HS nghiên cứu SGK, trả lời .  + Nêu các phương pháp cơ bản để học tập bộ môn?  + GV lấy ví dụ cụ thể minh họa cho các phương pháp mà học sinh nêu ra. | II. Nhiệm vụ của môn cơ thể người và vệ sinh  - Cung cấp những kiến thức về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể  - Mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường để đề ra biện pháp bảo vệ cơ thể.  - Thấy rõ mối liên quan giữa môn học với các môn khoa học khác như: y học, TDTT, điêu khắc, hội họa ……  III. Phương pháp học tập môn học.  Kết hợp quan sát , thí nghiệm và vận dụng vào thực tế cuộc sống. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

**- Mục tiêu:** Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

Hãy cho biết những lợi ích của việc học tập môn học “cơ thể người và vệ sinh”?

- Có những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường, những hiểu biết về phòng chống bệnh tật và rèn luyện thân thể, tránh được mê tín dị đoan, có những kiến thức cơ bản tạo điều kiện học lên các lớp sau, đi sâu vào các nghành nghề: y, TDTT, tâm lí giáo dục, võ thuật, thời trang, hội họa…

**Hoạt động 4: Vận dụng (**2 phút)

**- Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

-Khi bị bệnh ta có nên tin tưởng vào sự cúng vái hoặc chữa ở thầy lang để khỏi bệnh không? Tại sao?

- Không nên, vì chỉ có thầy thuốc thật sự mới có đầy đủ những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường từ đó có được chuẩn đoán đúng và điều trị bệnh hiệu quả.

**Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng** (2 phút)

**- Mục tiêu**: Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

GV giao bài tập về nhà cho HS: Em hãy tìm hiểu xem kiến thức về cơ thể người giúp gì cho y học, hội họa, gióa dục, thể thao…

**4.Dặn dò** (1 phút)

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Kẻ bảng 2 trang 9 SGK vào vở học bài .

Ôn tập lại hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI**

**BÀI 2: CẤU TẠO CƠ THỂ NGƯỜI**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS kể được tên và xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể người.

**2. Kĩ năng***:*

Rèn kỹ năng quan sát nhận biết kiến thức .

Rèn tư duy tổng hợp logic, kỹ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ cơ thể.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

+ Tranh hệ cơ quan của thú, hệ cơ quan của người

+ Sơ đồ phóng to hình 2.3 SGK trang 9.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn tập lại hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp:** *Nắm nề nếp, sĩ số.*

**2. Kiểm tra bài cũ:** Trình bày những đặc điểm giống và khác nhau giữa người và động vật thuộc lớp thú ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

**B1**: GV: Em hãy nêu các hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú (đại diện: Thỏ)

-HS: Hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ thần kinh và giác quan, hệ sinh dục.

**B2**: GV: Con người thuộc lớp thú, có đầy đủ các hệ cơ quan như động vật nhưng cấu tạo mỗi cơ quan trong hệ hoàn thiện hơn để phù hợp với chức năng của chúng. Em thử tìm hiểu xem còn có thêm hệ cơ quan nào nữa không?

Để trả lời được thì ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Cấu tạo cơ thể***  **Mục tiêu:** Chỉ rõ được các phần của cơ thể  **B1**: HS hoạt động nhóm trả lời câu hỏi mục ▽ SGK trang 8  HS quan sát tranh hình 2.1 và 2.2 SGK, hoàn thành câu trả lời  **B2**: GV tổng kết ý kiến của hs và thông báo ý đúng.  **B3**: GV giới thiệu k/n hệ cơ quan.  + Em hãy kể tên các hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú ?  + Cơ thể người gồm những hệ cơ quan nào ?  + Hoàn thành bảng 2 SGK.  - HS nhớ lại kiến thức cũ và kể đủ 7 hệ cơ quan  - HS xác định các cơ quan trên mô hình  - HS nghiên cứu SGK, tranh hình, trao đổi nhóm hoàn thành bảng 2  - Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác bổ sung.  **B4**:GV kết luận, tổng hợp kiến thức.  ***Hoạt động 2: Các hệ cơ quan***  **Mục tiêu:** Trình bày sơ lược thành phần, chức năng các hệ cơ quan | I.Cấu tạo  1. Các phần cơ thể  - Cơ thể gồm 3 phần: đầu, thân, tay chân.  + Đầu gồm bộ não và các giác quan (tai, mắt, mũi, lưỡi), miệng.  + Khoang bụng chứa dạ dày, ruột non, ruột già, hậu môn, gan, tụy, thận, bóng đái.  - Cơ hoành ngăn cách khoang ngực và khoang bụng.  *2. Các hệ cơ quan:* |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Hệ cơ quan** | **Các cơ quan trong từng hệ cơ quan** | **Chức năng của hệ cơ quan** | | | Hệ vận động | Cơ và xương | Nâng đỡ và vận động cơ thể | | | Hệ tiêu hóa | Miệng, ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa | Tiếp nhận và biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể | | | Hệ tuần hoàn | Tim và hệ mạch | v/c chất dinh dưỡng, O2 tới các tế bào và v/c chất thải, CO2 từ tế bào tới cơ quan bài tiết | | | Hệ hô hấp | Mũi, khí quản, phế quản và 2 lá phổi | Thực hiện trao đổi khí O2, CO2 giữa cơ thể và môi trường. | | | Hệ bài tiết | Thận, ống dẫn nước tiểu và bóng đái | Bài tiết nước tiểu | | | Hệ thần kinh và hệ nội tiết | Não, tủy sống, dây thần kinh và hạch thần kinh | Tiếp nhận và trả lời kích thích của môi trường, điều hòa hoạt động các cơ quan. Làm cho cơ thể là một khối thống nhất. Giúp cơ thể thích nghi với môi trường. | | | **B1**: GV yêu cầu ca nhân hs suy nghĩ trả lời.  + Ngoài các cơ quan trên, trong cơ thể còn có hệ cơ quan nào ?  + Học về các hệ cơ quan trong cơ thể người em còn biết thêm hệ cơ quan nào?  - Hệ sinh dục. Hệ nội tiết.  **B2**: GV gọi 1 vài HS xác định các cơ quan của từng hệ trên mô hình cơ thể người.Hệ nội tiết.  - HS xác định vị trí các cơ quan của mỗi hệ trên mô hình | | |  | | |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

**- Mục tiêu:** Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.

(1)Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) Cho ví dụ và phân tích vai trò của hệ thần kinh trong sự điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.

-Khi bị tổn thương hệ thần kinh trung ương, tùy theo tổn thương ở phần nào mà bệnh nhân có thể bị ngưng tim (hệ tuần hoàn), ngưng thở (hệ hô hấp), liệt chi (hệ vận động) hoặc tiểu tiện, đại tiện không tự chủ ( hệ bài tiết, hệ tiêu hóa)-> chứng tỏ hệ thần kinh điều hòa hoạt độngcác hệ cơ quan trong cơ thể.

**Hoạt động 4: Vận dụng (**2 phút)

**- Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

-Tại sao khi chỉ bị đau một bộ phận nào đó trong cơ thể nhưng ta vẫn thấy toàn cơ thể bị ảnh hưởng?

- Do cơ thể là một khối thống nhất của sự phối hợp hoạt động các cơ quan , các hệ cơ quan dưới sự điều hòa của hệ thần kinh và hệ nội tiết.

**Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng** (2 phút)

**- Mục tiêu**: Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

GV giao bài tập về nhà cho hs làm bài tập: Nêu sự tiến hóa của các hệ cơ quan và chức năng của cơ thể người so với động vật thuộc lớp thú(thỏ).

**4.Dặn dò** (1 phút)

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Ôn tập lại cấu tạo tế bào thực vật.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 3: TẾ BÀO**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS phải nắm được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào bao gồm: màng sinh chất, chất tế bào (lưới nội chất, ribôxôm, ti thể, bộ máy gôngi, trung thể …..), nhân (nhiễm sắc thể, nhân con)

HS phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.

Chứng minh được tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể.

**2. Kĩ năng***:*

Rèn kỹ năng quan sát tranh hình, mô hình tìm kiến thức.

Kỹ năng suy luận logic, kỹ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức học tập yêu thích bộ môn.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Mô hình hay tranh vẽcấu tạo tế bào động vật.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Bảng phụ về chức năng chi tiết của các bào quan chủ yếu.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Cơ thể người gồm những hệ cơ quan nào ? chỉ rõ thành phần và chức năng của các hệ cơ quan ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

**B1**: GV: Gọi đại diện một nhóm trình bày cấu tạo tế bào thực vật đã học ở lớp 6.

-HS: Tế bào thực vật gồm những thành phần sau:

+ Vách tế bào

+ Màng sinh chất

+ Chất tế bào chứa các bào quan-> là nơi diễn ra các hoạt động sống cơ bản của tế bào.

+Nhân -> điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào

+ Có thể có không bào chứ dịch tế bào.

**B2**: GV: Theo em tế bào động vật có giống tế bào thực vật không?

**HS:** Có thể trả lời theo dự đoán.

**B3:** Để có câu trả chính xác ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Cấu tạo tế bào***  ***Mục tiêu:*** *HS nắm được các thành phần chính của tế bào. Màng, chất nguyên sinh, nhân.*  **B1**: Gv yêu cầu các nhóm HS nhớ lại kiến thức về tế bào thực vật ở lớp 6 trả lời câu hỏi sau:  + Một tế bào điển hình gồm những thành phần nào ?  **B2**: GV treo sơ đồ câm về cấu tạo tế bào và các mảnh bìa tương ứng với tên các bộ phận và gọi HS lên hoàn chỉnh sơ đồ.  **B3**: Đại diện các nhóm lên gắn tên các thành phần cấu tạo của tế bào.  - HS các nhóm khác bổ sung  **B4**: GV nhận xét và thông báo đáp án đúng.  ***Hoạt động 2: Chức năng của các bộ phận trong tế bào.***  ***Mục tiêu:***  ***-*** *Nắm được các chức năng quan trọng của các bộ phận của tế bào.*  *-Thấy được cấu tạo phù hợp với chức năng và sự thống nhất giữa các thành phần của tế bào.*  - *Chứng minh: Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể.*  **B1**: GV giới thiệu bảng chức năng các bộ phận của tế bào. Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Màng sinh chất có vai trò gì ?  + Lưới nội chất có vai trò gì trong hoạt động sống của tế bào ?  + Năng lượng cần cho các hoạt động lấy từ đâu?  + Tại sao nói nhân là trung tâm của tế bào ?  - HS nghiên cứu hình 3.1 SGK trang 11, trả lời  -Giúp tế bào thực hiện trao đổi chất.  -Tổng hợp và vận chuyển các chất.  -Ti thể tham gia các hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng.  - Nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.  **B2**: GV tổng kết ý kiến của HS và nêu nhận xét .  **B3:**GV hỏi cả lớp:Tại sao nói tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể ?  **HS:** + Ở tế bào cũng có quá trình trao đổi chất, phân chia….  + Cơ thể có 4 đặc trưng cơ bản như trao đổi chất, sinh trưởng, sinh sản, di truyền đều được tiến hành ở tế bào.  ***Hoạt động 3: Thành phần hóa học của tế bào***  ***Mục tiêu:*** *HS nắm được 2 thành phần chính của tế bào là chất vô cơ và hữu cơ.*  **B1:** GV yêu cầu HS tự nghiên cứu thông tin SGK trang 12, trả lời  + Cho biết thành phần hóa học của tế bào ?  **B2:** Tại sao trong khẩu phần ăn của mỗi người cần có đủ: Prôtêin, Lipit, Gluxit, Vitamin, Muối khoáng ?  - Ăn đủ các chất để xây dựng tế bào  ***Hoạt động 4: Hoạt động sống của tế bào***  *Mục tiêu: HS nêu được các đặc điểm sống của tế bào đó là: Trao đổi chất, lớn lên…*  **B1:** GV yêu cầu các nhóm HS nghiên cứu sơ đồ hình 3.2 SGK trang 12.  + Cơ thể lấy thức ăn từ đâu ?  + Thức ăn được biến đổi và chuyển hóa như thế nào trong cơ thể  + Cơ thể lớn lên được do đâu ?  + Giữa tế bào và cơ thể có mối quan hệ như thế nào?  **B2:** 1 HS trình bày  **B3:** HS khác nhận xét | **I .Cấu tạo tế bào**:  - Tế bào gồm 3 phần:  + Màng sinh chất  + Tế bào chất: gồm các bào quan.  + Nhân: nhiễm sắc thể, nhân con.  **II. Chức năng của các bộ phận trong tế bào.**  Là đơn vị thực hiện sự trao đổi chất và năng lượng giữa cơ thể với môi trường.  Giúp cơ thể lớn lên và sinh sản.  - Giúp cơ thể phản ứng với kích thích của môi trường.    **III. Thành phần hóa học của tế bào :**  - Chất hữu cơ : Prôtêin, Gluxit, Lipit, Axit nuclêic.  - Chất vô cơ: Muối khoáng (Ca; K; Na; Fe; Cu…)  **IV. Hoạt động sống của tế bào.**  - Gồm trao đổi chất, lớn lên, phân chia và cảm ứng.  - Tế bào thực hiện sự trao đổi chất và năng lượng, cung cấp cho mọi hoạt động sống của cơ thể, giúp cơ thể lớn lên và sinh sản. ⇨ Mọi hoạt động sống của cơ thể đều liên quan đến hoạt động sống của tế bào. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

(1) HS đọc kết luận chung ở cuối bài.

(2) Hãy giải thích mối quan hệ thống nhất về chức năng giữa màng sinh chất, chất tế bào và nhân tế bào? ( dựa vào bảng “ chức năng các bộ phận của tế bào”)

-Màng thực hiện trao đổi chất để tổng hợp nên những thành phần chất riêng của tế bào.

-Sự phân giải vật chất để tạo năng lượng cần cho mọi hoạt động sống của tế bào được thực hiện nhờ ti thể.

-Chất nhiễm sắc trong nhân quy định đặc điểm cấu trúc protein được tổng hợp ở riboxom.

- Vậy, các bào quan trong tế bào có sự phối hợp hoạt động để thực hiện chức năng sống.

+ Sự tương đồng về các nguyên tố hóa học có trong tự nhiên và trong tế bào gợi cho ta suy nghĩ về sự trao đổi chất giũa cơ thể với môi trường.

+ Qua sơ đồ trên, em biết được tế bào là đơn vị cấu tạo và đơn vị chức năng của cơ thể.(tb->mô->cơ quan->hệ cơ quan-> cơ thể. Tb lớn lên, sinh sản, trao đổi chất, trả lời kích thích).

+ Tế bào động vật và thực vật có điểm giống nhau là: Có màng sinh chất, tế bào chất chứa các bào quan và nhân tế bào chứa chất nhiễm sắc và nhân con.

(3) So sánh Tb người, động vật, thực vật.

- Giống nhau: Đều có cấu tạo cơ bản giống nhau, gồm màng sinh chất, tế bào chất chứa các bào quan và nhân tế bào.

- Khác nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tb người | Tb động vật | Tb thực vật |
| -Không có vách xenlulo  -Không có lục lạp, có trung thể.  - Có nhiều hình dạng khác nhau. | -Không có vách xenlulo  -Không có lục lạp, có trung thể.  - Có nhiều hình dạng khác nhau. | -Có vách xenlulo  -Đa số có lục lạp, không có trung thể.  - Có ít hình dạng hơn. |

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

**Mục tiêu**:

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

-Em hãy sờ bàn tay của mình vào da thịt của cơ thể em rồi sờ vào thân cây phượng vĩ (me, bàng…) ở sân trường. Hãy cho biết có gì khác nhau về mức độ cứng , mềm của 2 cơ thể trên . Hãy giải thích sự khác nhau đó?

- Tuy 2 cơ thể trên đều có cấu tạo từ tế bào, nhưng màng sinh chất của tế bào thực vật có thêm vách xenlulo(chất xơ) nên cứng hơn.

**4.Dặn dò** (1 phút)

Học bài, trả lời câu hỏi 2 SGK .

Đọc mục “em có biết”

Ôn tập lại phần mô ở thực vật.

\* Rút kinh nghiệm bài học: …………………………………………………………………...

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 4: MÔ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

Nắm được khái niệm mô, phân biệt các loại mô chính trong cơ thể.

HS nắm được cấu tạo và chức năng của từng loại mô trong cơ thể.

**2. Kĩ năng***:*

Rèn kỹ năng quan sát kênh hình tìm kiến thức

Kỹ năng khái quát hóa, kỹ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**:

Giáo dục ý thức bảo vệ, giữ gìn sức khỏe.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Tranh hình SGK, phiếu học tập, tranh một số loại tế bào, tập đoàn Vônvốc, động vật đơn bào.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Hãy cho biết cấu tạo và chức năng các bộ phận của tế bào ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

**B1**: - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm trình bày sự chuẩn bị của mình: Hãy kể tên những loại tế bào có hình dạng khác nhau mà em biết ?

+Tế bào trứng: Hình cầu

+ Tế bào hồng cầu: Hình đĩa

+Tế bào xương, tế bào thần kinh: Hình sao nhiều cạnh

+ Tế bào lót xoang mũi: Hình trụ

+Tế bào cơ trơn: Hình sợi dài.

- Vì sao tế bào lại có hình dạng khác nhau ?

Vì chúng có những chức năng khác nhau.

**B2**: GV: Ở lớp 6 các em đã được tìm hiểu về mô thực vật. Một bạn nhắc lại khái niệm.

+ Các tế bào giống nhau , cùng làm một nhiệm vụ họp thành một nhóm gọi là mô. Vd: Mô nâng đỡ, mô dự trữ, mô che chở, mô phân sinh, mô mềm,…

Mỗi cơ quan của cây do nhiều mô hợp thành.

-GV: Vậy mô ở động vật gồm những loại nào, có gì giống và khác so với mô thực vật, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Khái niệm mô.***  **Mục tiêu:** HS nêu được khái niệm mô, cho ví dụ về mô ở thực vật.  **B1**: Các nhóm HS tự nghiên cứu SGK trang 14, 15, 16. Quan sát hình 4.2, 4.3, 4.4, trả lời  + Mô cơ vân (A): Gồm tế bào dài, nhiều nhân, có vân ngang.  +Mô cơ tim(B): Gồm các tế bào dài, phân nhánh, có nhiều nhân.  +Mô cơ trơn(C): Gồm tế bào hình thoi, đầu nhọn, chỉ có 1 nhân.  - HS khác nhận xét bổ sung  **B2**: GV: Thế nào là mô ?  - Trong mô, ngoài các tế bào còn có yếu tố không có cấu tạo tế bào gọi là phi bào.  ***Hoạt động 2: Các loại mô***  ***Mục tiêu:*** *HS phải chỉ rõ cấu tạo và chức năng của từng loại mô, thấy được cấu tạo phù hợp với chức năng của từng loại mô.*  **B1**: GV yêu cầu HS trao đổi nhóm, hoàn thành nội dung phiếu học tập. | | | | | **I . Khái niệm mô.**  - Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa có cấu tạo giống nhau, đảm nhiệm chức năng nhất định.  - Mô gồm tế bào và phi bào.  **II. Các loại mô.** |
|  | Mô biểu bì | Mô liên kết | Mô cơ | Mô thần kinh | |
| Đặc điểm cấu tạo | - Các tế bào xếp sít nhau thành lớp dày phủ mặt ngoài cơ thể, lót trong các cơ quan rỗng như: Ruột, bóng đái, mạch mấu, các ống dẫn  - Ví dụ: Tập hợp tế bào dẹt tạo nên bề mặt da | -Các tế bào liên kết nằm rải rác trong chất nền  -Có ở hầu hết các cơ quan: Dưới lớp da, gân, dây chằng, sụn, xương.  Ví dụ: Máu | Gồm các tế bào hình thoi dài xếp thành lớp, thành bó. Trong tế bào có nhiều tơ cơ  VD: Tập hợp tế bào tạo nên thành tim | - Gồm các tế bào thần kinh (nơron) và tế bào thần kinh đệm  - Nơron có thân nối với sợi trục và các sợi nhánh | |
| Chức năng | Bảo vệ, hấp thụ và tiết (mô sinh sản làm nhiệm vụ sinh sản) | Nâng đỡ, liên kết các cơ quan, đệm (máu vận chuyển các chất) | Co, dãn tạo nên sự vận động của các cơ quan và cơ thể. | - Tiếp nhận kích thích.  - Dẫn truyền xung thần kinh.  - Xử lí thông tin.  - Điều hoà hoạt động các cơ quan. | |
| **B2**: Đại diện nhóm trình bày (4 nhóm)  **B3:** GV nhận xét kết quả các nhóm và nêu đáp án đúng.  **B4**: GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận:  + Máu thuộc loại mô gì?Vì sao máu được xếp và loại mô đó?  + Giữa mô cơ vân, cơ trơn, cơ tim có đặc điểm nào khác nhau về cấu tạo và chức năng ?  + Máu gồm huyết tương và các tế bào máu thuộc loại mô liên kết. Vì máu gồm nhiều tế bào máu nằm rải rác trong huyết tương.  + Mô cơ vân và mô cơ tim: tế bào có nhiều nhân, có vân ngang và hoạt động theo ý muốn  + Mô cơ trơn: tế bào hình thoi có 1 nhân ở giữa và hoạt động ngoài ý muốn. | | | | |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

(1) Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) Trả lời câu hỏi SGK.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Cơ vân | Cơ trơn | Cơ tim |
| Đặc điểm cấu tạo | Tb dài, có nhiều nhân, có vân ngang | Tb hình thoi đầu nhọn, chỉ có 1 nhân | Tb dài, phân nhánh, có nhiều nhân |
| Sự phân bố trong cơ thể | Gắn với xương | Phủ ngoài da, lót trong các cơ quan rỗng, thực quản, khí quản, khoang miệng | Tạo thành tim |
| Khả năng co giãn | Co giãn nhiều | Co giãn ít hơn cơ vân và cơ tim | Co giãn kém cơ vân |

Trên chiếc chân giò lợn các loại mô: Mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết.

(4) Bài tập: Đánh dấu vào câu trả lời đúng nhất

1 . Chức năng của mô biểu bì là :

Bảo vệ và nâng đỡ cơ thể.

Bảo vệ, che chở và tiết các chất

Co giãn và che chở cho cơ thể

2. Mô liên kết có cấu tạo :

Chủ yếu là tế bào có hình dạng khác nhau

Các tế bào dài, tập trung thành bó

Gồm tế bào và phi bào

3. Mô thần kinh có chức năng :

Liên kết các cơ quan trong cơ thể với nhau.

Điều hòa hoạt động các cơ quan .

Giúp các cơ quan hoạt động dễ dàng.

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Ta có thể chủ độnglàm cho bắp cơ ở cánh tay ta rút ngắn, phình to hoặc duỗi ra. Nhưng tại sao khi cơ ở ruột co thắt nhiều gây đau bụng ta không thể tự điều khiển cho cơ này giảm co thắt để khỏi đau bụng?

- Cơ ở cánh tay là cơ vân, gắn với xương, cơ này hoạt động theo ý muốn.

-Cơ ở thành ruột là cơ trơn hoạt động không theo ý muốn.

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 4 SGK.

Đọc trước bài 5

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 6: PHẢN XẠ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS phải nắm được cấu tạo và chức năng của nơron

-HS chỉ rõ 5 thành phần của 1 cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ

**2. Kĩ năng***:* Kỹ năng hoạt động nhóm

**3. Thái độ**:

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Tranh phóng to hình 6.1 , 6.2 SGK

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Cơ vân, cơ trơn, cơ tim có gì khác nhau về đặc điểm cấu tạo, sự phân bố trong cơ thể và khả năng co dãn ?

-Hãy xác định trên chiếc chân giò lợn có những loại mô nào ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: Các em hãy cho biết phản ứng của cơ thể khi:

+ Trời lạnh-> nổi da gà

+Trời nóng->đổ mồ hôi

+Thấy cô giáo vào lớp->học sinh đứng dậy chào cô

+ Thấy có người giơ tay lên định đánh ta->ta né tránh

+ Khi nghe gọi tên mình ở phía sau->ta quay đầu lại

+ Sờ tay vào vật nóng -> rụt tay lại.

+ Nhìn thấy quả khế -> tiết nước bọt .

-Sự trả lời kích thích của môi trường nhanh như vậy là do sự điều khiển của hệ cơ quan nào trong cơ thể?

+ Của hệ thần kinh.

**B2**: Vậy hệ thần kinh có liên hệ như thế nào với các bộ phận, cơ quan trong cơ thể để đáp ứng nhanh và chính xác các tác động của môi trường tới cơ thể, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: *Tìm hiểu cấu tạo và chức năng của nơ ron***  **Mục tiêu:** Chỉ rõ cấu tạo của nơ ron và các chức năng, từ đó thấy chiều hướng lan truyền xung thần kinh trong sợi trục.  **B1**: Thành phần cấu tạo của mô thần kinh gồm các tế bào thần kinh gọi là noron và các tế bào thần kinh đệm(thần kinh giao)  - GV treo tranh vẽ hình 6.1 và nêu câu hỏi .  + Hãy mô tả cấu tạo của 1 nơron điển hình ?  - HS nghiên cứu SGK kết hợp quan sát hình 6.1 trang 20 và trả lời câu hỏi .  - HS khác bổ sung.  **B2**: Bao miêlin tạo nên những eo chứ không phải nối liền .  + Nơron có chức năng gì?  - HS nghiên cứu thông tin trong SGK, trả lời .  - HS khác nhận xét bổ sung  + Có nhận xét gì về hướng dẫn truyền xung thần kinh ở nơron cảm giác và nơron vận động?  - Sự dẫn truyền xung tk ở noron cảm giác và vận động chỉ theo 1 chiều.  ***Hoạt động 2:***  **Mục tiêu:** HS hình thành khái niệm phản xạ, cung phản xạ, vòng phản xạ, biết giải thích một số phản xạ ở người bằng cung phản xạ và vòng phản xạ.  **B1**: Phản xạ là gì ? Cho ví dụ về phản xạ ở người và động vật .  + Nêu điểm khác nhau giữa phản xạ ở người và tính cảm ứng ở thực vật (cụp lá) ?  - GV lưu ý: khi đưa khái niệm phản xạ HS hay quên vai trò của hệ thần kinh .  - HS đọc thông tin trong SGK trang 21 .  - HS trả lời câu hỏi .  - Cảm ứng ở thực vật không có sự tham gia của hệ thần kinh.  **B2**: GV gợi ý: một phản xạ thực hiện được nhờ sự chỉ huy của bộ phận nào ?  + Có những loại nơron nào tham gia vào cung phản xạ ?  + Nêu các thành phần của cung phản xạ ?  + Cung phản xạ là gì ?  - Cá nhân tự đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 6.1 trang 21 .  - HS trao đổi nhóm, hoàn thành câu trả lời.  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  **B3:** GV nhận xét, đánh giá phần thảo luận của lớp  + Nêu 1 VD về phản xạ và phân tích đường dẫn truyền xung TK trong phản xạ đó ?  - HS vận dụng kiến thức nêu VD và phân tích đường dẫn truyền xung TK (VD khi gãi ngứa)  **B4**: Từ việc phân tích VD ở trên, GV đặt vấn đề: vậy bằng cách nào TƯ TK có thể biết được phản ứng của cơ thể đã đáp ứng được kích thích hay chưa?  - GV phân tích về vòng phản xạ dựa vào hình 6.3  + Vòng phản xạ có ý nghĩa như thế nào trong đời sống ?  - HS nghiên cứu SGK sơ đồ hình 6.3 trang 22 và trả lời câu hỏi.  - HS trình bày bằng sơ đồ và lớp bổ sung.  - Giúp cơ thể điều chỉnh phản xạ được chính xác. | **Cấu tạo và chức năng của nơ ron:**  *a. Cấu tạo nơron****:***Nơron gồm :  - Thân: chứa nhân, xung quanh là tua ngắn (sợi nhánh)  - Tua dài (sợi trục) có bao miêlin, tận cùng là cúc xináp  *b. Chức năng nơron:*  Cảm ứng  Dẫn truyền xung thần kinh  **II. Cung phản xạ:**  *a. Phản xạ:*  Là phản ứng của cơ thể trả lời kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh .  *b. Cung phản xạ :*  - Cung PX là con đường dẫn truyền xung thần kinh từ cơ quan thụ cảm (da, …) qua TƯ TK tới cơ quan phản ứng (cơ, tuyến, …)  Gồm 5 khâu :  Cơ quan thụ cảm.  Nơron hướng tâm (cảm giác).  Trung ương thần kinh (nơron trung gian).  Nơron li tâm (vận động).  Cơ quan phản ứng  *c. Vòng phản xạ:*  - Vòng phản xạ bao gồm cung phản xạ và đường liên hệ ngược |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

(1)Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2)GV dùng tranh câm về 1 cung phản xạ để cho HS chú thích các khâu

(3)Phân tích ví dụ: + Khi nghe gọi tên mình ở phía sau->ta quay đầu lại

Âm thanh gọi tên ta kích thích vào cơ quan thụ cảm thính giác làm phát sinh luồng thần kinh, theo dây hướng tâm của noron hướng tâm về trung ương thần kinh, từ trung ương thần kinh phát đi luồng theo dây li tâm của noron li tâm tới cơ quan phản ứng làm ta quay đầu lại phía có tiếng gọi ta.

(4) + Trời lạnh-> nổi da gà: Nhiệt độ lạnh của môi trường kích thích cơ quan thụ cảm ở da làm phát sinh xung thần kinh, xung này theo dây hướng tâm của noron hướng tâm về trung ương thần kinh. Từ trung ương thần kinh phát xung thần kinh theo dây li tâm của noron li tâm tới cơ chân lông làm cho cơ này co giúp da săn lại.

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Hãy cho 3 ví dụ về phẩn xạ và phân tích 1 ví dụ đẫ nêu.

Ngửi mùi thức ăn mà ta ưa thích, ta chảy nước bọt.

Mùi thức ăn kích thích vào cơ quan thụ cảm khứu giác ở mũi làm phát sinh xung thần kinh theo dây thần kinh hướng tâm của noron hướng tâm về trung ương thần kinh. Từ đó phát sinh xung thần kinh theo dây li taamcuar noron li tâmđến tuyến nước bọt gây tiết nước bọt.

2.Học thuộc bài

3.Chạy xe đạp

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài , trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Chuẩn bị cho bài thực hành: Mỗi tổ: 1 con ếch, 1 mẫu xương ống có đầu sụn và xương xốp, thịt nạc còn tươi .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………..

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 5: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời tế bào mô cơ vân.

Quan sát và vẽ các tế bào trong các tiêu bản đã làm sẵn: tế bào niêm mạc miệng (mô biểu bì), mô sụn, mô xương, mô cơ vân, mô cơ trơn, phân biệt bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, chất tế bào và nhân.

Phân biệt được điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ và mô liên kết .

**2. Kĩ năng***:* Rèn kỹ năng sử dụng kính hiển vi, kỹ năng mổ tách tế bào

**3. Thái độ**:

Giáo dục ý thức nghiêm túc, bảo vệ máy, vệ sinh phòng sau khi thực hành

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

+ Kínhhiển vi, lam kính, la men, bộ đồ mổ, khăn lau, giấy thấm .

+ Một con ếch sống, hoặc bắp thịt ở chân giò lợn.

+ Dung dịch sinh lý 0,65% NaCl, ống hút, dd axit axêtic 1% có ống hút.

+ Bộ tiêu bản động vật.Mô hình hay tranh vẽcấu tạo tế bào động vật.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Chuẩn bị theo nhóm đã phân công.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Kiểm tra phần chuẩn bị theo nhóm của HS.

Phát dụng cụ cho nhóm trưởng của các nhóm (chú ý số lượng).

Phát hộp tiêu bản mẫu .

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

- GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:***Làm tiêu bản và quan sát tế bào mô cơ vân*  ***Mục tiêu:*** *Biết cách làm tiêu bản mô cơ vân và quan sát được các thành phần của tế bào.*  **B1**: GV chiếu phim trong các bước làm tiêu bản.  - Gọi một HS lên làm mẫu các thao tác.  - 1 HS nhắc lại các thao tác  **B2**: Gọi một HS lên làm mẫu các thao tác.  - Các nhóm tiến hành làm tiêu bản như đã hướng dẫn. Yêu cầu :  + Lấy sợi thật mảnh.  + Không bị đứt .  + Rạch bắp cơ phải thẳng.  **B3**: - Sau khi các nhóm lấy được tế bào mô cơ vân đặt lên lam kính, GV hướng dẫn cách đặt la men .  - Các nhóm cùng tiến hành đậy la men .  - Yêu cầu : Không có bọt khí .  - Nhỏ 1 giọt axit axêtic vào cạnh la men và dùng giấy thấm hút bớt dung dịch sinh lý để axit thấm vào dưới lamen  **B4**: GV đi kiểm tra công việc các nhóm, giúp đỡ nhóm nào chưa làm được  - GV yêu cầu các nhóm điều chỉnh kính hiển vi.  - GV cần lưu ý: sau khi HS quan sát được tế bào thì phải kiểm tra lại, tránh hiện tượng HS nhầm lẫn, hay là miêu tả theo SGK .  - GV nắm được số nhóm có tiêu bản đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tiêu bản để trên bàn để GV kiểm tra.  - Các nhóm thử kính, lấy ánh sáng nét để nhìn rõ mẫu.  - Đại diện nhóm quan sát, điều chỉnh cho đến khi nhìn rõ tế bào .  - Cả nhóm quan sát, nhận xét .  - Yêu cầu: Thấy được màng, nhân, vân ngang, tế bào dài .  ***Hoạt động 2: Quan sát tiêu bản các loại mô khác***  **Mục tiêu:** *Biết cách làm tiêu bản mô biểu bì, mô sụn, mô xương, mô cơ trơn, mô cơ vân và quan sát được các thành phần tế bào của các mô đó.*  **B1**: GV yêu cầu HS quan sát các mô và vẽ hình .  - Trong nhóm khi điều chỉnh kính để thấy rõ tiêu bản thì lần lượt các thành viên đều quan sát và vẽ hình .  **B2**: GV nên dành thời gian để giải đáp trước lớp những thắc mắc của HS. | **1. Làm tiêu bản và quan sát tế bào mô cơ vân:**  *a. Cách làm tiêu bản mô cơ vân:*  - Rạch da đùi ếch lấy 1 bắp cơ.  - Dùng kim nhọn rạch dọc bắp cơ .  - Dùng ngón trỏ và ngón cái ấn 2 bên mép rạch.  - Lấy kim mũi mác gạt nhẹ và tách 1 sợi mảnh.  - Đặt sợi mảnh mới tách lên lam kính, nhỏ dung dịch sinh lý 0,65% NaCl.  - Đậy la men, nhỏ axit axêtic.  *b. Quan sát tế bào*:  - Thấy được các phần chính: màng, tế bào chất, nhân, vân ngang.  **2. Quan sát tiêu bản các loại mô khác**  - Nhóm thảo luận để thống nhất câu trả lời.  - Mô biểu bì: Tế bào xếp xít nhau  - Mô sụn: Chỉ có 2-3 tế bào tạo thành nhóm.  - Mô xương: Tế bào nhiều  - Mô cơ: Tế bào nhiều, dài. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

\* GV nhận xét giờ học:

Khen các nhóm làm việc nghiêm túc có kết quả tốt .

Phê bình nhóm chưa chăm chỉ và kết quả chưa cao để rút kinh nghiệm .

\* Đánh giá:

Trong khi làm tiêu bản mô cơ vân các em gặp khó khăn gì ?

Nhóm có kết quả tốt cho biết nguyên nhân thành công ?

Lý do nào làm cho mẫu của một số nhóm chưa đạt yêu cầu ?

\* Yêu cầu các nhóm:

Làm vệ sinh dọn sạch lớp .

Thu dụng cụ đầy đủ, rửa sạch lau khô tiêu bản mẫu xếp vào hộp.

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

+ Tại sao không làm tiêu bản ở các mô khác?

+ Tại sao tế bào mô cơ vân lại tách dễ còn tế bào các mô khác thì sao?

+ Óc lợn rất mềm, làm thế nào để lấy được tế bào?

**4.Dặn dò (1 phút)**

Về nhà mỗi HS viết 1 bản thu hoạch theo mẫu SGK trang 19.

Ôn lại kiến thức về bộ xương của thỏ (SH7)

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**CHƯƠNG II: VẬN ĐỘNG**

**BÀI 7: BỘ XƯƠNG**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-Trình bày được các thành phần chính của bộ xương, và xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình.

-Phân biệt được xương dài, xương ngắn, xương dẹt về hình thái, cấu tạo.

-Phân biệt được các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động.

**2. Kĩ năng***:*

Quan sát tranh, mô hình, nhận biết kiến thức .

Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát .

Hoạt động nhóm .

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức giữ gìn, vệ sinh bộ xương.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Mô hình bộ xương người

- Tranh cấu tạo 1 đốt sống điển hình

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức về bộ xương thỏ.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Thu báo cáo thực hành.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

Kiểm tra 15 phút:

Chọn câu trả lời đúng nhất:

*1.Cơ quan sau đây có trong khoang ngực là:*

a. Tim b. Dạ dày c. Gan d. Cả a, b,c đúng

*2.Cơ quan sau đây có trong khoang bụng là:*

a. Khí quản b. Ruột c. Thực quản d. Phổi

*3. Loại tế bào thần kinh chủ yếu trong cấu tạo của vỏ não là:*

a.Tế bào hình tháp b. Tế bào hình nón

c.Tế bào hình que d.Tế bào hình nón và hình que

*4.Đơn vị chức năng của cơ thể là:*

a. Hệ cơ quan b.Cơ quan c.Mô d. Tế bào

*5.Bộ phận có vai trò giúp tế bào thực hiện trao đổi chất với môi trường là:*

a. Chất tế bào b.Màng sinh chất, nhân

c.Màng sinh chất d.Màng sinh chất, chất tế bào, nhân

*6.Nơi xảy ra quá trình tổng hợp protein của tế bào là:*

a.Trung thể b.Riboxom c.Nhân con d.Lưới nội chất

*7.Cấu trúc dưới đây không có trong tế bào chất là:*

a.Ti thể b.Bộ máy Gôngi c.Nhiễm sắc thể d.Trung thể

*8.Ti thể có chức năng:*

a.Tham gia hoạt động bài tiết của tế bào

b.Tham gia quá trình phân chia tế bào

c.Tham gia hô hấp giải phóng năng lượng

d.Giúp trao đổi chất cho tế bào với môi trường.

*9. Mô được cấu tạo từ các tế bào thần kinh là:*

a.Mô biểu bì b.Mô liên kết c.Mô cơ và mô liên kết d.Cả a,b,c đều sai

*10.Loại mô che phủ của bề mặt ngoài da là:*

a.Mô cơ và mô biểu bì b.Mô biểu bì và mô thần kinh

c.Mô liên kết d.Mô biểu bì

*11.Mô sau đây thuộc loại mô liên kết là:*

a.Mô sụn và mô sợi b.Mô xương và mô mỡ

c.Cả a, b đều đúng d.Cả a,b đều sai

*12.Máu thuộc loại mô:*

a.Mô liên kết b.Mô biểu bì c.Mô thần kinh d.Cả a,b,c đều đúng

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

Trong quá trình tiến hóa sự vận động của cơ thể có được là nhờ sự phối hợp hoạt động của hệ cơ và bộ xương. Ở con người, đặc điểm của cơ và xương phù hợp với tư thế đứng thẳng và lao động. Giữa bộ xương người và bộ xương thỏ có những phần tương đồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**Các phần chính của bộ xương. Xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình.  **Mục tiêu:** HS nắm được các phần chính và vai trò của bộ xương.  **B1**: HS nghiên cứu SGK trang 25 và quan sát hình 7.1 kết hợp với kiến thức lớp dưới để trả lời câu hỏi.  - HS trình bày ý kiến và lớp bổ sung hoàn chỉnh kiến thức  **+** Bộ xương có vai trò gì?  **B2**: HS tự nghiên cứu thông tin SGK trang 25 và mô hình bộ xương người  + Bộ xương gồm mấy phần?Nêu đặc điểm của mỗi phần ?  - HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung .  -Xương chân to khỏe hơn x.tay, có x. bánh chè phù hợp với chức năng nâng đỡ cơ thể, đứng thẳng, lao động.  + Bộ xương gồm mấy phần?Nêu đặc điểm của mỗi phần ?  **B3:** GV gọi 1 – 2 HS lên trình bày trên mô hình bộ xương người  **B4:** GV cho HS quan sát tranh đốt sống điển hình và đặc biệt là ống chứa tủy.  + Xương tay và chân có đặc điểm gì giống và khác nhau ? vì sao có sự khác nhau đó ?  -X. tay có cấu tạo phù hợp với chức năng lao động.  -Sự khác nhau đó giúp con người lao động năng xuất cao và di chuyển dễ dàng.  ***Hoạt động 2: Các khớp xương***  **Mục tiêu:** Phân biệt được các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động.  **B1**: HS tự nghiên cứu thông tin trong SGK và quan sát hình 7.4 tr. 26  - Trao đổi nhóm và thống nhất câu trả lời  + Khớp xương là gì ?  + Mô tả 1 khớp động ?  + Khả năng cử động của khớp động và khớp bán động khác nhau như thế nào ? Vì sao có sự khác nhau đó ?  + Nêu đặc điểm của khớp bán động ?  **B2:** Đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi trên hình .  - Các nhóm khác theo dõi bổ sung .  **B3:** GV treo tranh vẽ hình 7.4 SGK và gọi đại diện nhóm trình bày trên hình  **B4:** GV: Trong bộ xương người loại khớp nào chiếm nhiều hơn?Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động sống của con người ?  + Khớp động và bán động  + Giúp người vận động và lao động. | **I. Các phần chính của bộ xương.**  *a. Vai trò:*  - Tạo khung giúp cơ thể có hình dạng nhất định  - Chỗ bám cho các cơ giúp cơ thể vận động .  - Bảo vệ các nội quan.  *b. Thành phần:*  Bộ xương gồm:  - Xương đầu: xương sọ và xương mặt.  - Xương thân:  + Cột sống: nhiều đốt khớp lại, có 4 chỗ cong.  + Xương lồng ngực: gồm xương sườn và xương ức.  - Xương chi: gồm  + xương tay: x. đai vai, x. cánh tay, x. cẳng tay, x. bàn tay  + xương chân: x. đai hông, x. đùi, x. cẳng chân, x. bàn chân.  **II. Các khớp xương**  - Khớp xương: là nơi tiếp giáp giữa các đầu xương.  Có 3 loại :  - Khớp động: là khớp cử động dễ dàng nhờ 2 đầu xương có sụn, đầu khớp nằm trong một bao chứa dịch khớp (hoạt dịch).  Ví dụ: ở cổ tay  - Khớp bán động: giữa 2 đầu xương là đĩa sụn, hạn chế cử động.  Ví dụ: ở cột sống  - Khớp bất động: các xương gắn chặt bằng khớp răng cưa nên không cử động được.  Ví dụ: ở hộp sọ |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

GV gọi 1 vài HS lên xác định các xương ở mỗi phần của bộ xương trên mô hình

GV cho điểm HS có câu trả lời đúng

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

**Mục tiêu**:

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

(1)Ta thường có thói quen thuận bên phải nên khi vác , xách vật nặng ta cũng thường dùng vai phải, tay phải nhiều hơn. Điều này có nên không? Tại sao?

-Không nên, vì ở lứa tuổi học sinh, bộ xương đang phát triển, khi vác, xách vật nặng, ta phải phân phối đều cho 2 bên để bộ xương phát triển cân đối, tránh bị lệch xương, ảnh hưởng tới sức khỏe.

(2)Khi bị sai khớp xương hay gãy xương thì phải cấp cứu như thế nào để không gây nguy hiểm thêm cho người bị nạn?

-Dùng nẹp cứng dài hơn phần xương bị gãy để băng cố định chỗ bị thương (có lót vật mềm: Bông, vải sạch bên trong) dùng băng hoặc dây mềm quấn chặt lại,phần bị thương có cặp nẹp rồi chuyển nạn nhân đến thầy thuốc.

(3) Tắm nắng ban mai có lợi ích gì cho xương?

-Giúp chuyển hóa tiền vitamin D thành vitamin D, nhờ loại vitamin này cơ thể mới chuyển hóa được canxi để tạo xương.

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Mỗi nhóm chuẩn bị 1 mẫu xương đùi ếch hay xương sườn của gà, diêm .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 8: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS phải nắm được cấu tạo chung của 1 bộ xương dài, từ đó giải thích được sự lớn lên của xương và khả năng chịu lực của xương.

-Xác định được thành phần hóa học của xương để chứng minh được tính chất đàn hồi và cứng rắn của xương.

**2. Kĩ năng***:*

Quan sát tranh hình, thí nghiệm để tìm ra kiến thức.

Tiến hành thí nghiệm đơn giản trong giờ học lý thuyết .

Hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức bảo vệ xương, liên hệ với thức ăn của lứa tuổi HS

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

+ Tranh vẽ hình 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 SGK

+ Hai xương đùi ếch sạch, panh, đèn cồn, cốc nước lã, cốc đựng dung dịch axit HCl 10%

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Xương đùi ếch hay xương sườn gà .

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Bộ xương người gồm mấy phần ? mỗi phần gồm những xương nào ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**:HS đọc mục “Em có biết” ở trang 31. Thông tin đó cho các em biết xương có sức chịu đựng rất lớn. Do đâu mà xương có khả năng đó ?

**B2**:Để trả lời được thì các em phải tìm hiểu đặc điểm cấu tạo và tính chất của xương, đó chính là nội dung bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**  ***Mục tiêu:*** *HS chỉ ra được xương dài, xương dẹt và chức năng của nó.*  **B1**: Cá nhân nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình 8.1 , 8.2. trả lời bằng cách giới thiệu trên hình vẽ.  + Xương dài có cấu tạo như thế nào ?  + Cấu tạo hình ống và đầu xương như vậy có ý nghĩa gì đối với chức năng của xương ?  + Với cấu tạo hình trụ rỗng, phần đầu có nan hình vòng cung tạo các ô giúp các em liên tưởng tới kiến trúc nào trong đời sống ?  - Cấu tạo hình ống của xương dài chắc, cứng, chịu lực.  - HS có thể nêu: giống trụ cầu, tháp Epphen, vòm nhà thờ  **B2**: GV nhận xét và bổ sung, ứng dụng trong xây dựng đảm bảo bền vững và tiết kiệm vật liệu.  + Nêu chức năng của xương dài .  + Hãy kể các xương dẹt và xương ngắn ở cơ thể người ?  + Xương dẹt và xương ngắn có cấu tạo và chức năng gì ?  ***Hoạt động 2:***  ***Mục tiêu:*** *HS nắm được sự to ra và dài ra của xương.*  **B1**: HS nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát hình 8.4 và 8.5 trang 29, 30, ghi nhớ kiến thức.  + Xương dài ra và to lên là do đâu ?  **B2**: GV dùng hình 8.5 mô tả thí nghiệm chứng minh vai trò của sụn tăng trưởng.  - Trao đổi nhóm trả lời câu hỏi  - Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác bổ sung  **B3:** HS biểu diễn thí nghiệm + Thả 1 xương đùi ếch vào cốc dung dịch HCl 10% .  + Kẹp xương đùi ếch, đốt trên đèn cồn, HS quan sát các hiện tượng xảy ra  **B4**: GV đánh giá phần trao đổi của các nhóm và giải thích như trong SGV  + *Giải thích hiện tượng liền xương khi gãy xương?*  ***Hoạt động 2:***  ***Mục tiêu:*** *HS nắm được thành phàn hóa học và tính chất của xương.*  **B1**:GV cho 1 nhóm biểu diễn thí nghiệm trước lớp.  - Nhóm làm thí nghiệm yêu cầu cả lớp cho biết kết quả của thí nghiệm:  + Đối với xương ngâm thì dùng kết quả đã chuẩn bị trước: Xương uốn cong được dễ dàng, vì trong xương bây giờ chỉ còn chất cốt giao, (đã bị axit trung hòa làm mất muối caxi )làm xương có tính đàn hồi.  + Đối với xương đốt đặt lên giấy bóp nhẹ: Xương bở ra.  + Bỏ xương đã bóp trên vào dung dịch axit, quan sát thấy sủi bọt khí, đó là khí CO2, trong phản ứng HCl tác dụng với muối canxi.  **B2**: GV đưa câu hỏi:  + Phần nào của xương cháy có mùi khét?  + Bọt khí nổi lên khi ngâm xương đó là khí gì?  + Tại sao sau khi ngâm xương lại bị dẻo và có thể kéo dài, thắt nút ?  - HS trao đổi nhóm trả lời câu hỏi.  **B3:** GV giúp HS hoàn thiện kiến thức này.  **B4**: GV giải thích thêm: về tỷ lệ chất hữu cơ và vô cơ trong xương thay đổi theo tuổi . | **I .Cấu tạo của xương.**  *1. Cấu tạo và chức năng của xương dài*  - Bảng 8.1 SGK T29  + Gồm màng xương, mô xương cứng, mô xương xốp, sụn đầu xương, sụn tăng trưởng.  +Trong khoang xương có tủy  +Xương dài có cấu tạo hình ống, mô xương xốp ở 2 đầu xương, trong xương chứa tủy đỏ là nơi sản sinh hồng cầu(trẻ em tủy đỏ, người lớn tủy vàng)  *2. Cấu tạo xương ngắn và xương dẹt*  \* Cấu tạo:  - Ngoài là mô xương cứng  - Trong là mô xương xốp với nhiều nan xương.  **II. Sự to ra và dài ra của xương**  **-** Xương dài ra: Do sự phân chia các tế bào ở lớp sụn tăng trưởng.  - Xương to thêm về bề ngang nhờ sự phân chia của các tế bào màng xương.  **III. Thành phần hóa học và tính chất của xương**  *1. Thành phần hóa học*. gồm :  - Chất vô cơ: Muối canxi.  - Chất hữu cơ: Cốt giao.  -Tỷ lệ chất hữu cơ và vô cơ trong xương thay đổi theo tuổi .  *2. Tính chất :*  Bền chắc và mềm dẻo |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

GV cho HS làm bài tập 1 trang 31 .

GV chữa bằng cách : + Cho HS đổi bài cho nhau . GV thông báo đáp án đúng .

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

(1) Giải thích vì sao xương động vật được hầm (đun sôi lâu thì bở)?

- Vì dưới tác dụng của nhiệt độ làm chất vô cơ không liên kết được với chất cốt giao.

(2) Ta có nên tự luyện tập những môn thể thao nặng trong thời gian dài (tập tạ…)

Mà không cần thầy hướng dẫn không tại sao?

- Không nên. Vì khi tập những môn thể thao nặng kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển của bộ xương, các động tác cần phải chính xác, phù hợp với lứa tuổi, tránh ảnh hưởng sấu tới sự phát triển cơ xương (bị lùn..)

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài , trả lời câu hỏi 2, 3 SGK.

Đọc mục “em có biết”

Đọc trước bài 9

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 9: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS trình bày được đặc điểm cấu tạo của tế bào cơ và của bắp cơ.

Giải thích được tính chất cơ bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ .

**2. Kĩ năng***:*

Quan sát tranh hình nhận biết kiến thức

Thu thập thông tin, khái quát hóa vấn đề

Kỹ năng hoạt động nhóm .

**3. Thái độ**: Có ý thức bảo vệ, giữ gìn hệ cơ.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tranh phóng to về thí nghiệm hình 9.2 SGK .

-Tranh phóng to hình 9.1 SGK .

-Tranh chi tiết về các nhóm cơ .

-Tranh “sơ đồ 1 đơn vị cấu trúc của tế bào cơ” ở SGK .

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Thành phần hóa học và tính chất của xương ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: GV cho hs làm phản xạ đầu gối: Ngồi trên ghế để thẳng chân xuống, lấy búa cao su gõ nhẹ vào gân xương bánh chè , thấy đoạn từ đầu gối trở xuống của chân đá ra phía trước .

**B2**: Yêu cầu hs giải thích cơ chế của phản xạ này.

-Hs chỉ trình bày được các phần của 1 cung phản xạ đã biết, còn cơ chế chưa giải thích được.

**B3**: Vậy để giải thích được ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

**- Mục tiêu:** ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ***  **Mục tiêu:** *Nắm được cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ*  **B1**: HS nghiên cứu thông tin và hình 9.1 trong SGK.  - Trao đổi nhóm trả lời câu hỏi .  + Bắp cơ có cấu tạo như thế nào ?  + Tế bào cơ có cấu tạo như thế nào ?  **B2**: GV kết hợp với tranh sơ đồ 1 đơn vị cấu trúc của tế bào cơ để giảng giải như SGV.  - Đại diện nhóm trình bày đáp án, các nhóm khác bổ sung.  **B3**: - GV nhấn mạnh: Vân ngang có được từ đơn vị cấu trúc vì có đĩa sáng và đĩa tối  ***Hoạt động 2: Tính chất của cơ***  ***Mục tiêu:*** *Nắm được tích chất của cơ là co và giãn.*  **B1**: GV mô tả cách bố trí thí nghiệm hình 9-2 SGK  - Cho biết kết quả của thí nghiệm 9.2 trang 32 SGK  - Từ thí nghiệm này ⇨ em có kết luận gì ?  + Làm thí nghiệm phản xạ đầu gối và giải thích cơ chế phản xạ của sự co cơ ?  + Như vậy cơ có tính chất gì?  + Gập cẳng tay vào sát cánh tay, em thấy bắp cơ ở trước cánh tay thay đổi ntn ? Vì sao có sự thay đổi đó ?  **B2**: HS nghiên cứu thí nghiệm SGK trang 32 trả lời câu hỏi.  + Kích thích vào dây thần kinh đi tới cơ cẳng chân ếch làm cơ co .  -Khi dùng búa cao su gõ nhẹ vào gân xương bánh chè-> kích thích vào gân cơ đùi -> phát sinh 1 xung tk theo dây tk hướng tâm truyền về tủy sống, sang các dây tk li tâm chạy đến các cơ ở mặt trước đùi, làm cơ đùi co lại, kéo cẳng chân(x.đùi, x.mác)lên phía trước.  -Gập cẳng tay vào sát với cánh tay->bắp cơ ở trước cánh tay to hơn bình thường do cơ ở 2 đầu co lại (rút ngắn) kéo xương cẳng tay(x. trụ và x.quay) co lại.  **B3:** GV cho HS quan sát lại sơ đồ đơn vị cấu trúc của tế bào cơ để giải thích.  + Tại sao người bị liệt cơ không co được ? (Cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng duỗi tối đa vì các cơ này mất khả năng tiếp nhận kích thích do đó mất trương lực cơ)  + Khi chuột rút ở chân có phải là co cơ không ?(bắp cơ bị co cứng không hoạt động được)  ***Hoạt động 3: Ý nghĩa của hoạt động co cơ***  ***Mục tiêu:*** *Nêu được ý nghĩa của co cơ và ví dụ*  **B1:** HS quan sát hình 9.4 kết hợp với nội dung 2 .  -Cơ 2 đầu là cơ gấp ở phía trước xương cánh tay, khi cơ này co lại, kéo xương trụ và xương quay lên làm tay co lại, đồng thời cơ 3 đầu ở phía sau xương cánh tay dãn ra.  + Sự co cơ có ý nghĩa như thế nào ?  + Phân tích sự phối hợp hoạt động co giãn giữa cơ 2 đầu (cơ gấp) và cơ 3 đầu (cơ duỗi) ở cánh tay như thế nào ?  **B2:** Gv chốt lại kiến thức | **I .Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ**  ***\**** *Bắp cơ :*  - Ngoài là màng liên kết, 2 đầu thon có gân, phần bụng phình to .  - Trong có nhiều sợi cơ tập trung thành các bó cơ .  ***\**** *Tế bào**cơ :* gồm nhiều tơ cơ.  - Tơ cơ dày: có các mấu lồi sinh chất, tạo vân tối  - Tơ cơ mảnh: trơn, tạo vân sáng .  - Sự sắp xếp các tơ cơ theo chiều dọc làm cho các tế bào cơ có vân ngang : vân tối và vân sáng xen kẽ nhau.  - Mỗi tế bào cơ gồm nhiều đơn vị cấu trúc: là phần tơ cơ giữa 2 tấm Z  **II. Tính chất của cơ**  - Là co và dãn.  - Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.  - Cơ co khi có kích thích và chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh .    **III. Ý nghĩa của hoạt động co cơ**  - Cơ co giúp xương cử động dẫn đến vận động sự cơ thể.  - Trong cơ thể luôn có sự phối hợp hoạt động của các nhóm cơ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

(1)Gọi một HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2)Mô tả cấu tạo của 1 tế bào cơ

(3)Đặc điểm cấu tạo nào của tế bào cơ phù hợp với chức năng co cơ ?

+ Tế bào cơ được cấu tạo từ các tơ cơ gồm các tơ cơ mảnh và tơ cơ dày.

+Khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm tế bào cơ co ngắn lại.

(4)Cả cơ gấp và cơ duỗi cẳng chân cùng co khi ta đứng để giữ xương chân thẳng đứng. Không khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng co tối đa.

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

**Mục tiêu**:

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- Có những người bơi giỏi nhưng vẫn bị chết đuối, dân gian cho rằng họ bị ma làm. Điều này có đúng không? Giải thích?

- Không đúng, tuy bơi giỏi nhưng bơi lâu, quá sức (có thể do chủ quan) gây mỏi cơ đến mức cơ không co được nữa khi chưa đến bờ, gây chết đuối.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

-Ôn tập lại kiến thức về lực, công cơ học .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 10: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS chứng minh được cơ co sinh ra công. Công của cơ được sử dụng vào lao động và di chuyển.

Trình bày được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu các biện pháp chống mỏi cơ

Nêu được lợi ích của sự luyện tập cơ, từ đó mà vận dụng vào đời sống, thường xuyên luyện tập TDTT và lao động vừa sức

**2. Kĩ năng***:*

Thu nhập thông tin, phân tích, khái quát hóa

Hoạt động nhóm.

Vận dụng lý thuyết vào thực tế

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ, rèn luyện cơ

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Máy ghi công của cơ và các loại quả cân

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Đặc điểm cấu tạo nào của tế bào cơ phù hợp với chức năng co cơ ?

-Có khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi 1 bộ phận cơ thể cùng co tối đa hoặc cùng duỗi tối đa không ? Vì sao ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: GV đưa ra câu hỏi, yêu cầu hs thảo luận đôi trả lời: tại sao phải tập thể dục giữa buổi học, giữa buổi làm việc(lao động trí óc) với những động tác vui càng tốt?

- Hs phải trả lời được: Giúp xua tan mệt mỏi, làm tăng cường hoạt động của các hệ cơ quan. Với những động tác vui giúp tinh thần sảng khoái cho thời gian còn lại của buổi học, buổi làm việc đạt năng xuất cao hơn.

**B2**: Gv: Hoạt động co cơ mang lại hiệu quả gì và làm gì để tăng hoạt động hiệu quả co cơ ?-> ta tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: Công của cơ***  ***Mục tiêu:*** *Công của cơ được sử dụng vào lao động và di chuyển.*  **B1**: GV yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ trong SGK .  - Từ bài tập trên em có nhận xét gì về sự liên quan giữa : cơ – lực và co cơ ?  + Thế nào là công của cơ?  + Làm thế nào để tính được công của cơ ?  + Cơ co phụ thuộc vào những yếu tố nào ?  - Hãy phân tích 1 yếu tố trong các yếu tố đã nêu ?  **B2**: HS tự chọn từ trong khung để hoàn thành bài tập .  - HS có thể trả lời: Hoạt động của cơ tạo ra lực làm di chuyển vật hay mang vác vật .  **B3**: HS dựa vào kết quả bài tập và nhận xét bài tập, trả lời .  **B4**: HS tiếp tục nghiên cứu thông tin SGK, trả lời câu hỏi, HS khác bổ sung .  ***Hoạt động 2: Sự mỏi cơ***  **Mục tiêu:** *Trình bày được nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu các biện pháp chống mỏi cơ*  **B1**: Để tìm hiểu mỏi cơ, cả lớp nghiên cứu thí nghiệm SGK và trả lời câu hỏi :  + Tính công co cơ và điền vào bảng 10 ?  + Từ bảng 10 em hãy cho biết với khối lượng như thế nào thì công sản ra lớn nhất ?  + Khi ngón tay trỏ kéo rồi thả quả cân nhiều lần, có nhận xét gì về biên độ co cơ trong quá trình thí nghiệm kéo dài ?  + Khi biên độ co cơ giảm, ngừng, em sẽ gọi là gì ?  🢧 Vậy mỏi cơ là gì ?  **B2**: HS lựa chọn hiện tượng nào trong đời sống là mỏi cơ  - HS theo dõi thí nghiệm, lưu ý bảng 10 .  - Trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời, yêu cầu nêu được :  + Cách tính công, khối lượng thích hợp, công lớn .  **B3:** Để tìm hiểu mỏi cơ, cả lớp nghiên cứu thí nghiệm SGK và trả lời câu hỏi :  + Tính công co cơ và điền vào bảng 10 ?  + Từ bảng 10 em hãy cho biết với khối lượng như thế nào thì công sản ra lớn nhất ?  + Khi ngón tay trỏ kéo rồi thả quả cân nhiều lần, có nhận xét gì về biên độ co cơ trong quá trình thí nghiệm kéo dài ?  + Khi biên độ co cơ giảm, ngừng, em sẽ gọi là gì ?  🢧 Vậy mỏi cơ là gì ?  + Nguyên nhân nào dẫn đến mỏi cơ ?  **B4**: HS đọc thông tin trong SGK tr.35 trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét bổ sung.  - Làm cơ thể mệt mỏi, năng suất lao động giảm  - HS có thể liên hệ thực tế khi chạy thể dục, học nhiều rất căng thẳng, …. gây mệt mỏi, cần nghỉ ngơi .  + Nguyên nhân nào dẫn đến mỏi cơ ?  + Em đã hiểu được mỏi cơ do 1 số nguyên nhân. Vậy mỏi cơ ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe và lao động ?  + Làm thế nào để cơ không bị mỏi, lao động và học tập có kết quả ?  + Khi bị mỏi cơ cần làm gì ?  ***Hoạt động 2: Thường xuyên luyện tập để rèn luyện cơ***  ***Mục tiêu:*** *Biết được lợi ích của việc rèn luyện cơ*  + Những hoạt động nào được coi là sự luyện tập ?  + Luyện tập thường xuyên có tác dụng như thế nào đến các hệ cơ trong cơ thể và dẫn đến kết quả gì đối với hệ cơ ?  + Nên có phương pháp luyện tập như thế nào để có kết quả tốt ?  - Xương rắn chắc .  - HS có thể luyện tập hay không | **I. Công của cơ :**  - Khi cơ co tạo 1 lực tác động vào vật làm vật di chuyển tức là đã sinh ra công.  - Công của cơ phụ thuộc vào các yếu tố:  + Trạng thái thần kinh  + Nhịp độ lao động .  + Khối lượng của vật**.**  **II. Sự mỏi cơ :**  - Mỏi cơ là hiện tượng cơ làm việc quá sức và kéo dài làm biên độ co cơ giảm dần và ngừng.  *1. Nguyên nhân của sự mỏi cơ :*  - Lượng O2 cung cấp cho cơ thiếu nên năng lượng sản ra ít  - Axit lăctic tích tụ, đầu độc cơ .  *2. Biện pháp chống mỏi cơ :*  - Hít thở sâu kết hợp xoa bóp cơ  - Cần có thời gian học tập, lao động, nghỉ ngơi hợp lý .  - Rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên  **III. Thường xuyên luyện tập để rèn luyện cơ :**  - Thường xuyên luyện tập TDTT vừa sức giúp:  + Tăng thể tích cơ .  + Tăng lực co cơ .  + Tinh thần sảng khoái, lao động cho năng suất cao.  **III. Thường xuyên luyện tập để rèn luyện cơ :**  - Thường xuyên luyện tập TDTT vừa sức giúp:  + Tăng thể tích cơ .  + Tăng lực co cơ .  + Tinh thần sảng khoái, lao động cho năng suất cao. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

-HS đọc phần kết luận SGK

-Công của cơ là gì ? Nguyên nhân mỏi cơ và biện pháp chống mỏi cơ ?

Giải thích hiện tượng bị chuột rút trong đời sống ?

-Hiện tượng chuột rút là ht bắp cơ bị co cứng không hoạt động được. Do hoạt động nhiều-> mồ hôi ra nhiều-> cơ thể mất nước, muối khoáng, thiếu oxi-> các tế bào hoạt động trong điều kiện thiếu oxi->giải phóng nhiều axit lactic tích tụ trong cơ-> ảnh hưởng đến sự co và duỗi của cơ-> co cơ cứng(chuột rút).

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- Em đã chọn cho mình 1 hình thức rèn luyện nào chưa ? Nếu có thì hiệu quả như thế nào ?

+ Thường xuyên tập thể dục thể thao, lao động chân tay( trên vườn, ruộng)

+ Trạng thái thần kinh sảng khoái, ý thức cố gắng.

+ Khối lượng và nhịp co cơ thích hợp

+ Thường xuyên áp dụng các biện pháp chống mỏi cơ:

+ Ăn uống đủ lượng, đủ chất cần thiết cho cơ thể.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Học bài , trả lời câu hỏi SGK .

-Đọc mục “Em có biết”

-Kẻ bảng 11 SGK trang 38 vào vở.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 11: TIẾN HÓA CỦA HỆ VẬN ĐỘNG-VỆ SINH HỆ VẬN ĐỘNG**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS chứng minh được sự tiến hóa của người so với động vật thể hiện ở hệ cơ xương.

-Vận dụng được những hiểu biết về hệ vận động để giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể, chống các tật bệnh về cơ xương thường xảy ra ở tuổi thiếu niên.

**2. Kĩ năng***:*

Phân tích tổng hợp, tư duy logic.

Nhận biết kiến thức qua kênh hình và kênh chữ .

Vận dụng lý thuyết vào thực tế .

**3. Thái độ**: GD ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ vận động để có thân hình cân đối .

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tranh phóng to hình 11.3, 11.4, 11.5 .

- Phiếu trắc nghiệm như SGV.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Công của cơ là gì ? công của cơ được sử dụng vào mục đích nào?

-Mỏi cơ là gì ? Nguyên nhân mỏi cơ và biện pháp chống mỏi cơ ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

Kiểm tra 15 phút

Chọn câu trả lời đúng nhất:

1.Xương của sọ có cấu tạo xương đôi(2 chiếc) là:

a.X. trán b. X .Chẩm c .X. Thái dương d.X.sàng

2.X duy nhất của đầu còn cử động được là:

a.X. hàm trên b.X .hàm dưới c.X. bướm d.X. mũi

3.Các xương sọ khớp với nhau theo kiểu:

a. Bán động và động b.Động và bất động c.Bất động, bán động,động d.Bất động

4.Trong các đốt xương được nêu sau đây, x. dài là:

a.X.sống b.X.đòn c.X.vai d.X.sọ

5. Trong các xương dưới đây, x.dẹt là:

a.X.bả b.X .cánh chậu c.Các x sọ d.cả a,b,c đều sai

6.X. được nêu dưới đây không phải x. ngắn là:

a.X. cổ chân b.X.sườn c.X.cổ tay d.X. đốt sống

7.X. có nhiều biến đổi cho sự phát triển tiếng nói ở người là:

a.X hàm trên b.X. trán c.X hàm dưới d.X. mũi

8.Khớp xương sau đây thuộc loại khớp động là:

a.Khớp giữa 2 xương cẳng tay(x.trụ và x.quay)

b.Khớp giữa các x. đốt sống

c.Khớp giữa x. sườn với x. ức

d.Khớp giữa x. cánh tay và x.cẳng tay

9.Cấu tạo của thân xương lần lượt từ ngoài vào trong gồm:

a.X. cứng, màng xương và khoang xương

b.Màng xương, xương cứng,và khoang xương

c.Khoang xương, xương cứng,và màng xương

d.Màng xương, khoang xương và xương cứng.

10.Trong khoang xương của thân xương có chứa:

a.Chất tủy vàng ở trẻ em

b.Chất tủy đỏ ở người già

c.Chất tủy đỏ ở trẻ em và tủy àng ở người già

d.Cả tủy đỏ và tủy vàng ở người già

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

Chúng ta đã biết con người có nguồn gốc từ động vật đặc biệt là lớp thú, trong quá trình tiến hóa con người đã thoát khỏi thế giới động vật. Cơ thể người có nhiều biến đổi , trong đó đặc biệt là sự biến đổi của cơ, xương.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú**  ***Mục tiêu:*** *HS chứng minh được sự tiến hóa của người so với động vật thể hiện ở hệ xương.*  **B1**: Gv yêu cầu HS hoàn thành bài tập ở bảng 11 .  + Gọi đại diện nhóm lên điền vào các cột ở bảng 11  **B2:** HS quan sát các hình 11.1, 11.2, 11.3 trang 37 SGK 🠆 hoàn thành bài tập  - Đại diện nhóm viết ý kiến của mình vào bảng 11, nhóm khác nhận xét và bổ sung .  **B3**: GV nhận xét đánh giá, hoàn thiện bảng 11.  + Đặc điểm nào của bộ xương người thích nghi với tư thế đứng thẳng, đi bằng 2 chân và lao động ?  **B4**: HS Trao đổi nhóm trả lời câu hỏi, yêu cầu nêu được:  + Đặc điểm cột sống .  + Lồng ngực  + Xương tay, chân phân hóa .  + Khớp ở tay và chân  ***Hoạt động 2:* Sự tiến hóa của hệ cơ người so với hệ cơ thú**  **Mục tiêu:** *HS chứng minh được sự tiến hóa của người so với động vật thể hiện ở hệ cơ.*  **B1**: Cá nhân tự nghiên cứu thông tin trong quan sát hình 11.4 và một số tranh cơ ở người, trả lời câu hỏi  + Sự tiến hóa của hệ cơ ở người so với hệ cơ ở thú thể hiện như thế nào ?  **B2**: GV nhận xét và hướng dẫn HS phân biệt từng nhóm cơ.  - Trong quá trình tiến hóa, do ăn thức ăn chín, sử dụng các công cụ ngày càng tinh xảo, do phải đi xa để tìm kiếm thức ăn nên hệ cơ xương ở người đã tiến hóa đến mức hoàn thiện phù hợp với hoạt động ngày càng phức tạp, kết hợp với tiếng nói và tư duy, con người đã khác xa so với động vật .  ***Hoạt động 3: Vệ sinh hệ vận động***  ***Mục tiêu:*** *Vận dụng được những hiểu biết về hệ vận động để giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể, chống các tật bệnh về cơ xương thường xảy ra ở tuổi thiếu niên.*  *Vận ụng được những hiểu biết về hệ vận động để giữ vệ sinh, rèn luyện thân thể, chống các tật bệnh về cơ xương thường xảy ra ở tuổi thiếu niên.*  **B1:** HS quan sát các hình 11.5 SGK trang 39, trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời .  + Để cơ xương phát triển khoẻ mạnh, cân đối chúng ta cần làm gì ?  + Hiện nay có nhiều em bị cong vẹo cột sống, em nghĩ đó là do nguyên nhân nào ?  + Để chống cong vẹo cột sống, khi lao động và học tập phải chú ý điều gì ?  - Sau bài học hôm nay em sẽ làm gì ?  **B2:** Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  **B3:** HS rút ra kết luận .  **B4:** HS thấy được sự cần thiết của rèn luyện TDTT và lao động vừa sức | **I. Sự tiến hóa của bộ xương người so với bộ xương thú** :  - Bảng 11 SGK  - Bộ xương người có cấu tạo hoàn toàn phù hợp với tư thế đứng thẳng và lao động .  **II. Sự tiến hóa của hệ cơ người so với hệ cơ thú:**  - Cơ nét mặt phân hóa giúp biểu hiện trạng thái tình cảm khác nhau .  - Cơ vận động lưỡi phát triển.  - Cơ tay phân hóa nhiều nhóm nhỏ.  - Cơ chân: lớn, khỏe .  - Cơ gập ngửa thân  **III. Vệ sinh hệ vận động:**  Để cơ xương phát triển khoẻ mạnh, cân đối phải:  - Có chế độ dinh dưỡng hợp lí  - Thường xuyên tập TDTT .  - Thường xuyên tiếp xúc với ánh nắng .  - Lao động vừa sức, mang vác đều ở 2 vai  - Ngồi học đúng tư thế. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi 1 học sinh đọc phần ghi nhớ SGK

Đánh dấu “X” vào các đặc điểm chỉ có ở người không có ở động vật

Xương sọ lớn hơn mặt

Cột sống cong hình cung

Lồng ngực nở theo chiều lưng - bụng

Cơ nét mặt phân hóa

Cơ nhai phát triển

Khớp cổ tay kém linh động

Khớp chậu – đùi có cấu tạo hình cầu, hố khớp sâu

Xương bàn chân xếp trên 1 mặt phẳng

Ngón chân cái đối diện với 4 ngón kia

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Các em gái thường đi giày có gót quá cao. Điều này có nên không? Tại sao?

Không nên. Vì đi giày quá cao làm cho các ngón chân phải chịu lực quá nhiều hơn bình thường, dẽ gây mất thăng bằng ,bước đi không vững chắc, gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của bộ xương tuổi đang phát triển.

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài , trả lời câu hỏi SGK .

Chuẩn bị cho bài thực hành theo nhóm như mục II SGK trang 40.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 12-THỰC HÀNH:**

**TẬP SƠ CỨU VÀ BĂNG BÓ CHO NGƯỜI BỊ GÃY XƯƠNG**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS sinh biết cách sơ cứu khi gặp người bị gãy xương.

Biết băng cố định xương bị gãy, cụ thể là xương căng tay.

**2. Kĩ năng***:* Rèn thao tác sơ cứu khi gặp người gãy xương.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ thân thể .

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Chuẩn bị nẹp băng y tế dây, vải.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Chuẩn bị theo nhóm đã phân công .

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Phần chuẩn bị của HS

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: Gv yêu cầu hs giải thích tại sao xương người già lại dễ gãy và lâu phục hồi hơn xương trẻ em ( dựa vào kiến thức bài cấu tạo và tính chất của xương)?

- Khả năng gãy xương có liên quan đến lứa tuổi vì:

+ Xương trẻ em có muối caxi ít hơn người trưởng thành nên độ cứng chắc của xương kém hơn người lớn. Nhưng nếu bị gãy xương thì xương mau phục hồi vì xương phát triển nhanh.

+ Xương người già bị phân hủy nhanh hơn sự tạo thành nên xương giòn, dễ gãy và sự phục hồi chậm, không chắc chắn.

**B2**: Để bảo vệ xương , khi tham gia giao thông , em cần chấp hành tốt luật, lệ giao thông.

**B3**: Vậy gặp người gãy xương chúng ta nên làm gì để giúp họ?

Để giải quyết vấn đề này ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS**  **Hoạt động 1:**  **Mục tiêu:** HS sinh biết cách sơ cứu khi gặp người bị gãy xương.  **B1**: HS trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời, yêu cầu phân biệt các trường hợp gãy xương : tai nạn, trèo cây, chạy ngã….  **-** Nguyên nhân nào dẫn đến gãy xương ?  **B2**: Khi gặp người bị gãy xương chúng ta cần phải làm gì ? | **Nội dung, yêu cầu cần đạt**  **I. Nguyên nhân gãy xương:**  Gãy xương do nhiều nguyên nhân.  Khi bị gãy xương phải sơ cứu tại chỗ.  - Không được nắm bóp bừa bãi. |
| **B3**: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  ***Hoạt động 2:***  **Mục tiêu:** Biết băng cố định xương bị gãy, cụ thể là xương căng tay.  **B1**: Nếu có điều kiện cho cả lớp xem băng hình các thao tác băng bó cố định.  - Không có băng hình thì GV dùng 1 nhóm làm mẫu.  - Các nhóm theo dõi băng hình, trình bày các bước thao tác.  **B2**: GV đi quan sát các nhóm uốn nắn, giúp đỡ, nhất là các nhóm yếu.  - Các nhóm nghiên cứu SGK trang 40, 41 tiến hành tập băng bó.  **B3:** GV gọi đại diện 1 – 4 nhóm để kiểm tra .  - GV cho các nhóm nhận xét đánh giá kết quả lẫn nhau.  - Nhóm được kiểm tra phải trình bày:  + Các thao tác băng bó.  + Sản phẩm làm được.  + Lưu ý băng bó.  - Nhóm khác nx bổ sung.  - HS tự hoàn thiện các thao tác và ghi vào vỡ.  **B4**: GV chọn 3 nhóm làm đúng và đẹp nhất đánh giá, rút kinh nghiệm cho các nhóm khác.  **-** Em cần làm gì khi tham gia giao thông, lao động, vui chơi tránh cho mình và người khác bị gãy xương ?  - Nhóm khác nx bổ sung.  - HS tự hoàn thiện các thao tác và ghi vào vỡ.  **-** Đảm bảo an toàn giao thông.  **-** Tránh đùa nghịch, vật nhau.  **-** Tránh dẫm chân tay bạn. | **II. Tập sơ cứu và băng bó:**  \* Sơ cứu  **-** Đặt 2 nẹp gỗ, tre vào 2 bên chỗ xương gãy.  **-** Lót vải mềm gấp dày vào các chỗ đầu xương.  **-** Buộc định vị 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy.  \* Băng bó cố định.  **-** Với xương ở tay : dùng băng y tế quấn chặt từ trong ra cổ tay, làm dây đeo cẳng tay vào cổ.  **-** Với xương ở chân: Băng từ cổ chân vào, nếu là xương đùi thì dùng nẹp dài từ sườn đến gót chân và buộc cố định ở phần thân. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

-GV đánh giá chung giờ thực hành về ưu, nhược điểm.

-Cho điểm nhóm làm tốt. Nhắc nhở nhóm làm chưa đạt yêu cầu (nếu có).

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

(1) Gặp người bị tai nạn gãy xương, chúng ta không nên nắn lại chỗ xương gãy, vì làm như vậy sẽ có thể gây rách da, đứt mạch máu, đứt dây thần kinh dẫn đến tử vong.

(2) Những nguyên nhân dẫn tới gãy xương như:

-Người bị bệnh loãng xương(phụ nữ nhiều tuổi)

-Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Yêu cầu : mỗi nhóm làm một bản thu hoạch

-Tìm hiểu về máu : máu có ở đâu trong cơ thể, gồm những thành phần nào ?

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**CHƯƠNG III: TUẦN HOÀN**

**BÀI 13: MÁU VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CƠ THỂ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS cần phân biệt được các thành phần của máu.

Trình bày được chức năng của huyết tương và hồng cầu.

Phân biệt được máu, nước mô và bạch huyết.

Trình bày được vai trò của môi trường trong cơ thể.

**2. Kĩ năng***:*

Thu thập thông tin, quan sát tranh hình, phát hiện kiến thức.

Khái quát tổng hợp kiến thức.

Hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ thân thể tránh mất máu.

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

II. Chuẩn bị bài học

1. Chuẩn bị của giáo viên:

-Tranh tế bào máu, tranh phóng to hình 13.2 SGK trang 43.

-Mẫu máu động vật lắng đọng tự nhiên với chất chống đông.

2. Chuẩn bị của học sinh: Một số nhóm chuẩn bị tiết gà, lợn để trong đĩa hay bát.

III. Tiến trình bài học

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: GV đưa ra mẫu máu gà đã được làm đông và yêu cầu học sinh quan sát, dự đoán thành phần của máu?

HS: quan sát máu gà sau khi đông được chia thành 2 phần rõ rệt, 1 phần có màu hơi vàng, lỏng nổi lên trên, phần còn lại màu đỏ, đặc, lắng xuống đáy cốc

**B2**:Em hãy dự đoán chức năng của các thành phần?

HS:

- Phần chất lỏng màu vàng giữ máu ở trạng thái lỏng

- Phần chất đặc màu đỏ làm chức năng còn lại (HS chưa dự đoán được)

**B3**: Để tìm hiểu cụ thể về thành phần cũng như chức năng của máu 🡪 vào bài ngày hôm nay

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**  **Mục tiêu:** *Tìm hiểu thành phần cấu tạo của máu*  **B1**: Gv cho HS quan sát thí nghiệm như hình 13-1.  + Thí nghiệm trên thu được kết quả ntn ?  - HS quan sát, nghiên cứu thông tin trong SGK trả lời câu hỏi.  **B2**: Gv yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ SGK trang 42.  + Vậy máu gồm những thành phần nào ?  - Giới thiệu thành phần của huyết tương, khả năng kết hợp của hồng cầu với O2 và CO2  - Các nhóm hoàn thành bài tập điền từ.  - HS căn cứ bài tập rút ra kết luận.  - HS nghe giảng  **B3**: GV yêu cầu hoàn thành bài tập mục ▽ SGK trang 43.  **B4**: Cá nhân tự đọc thông tin □ trong SGK và theo dõi bảng 13, trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời.  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.  🢧 Huyết tương có chức năng gì ?  + Hồng cầu có chức năng gì ?  ***Hoạt động 2:***  ***Mục tiêu:*** *Phân biệt được máu, nước mô và bạch huyết.*  **B1**: HS nghiên cứu SGK trang 43, trả lời câu hỏi .  + Các tế bào ở sâu trong cơ thể có thể trao đổi các chất trực tiếp với môi trường ngoài hay không ?  + Sự trao đổi chất của tế bào trong cơ thể người với môi trường ngoài phải gián tiếp thông qua các yếu tố nào ?  **B2**: Chỉ có tế bào biểu bì da mới tiếp xúc trực tiếp với môi trường ngoài, còn các tế bào trong phải trao đổi gián tiếp.  + Qua yếu tố lỏng ở gian bào .  **B3:** Gv giảng giải về sự tạo thành nước mô từ máu và quan hệ của máu, nước mô và bạch huyết trên hình 13-2 SGK  + Môi trường trong gồm những thành phần nào ?  + Vai trò của môi trường trong là gì ?  **B4**: HS tự rút ra kiến thức. | **I. Máu.**  *1. Tìm hiểu thành phần cấu tạo của máu:*  - Huyết tương: lỏng, màu vàng nhạt chiếm 55% V  - Tế bào máu: gồm hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu chiếm 45% V  *2. Tìm hiểu chức năng của huyết tương và hồng cầu:*  - Huyết tương: duy trì máu ở trạng thái lỏng, vận chuyển các chất chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và chất thải.  - Hồng cầu: Có huyết sắc tố (Hb) có khả năng kết hợp với O2 và CO2 để vận chuyển từ phổi về tim tới các tế bào và từ tế bào về tim lên phổi.  **II. Môi trường trong cơ thể:**  - Gồm máu, nước mô và bạch huyết.  - Môi trường trong giúp tế bào trao đổi chất với môi trường ngoài. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

HS đọc kết luận chung SGK .

Máu gồm những thành phần cấu tạo nào?Chức năng của huyết tương và hồng cầu là gì ?

Môi trường trong gồm những thành phần nào ? môi trường trong có vai trò gì đối với cơ thể sống ?

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

1. Tại sao khi bị thương, chảy nhiều máu, việc đầu tiên phải làm là xử lý cầm máu?

2. Một số bạn học sinh có thói quen là chỉ uống nước khi cơ thể cảm thấy khát, theo em thói quen này có đúng không? Giải thích?

3. Trong điều trị cho bệnh nhân bị tiêu chảy, việc cần làm là bổ sung chất điện giải oresol,

em hãy giải thích cơ sở của việc làm này?

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài, trả lời câu hỏi SGK.

Đọc mục “em có biết”

Tìm hiểu về tiêm phòng bệnh dịch trẻ em và một số bệnh khác.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 14: BẠCH CẦU- MIỄN DỊCH**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

HS nêu được 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể khỏi tác nhân gây nhiễm.

Trình bày khái niệm miễn dịch.

Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân đạo.

**2. Kĩ năng***:*

Quan sát tranh hình SGK, nghiên cứu thông tin, phát hiện kiến thức.

Vận dụng kiến thức giải thích thực tế.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức rèn luyện cơ thể, ý thức tiêm phòng bệnh dịch

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Tranh phóng to hình 14.1, 14.2,14.2 SGK.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Tư liệu về miễn dịch.

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

Thành phần của máu, chức năng của huyết tương và hồng cầu ?

Môi trường trong gồm những thành phần nào ? có vai trò gì đối với cơ thể ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1**: Như chúng ta đã biết, bệnh cảm cúm thông thường là bệnh rất dễ mắc phải, từ khi sinh ra, ai trong chúng ta cũng ít nhất đã từng một lần bị cảm cúm bằng kiến thức thực tế, em hãy cho biết nguyên nhân gây ra cúm? Cách điều trị mà bản thân em và gia đình đã sử dụng?

HS: nguyên nhân gây ra cúm: do virus cúm gây nên

Cách điều trị: uống thuốc cảm cúm (một số HS sẽ có ý kiến là không cần uống thuốc cũng tự khỏi)

**B2**:GV: khi bị cúm là chúng ta bị virus cúm xâm nhập, thông thường chúng ta sẽ sử dụng kháng sinh và các loại thuốc hỗ trợ, nhưng điều đó chỉ thực sự cần thiết khi chúng ta bị sốt cao (trên 390), còn trong điều kiện này bệnh diễn biến không nghiêm trọng, bệnh sẽ tự khỏi vì trong cơ thể chúng ta có hệ thống bảo vệ chống lại virus đó chính là các tế bào bạch cầu để tìm hiểu kĩ hơn về cơ chế bảo vệ cơ thể của hệ thống này chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài hôm nay.

**B3**: Khi em bị mụn ở tay, tay sưng tấy và đau vài hôm rồi khỏi, trong nách có hạch. Vậy do đâu mà tay khỏi đau ? Hạch ở trong nách là gì ?

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu**  **Mục tiêu:** HS nêu được 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể khỏi tác nhân gây nhiễm.  **B1**: HS nghiên cứu thông tin. Quan sát hình 14.2 trả lời câu hỏi HS khác bổ sung  + Thế nào là kháng nguyên, kháng thể ?  + Sự tương tác giữa kháng nguyên và kháng thể theo cơ chế nào ?  + Vi khuẩn, vi rút khi xâm nhập vào cơ thể sẽ gặp những hoạt động nào của bạch cầu ?  + Sự thực bào là gì ? Những loại bạch cầu nào thường tham gia thực bào?  + Tế bào B đã chống lại các kháng nguyên bằng cách nào ?  + Tế bào T đã phá huỷ các tế bào cơ thể nhiễm khuẩn, vi rút bằng cách nào ?  **B2**: HS đọc thông tin kết hợp quan sát hình 14.1, 14.3, 14.4 SGK, ghi nhớ kiến thức.  - Trao đổi nhóm hoàn thành câu trả lời.  **B3**: Gọi 1 HS trình bày cơ chế bảo vệ cơ thể của bạch cầu.  **B4**: HS trình bày cơ chế bảo vệ cơ thể của bạch cầu  ***Hoạt động 2:* Miễn dịch**  **Mục tiêu:** Trình bày khái niệm miễn dịch.  **B1**: HS nghiên cứu thông tin trong SGK, trả lời.  **-** Dịch đau mắt đỏ có một số người mắc bệnh, nhiều người không bị mắc. Những người không mắc đó có khả năng miễn dịch với bệnh này.  + Miễn dịch là gì ?  + Có những loại miễn dịch nào ?  + Sự khác nhau giữa các loại miễn dịch đó là gì ?  **B2**: HS liên hệ thực tế, các thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trả lời : sởi, lao, ho gà, bạch hầu, uốn ván, bại liệt  **B3:** Gv giảng giải về vắc xin.  **B4:** Hiện nay trẻ em đã được tiêm phòng những bệnh nào ? | **I. Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu:**  - Kháng nguyên là phân tử ngoại lai có khả năng kích thích cơ thể tiết kháng thể.  - Kháng thể: Là những phân tử prôtêin do cơ thể tiết ra chống lại kháng nguyên.  - Cơ chế: chìa khoá ổ khoá.  Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cách:  - Thực bào: Bạch cầu hình thành chân giả bắt và nuốt vi khuẩn rồi tiêu hoá.  + Tiết kháng thể vô hiệu hoá kháng nguyên.  + Phá huỷ tế bào đã bị nhiễm vi khuẩn bằng cách nhận diện và tiếp xúc với chúng.  **II. Miễn dịch:**  - Miễn dịch: Là khả năng cơ thể không mắc một số bệnh nào đó dù sống ở môi trường có vi khuẩn gây bệnh.  Có 2 loại miễn dịch:  + Miễn dịch tự nhiên: Khả năng tự chống bệnh của cơ thể (do kháng thể).  + Miễn dịch nhân tạo: Tạo cho cơ thể khả năng miễn dịch bằng vắc xin. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

HS đọc kết luận SGK

Các bạch cầu đã tham gia bảo vệ cơ thể bằng những cơ chế nào ?

Miễn dịch là gì ?

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời*

1. Khi đã được tiêm phòng một loại bệnh nào đó, chúng ta có thể bị mắc loại bệnh đó không? Vì sao?

(Có, vì có thể:

- Sau một thời gian lượng kháng thể của chúng ta sẽ giảm dần 🡪 dưới ngưỡng bảo vệ 🡪 phải tiêm nhắc lại

- Các tác nhân gây bệnh có thể biến đổi theo thời gian ví dụ bệnh cúm do virus cúm gây nên, nhưng loại virus này biến thể rất nhanh 🡪 Vacxin gần như không hiệu quả

- Tiêm vacxin không đủ liều lượng 🡪 phải tuân thủ đúng liệu trình tiêm để đảm bảo phát huy tác dụng của vacxin

- Bị nhiễm bệnh ngay sau khi tiêm vacxin lúc ấy cơ thể chưa kịp tạo kháng thể)

2. Nêu hiểu biết của em về cơ chế lây nhiễm của virus HIV đối với cơ thể?

(Khi xâm nhập vào cơ thể qua đường máu,virus HIV sẽ tấn công các tế bào bạch cầu lympho T-phòng tuyến cuối cùng của cơ thể, chúng sẽ sử dụng vật liệu di truyền của tế bào này để nhân lên và gắn với vật chất di truyền của tế bào T 🡪 phá hủy tế bào T 🡪 hệ thống miễn dịch của cơ thể sẽ bị suy yếu, cuối cùng là bị vô hiệu hóa, cơ thể không còn được bảo vệ nên dễ dàng bị nhiễm những bệnh ”cơ hội” 🡪tử vong.

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài trả lời câu hỏi SGK.

Đọc mục “em có biết”

- Tìm hiểu về cho máu và truyền máu .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 15: ĐÔNG MÁU VÀ NGUYÊN TẮC TRUYỀN MÁU**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS trình bày được cơ chế đông máu và vai trò của nó trong bảo vệ cơ thể.

- Trình bày được các nguyên tắc truyền máu.

**2. Kĩ năng***:*

-Quan sát sơ đồ thí nghiệm tìm kiến thức.

-Giải thích các hiện tượng liên quan đến đông máu trong đời sống.

**3. Thái độ**:

-Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ cơ thể, biết xử lí khi bị chảy máu và giúp đỡ những người xung quanh .

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

1. Chuẩn bị của giáo viên:Tranh phóng to hình SGK trang 48, 49, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

- Trình bày cơ chế bảo vệ cơ thể của bạch cầu ?

- Em đã từng tiêm phòng chưa ? Nếu có thì tiêm phòng bệnh nào ? Em hiểu thế nào về vai trò của vắcxin ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

- GV: Em đã bao giờ bị đứt tay hay một vết thương nào đó gây chảy máu chưa? Vết thương đó lớn hay nhỏ, chảy máu nhiều hay ít? Và lúc đó em đã tự xử lý hay được xử lý như thế nào?

- HS: Liên hệ bản thân trình bày.

- GV dẫn vào bài mới.

Trong lịch sử phát triển y học, con người đã biết truyền máu, song rất nhiều trường hợp gây tử vong, đó là do khi truyền máu thì máu bị đông lại. Vậy yếu tố nào gây nên sự đông máu và theo cơ chế nào ? Ta nghiên cứu ở bài hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Đông máu**  ***- Mục tiêu:*** *HS trình bày được cơ chế đông máu và vai trò của nó trong bảo vệ cơ thể.*  **B1**: Cơ thể người có khoảng 4 – 5l máu. Nếu bị thương chảy máu và mất khoảng hơn 1/3 lượng máu của cơ thể thì tính mạng sẽ bị nguy hiểm. Thực tế, với những vết thương nhỏ, máu chảy vài phút, chậm dần rồi ngừng hẳn nhờ 1 khối máu đông.  + Sự đông máu liên quan tới yếu tố nào của máu ?  + Máu không chảy ra khỏi mạch nữa là nhờ đâu ?  + Tiểu cầu đóng vai trò gì trong quá trình đông máu?  🢧 Đông máu ? Ý nghĩa của sự đông máu ?  + Khi bị chảy máu, vấn đề đầu tiên cần giải quyết là gì ?  + Vì sao máu lưu thông trong mạch không bị đông, hễ ra khỏi mạch là đông ngay ?  **B2**: Cá nhân tự nghiên cứu thông tin và sơ đồ trong SGK trang 48 và ghi nhớ kiến thức .  **B3**: HS trả lời  - Phải cầm máu ngay đối với vết thương to chảy nhiều máu, vết thương nhỏ máu có thể tự đông  ***Hoạt động 2:* Các nguyên tắc truyền máu**  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được các nguyên tắc truyền máu.*  **B1**: HS tự nghiên cứu thí nghiệm của LanStaynơ, hình 15.2 SGK trang 48, 49, trả lời .  **B2**: + Hồng cầu máu người cho có loại kháng nguyên nào ?  + Huyết tương trong máu người nhận có nhận có loại kháng thể nào ? chúng có gây kết dính hồng cầu trong máu người cho hay không ?  **B3:** Hoàn thành bài tập “Mối quan hệ cho và nhận giữa các nhóm máu”  - HS thảo luận nhóm viết sơ đồ  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung  **B4**: Trả lời câu hỏi mục ▽ SGK tr.49 + 50  🢧 Khi truyền máu cần tuân thủ nguyên tắc nào ?  + Nêu ý nghĩa của việc truyền máu ?  - HS trả lời  - HS tự rút ra kết luận  - GV giới thiệu ngày 7/4 : ngày hiến máu nhân đạo ở VN. | **I. Đông máu :**  - Đông máu: là hiện tượng hình thành khối máu đông hàn kín vết thương.  - Vai trò: Bảo vệ cơ thể chống mất máu khi bị thương chảy máu.  - Cơ chế: SGK  **II. Các nguyên tắc truyền máu :**  *1. Các nhóm máu ở người*  - Ở người có 4 nhóm máu A, B, AB, O .  - Sơ đồ mối quan hệ cho và nhận :  A  A  O O AB AB    B  B  *2. Các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền máu*  - Máu đem truyền phải phù hợp với máu người nhận.  - Máu đem truyền phải sạch bệnh.  - Truyền máu phải từ từ |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

HS đọc phần ghi nhớ SGK

Trò chơi ô chữ

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Hãy cho biết:

*? Hiến máu có hại cho sức khoẻ không? Vì sao?*

*? Những ai có thể hiến được máu và những ai không thể hiến máu?*

*? Ngày nào trong năm được chọn làm ngày “Toàn dân hiến máu nhân đạo”? Nêu hiểu biết của e về chương trình này? Làm thế nào để chương trình này được phổ biến trong cộng đồng?*

(Ở Việt Nam lấy ngày 7/4 là ngày “Toàn dân hiến máu nhân đạo”)

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài, trả lời câu hỏi SGK. Đọc mục “em có biết”

Ôn lại kiến thức hệ tuần hoàn ở lớp thú .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 16: TUẦN HOÀN MÁU VÀ LƯU THÔNG BẠCH HUYẾT**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng .

-HS nắm được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng

**2. Kĩ năng***:*

-Quan sát tranh hình SGK, nghiên cứu thông tin, phát hiện kiến thức.

-Vận dụng lí thuyết vào thực tế: xác định vị trí của tim trong lồng ngực

-Hoạt động nhóm .

**3. Thái độ**:

-Giáo dục ý thức bảo vệ tim, tránh tác động mạnh vào tim .

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Tranh phóng to hình 16.1, 16.2, tranh hệ tuần hoàn có thêm phần bạch huyết 14.2 SGK .

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Đông máu là gì ? Nêu cơ chế của quá trình đông máu ?

-Ở người có mấy nhóm máu ? Nêu nguyên tắc truyền máu ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

- GV: Tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Thi kể tên các thành phần của hệ tuần hoàn máu”.

- HS: Chia thành các đội chơi, tiến hành thảo luận. Lần lượt các thành viên của mỗi đội ghi đáp án lên bảng. Đội thắng là đội kể được nhiều bộ phận nhất, trong thời gian ngắn nhất.

-GV cho HS lên bảng chỉ trong tranh các thành phần của hệ tuần hoàn máu. Vậy máu lưu thông trong cơ thể như thế nào và tim có vai trò gì ?

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1:Tuần hoàn máu**  ***Mục tiêu:*** *HS trình bày được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng .*  **B1**: Cá nhân tự nghiên cứu hình 16.1 SGK , trả lời  + Hệ tuần hoàn gồm những thành phần nào ?  + Cấu tạo mỗi thành phần đó như thế nào ?  - HS chỉ và thuyết minh trên tranh phóng to.  **B2**: GV đánh giá kết quả và phải lưu ý HS:  + Với tim: Nửa phải chứa máu đỏ thẫm (màu xanh trên tranh), nửa trái chứa máu đỏ tươi (màu đỏ trên tranh).  + Còn hệ mạch: Không phải màu xanh là tĩnh mạch, màu đỏ là máu động mạch .  **B3**: HS quan sát hình 16.1 lưu ý chiều đi của mũi tên và màu máu trong động mạch, tĩnh mạch .  - Trao đổi nhóm và thống nhất câu trả lời.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả trên tranh và các nhóm khác nhận xét bổ sung  + Trả lời 3 câu hỏi mục ▽ SGK tr.51  **B4**: GV đánh giá kết quả của các nhóm, bổ sung kiến thức cho hoàn chỉnh  ***Hoạt động 2:* Lưu thông bạch huyết**  ***Mục tiêu:*** *HS nắm được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng*  **B1**: HS nghiên cứu hình 16.2 và thông tin trong SGK trang 52 trả lời câu hỏi bằng cách ghi trên hình vẽ.  **B2**: **-** GV cho HS quan sát tranh và giới thiệu về hệ bạch huyết  + Hệ bạch huyết gồm những thành phần cấu tạo nào ?  - Hạch bạch huyết như 1 máy lọc, khi bạch huyết chảy qua các vật lạ lọt vào cơ thể được giữ lại. Hạch thường tập trung ở cửa vào các tạng, các vùng khớp .  + Mô tả đường đi của bạch huyết trong phân hệ lớn và nhỏ ?  + Hệ bạch huyết có vai trò gì ?  - Bạch huyết có thành phần tương tự như huyết tương, không chứa hồng cầu và bạch cầu (chủ yếu là dạng Lim phô). Bạch huyết liên hệ mật thiết với hệ tĩnh mạch của vòng tuần hoàn máu và bổ sung cho nó  **B3:** HS nghiên cứu SGK, trình bày trên hình 16-2 và HS khác nhận xét bổ sung. | **I. Tuần hoàn máu:**  *a. Cấu tạo hệ tuần hoàn*: gồm: Tim và hệ mạch .  **-** Tim :  + Có 4 ngăn: 2 tâm thất, 2 tâm nhĩ .  + Nửa phải chứa máu đỏ thẫm, nửa trái chứa máu đỏ tươi .  **-** Hệ mạch:  + Động mạch: xuất phát từ tâm thất .  + Tĩnh mạch: trở về tâm nhĩ  + Mao mạch: nối động mạch và tĩnh mạch .  *b. Vai trò của hệ tuần hoàn:*  - Tim: làm nhiệm vụ co bóp tạo lực đẩy máu.  - Hệ mạch: dẫn máu từ tim đến các tế bào và từ các tế bào trở về tim .  + Vòng tuần hoàn lớn: Từ TTT → ĐMC → mao mạch cơ quan (TĐC) → TMC → TNP .  + Vòng tuần hoàn nhỏ: Từ TTP → đmp → mao mạch phổi (TĐK) → TMP → TNT  **-** Máu lưu thông trong toàn bộ cơ thể nhờ hệ tuần hoàn .  **II. Lưu thông bạch huyết:**  *a. Cấu tạo hệ bạch huyết:* gồm 2 phân hệ: phân hệ lớn và phân hệ nhỏ  - Mỗi phân hệ gồm:  Mao mạch bạch huyết  Mạch bạch huyết  Hạch bạch huyết .  Ống bạch huyết.  *b. Vai trò của hệ bạch huyết:*  - Sự luân chuyển bạch huyết : mao mạch bạch huyết → mạch bạch huyết → hạch bạch huyết → mạch bạch huyết → ống bạch huyết → tĩnh mạch máu.  - Hệ bạch huyết cùng với hệ tuần hoàn máu thực hiện chu trình luân chuyển môi trường trong của cơ thể và tham gia bảo vệ cơ thể |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­-HS đọc kết luận chung trong SGK .

-­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­GV treo tranh, sơ đồ hệ tuần hoàn máu và bạch huyết, yêu cầu HS trình bày cấu tạo và vai trò của từng hệ .

-GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 SGK trang 53 .

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- HS đọc mục “Em có biết” sgk/t53, nêu hiểu biết về chứng xơ vữa động mạch và các biện pháp phòng tránh.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Học bài, trả lời câu hỏi SGK.

-Đọc mục “em có biết”

-Ôn tập lại cấu tạo của tim và mạch ở động vật .

-Kẻ bảng 17.1 trang 54 vào vở .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 17: TIM VÀ MẠCH MÁU**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-HS chỉ ra được các ngăn tim (ngoài và trong), van tim

-Phân biệt được các loại mạch máu

-Trình bày rõ đặc điểm các pha trong chu kì co dãn tim

**2. Kĩ năng***:*

-Tư duy suy đoán, dự đoán

-Tổng hợp kiến thức

-Vận dụng lí thuyết. Tập đếm nhịp tim lúc nghỉ và sau khi hoạt động

**3. Thái độ**:

-Giáo dục ý thức bảo vệ tim và mạch

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Mô hình tim, tim lợn mổ phanh (rõ van tim)

+ Tranh phóng to hình 17.1, 17.2, 17.3 SGK

+ Phiếu học tập : “Cấu tạo và chức năng của mạch máu”

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Vai trò của tim trong hệ tuần hoàn máu là gì ?

-Hệ bạch huyết có vai trò như thế nào ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

- GV: Thử dùng tay xác định vị trí của tim trong lồng ngực của mình. Có thể dùng ngón tay để xác định điểm đập, nơi mỏm tim (đỉnh tim) chạm vào thành trước của lồng ngực? Chúng ta có thể điều khiển sự hoạt động của tim (nhanh hay chậm) theo ý muốn của mình được hay không? Tại sao?

- HS: Thực hiện xác định được vị trí của tim ở bên trái lồng ngực. Chúng ta không thể điều khiển hoạt động của tim theo ý muốn của mình vì tim cấu tạo bởi mô cơ tim, hoạt động không theo ý muốn của con người.

- GV: Dẫn vào bài mới.

- Chúng ta đều đã biết tim có vai trò quan trọng, đó là co bóp đẩy máu, vậy tim phải có cấu tạo như thế nào để đảm bảo chức năng đẩy máu đó .

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** | |
| **Hoạt động 1:Cấu tạo tim**  **Mục tiêu:** HS chỉ ra được các ngăn tim (ngoài và trong), van tim  **B1**: HS qs hình 17.1 SGK tr.54 kết hợp với mô hình để xác định cấu tạo tim, trả lời  + Trình bày cấu tạo ngoài của tim ?  **B2**: GV : có màng tim bao bọc bên ngoài .  + Hoàn thành bảng 17.1  + Dự đoán xem: ngăn tim nào có thành cơ dày nhất và ngăn nào có thành cơ mỏng nhất ?  + Dự đoán : giữa các ngăn tim và trong các mạch máu phải có cấu tạo như thế nào để máu chỉ bơm theo 1 chiều ?  - HS tự dự đoán câu hỏi trên cơ sở kiến thức bài trước  - Thống nhất trong nhóm dự đoán và có lời giải thích.  **-** Đại diện nhóm trình bày kết quả dự đoán.  - Các nhóm tiến hành mổ tim → phanh rộng quan sát.  **B3**: GV ghi dự đoán của 1 vài nhóm lên bảng để cả lớp theo dõi .  - Tự so sánh với dự đoán của nhóm.  + Các em so sánh và xem dự đoán của nhóm mình đúng hay sai ?  **B4**: GV chữa bảng 17.1  + Trình bày cấu tạo trong của tim ?  + Vậy cấu tạo tim phù hợp với chức năng thể hiện như thế nào ?  - Liên hệ thực tế bệnh hở van tim ?  - HS trả lời → HS khác bổ sung.  ***Hoạt động 2:* Cấu tạo mạch máu**  ***Mục tiêu:*** *Phân biệt được các loại mạch máu*  **B1**: Cá nhân tự nghiên cứu hình 17.2 tr 55 SGK.  + Hãy cho biết có những loại mạch máu nào ?  **B2**: Trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập.  **B3:** Đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác bổ sung | | | | **I. Cấu tạo tim :**  *a. Cấu tạo ngoài :*  - Tim có dạng hình chóp, phần đáy ở trên, đỉnh ở phía dưới.  - Màng tim bao bọc bên ngoài tim.  *b. Cấu tạo trong:*  - Tim được cấu tạo bởi cơ tim và mô liên kết.  - Tim 4 ngăn. Giữa tâm nhĩ với tâm thất có van nhĩ – thất. Giữa tâm thất với động mạch có van bán nguyệt 🠆 máu lưu thông theo một chiều.  - Thành tim : 3 lớp (màng liên kết, lớp cơ, lớp nội mô). Thành cơ tâm thất dày hơn thành cơ tâm nhĩ    **II. Cấu tạo mạch máu:** | |
| Đặc điểm | | Động mạch | Tĩnh mạch | | Mao mạch |
| Cấu tạo | Thành mạch | - 3 lớp: Mô liên kết, Cơ trơn, Biểu bì.  - Dày hơn | - 3 lớp: Mô liên kết, Cơ trơn, Biểu bì.  - Mỏng hơn | | - Chỉ có 1 lớp biểu bì.  - Mỏng nhất |
| Lòng trong | - Hẹp hơn tĩnh mạch | - Rộng hơn động mạch | |  |
| Chức năng | | - Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc với vận tốc cao, áp lực lớn | - Dẫn máu từ khắp tế bào của cơ thể về tim với vận tốc, áp lực nhỏ | | - Trao đổi chất  với các tế bào |
| **Hoạt động 3: Chu kì co dãn của tim**  **Mục tiêu:** Trình bày rõ đặc điểm các pha trong chu kì co dãn tim.  **B1**: Cá nhân quan sát hình 17-3 SGK tr.56, trả lời.  + Chu kì tim gồm mấy pha ? Kéo dài bao nhiêu giây ?  + Trả lời câu hỏi mục ▽ SGK tr.56 (Lưu ý: Tính nhịp tim/ phút)  **B2**: HS dựa vào chu kỳ tim để giải thích câu hỏi.  + Tại sao tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi ? | | | | **III. Chu kì co dãn của tim:**  Gồm 3 pha.  - Pha nhĩ co: (0,1s) máu từ tâm nhĩ → tâm thất.  - Pha thất co: (0,3s) máu từ tâm thất vào động mạch phổi và động mạch chủ.  - Pha dãn chung: (0,4s) toàn bộ tim dãn ra thu máu về đầy 2 tâm nhĩ. | |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

-HS đọc kết luận SGK

-Gv dùng hình phóng to hình 17.4 tr.57 SGK và các mảnh bìa có ghi tên: động mạch, tĩnh mạch tâm nhĩ, tâm thất, van…

-Gọi 1 học sinh gắn vào tranh cho phù hợp → GV cho điểm HS làm đúng.

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

?Vì sao tim hoạt động liên tục suốt dời không mệt mỏi?

?Thử tìm cách xác định động mạch và tĩnh mạch trên cổ tay của mình và nêu ra những dấu hiệu để nhận biết chúng?

**4.Dặn dò (1 phút)**

Học bài trả lời câu hỏi SGK trang 59.

Đọc mục “em có biết”

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 18: VẬN CHUYỂN MÁU QUA HỆ MẠCH**

**VỆ SINH HỆ TUẦN HOÀN**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:**

-Trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch.

-Chỉ ra được các tác nhân gây hại cũng như biện pháp phòng tránh và rèn luyện hệ tim mạch.

**2. Kĩ năng***:*

-Thu thập thông tin từ tranh hình.

-Tư duy khái quát hoá.

-Vận dụng kiến thức vào thực tế.

**3. Thái độ**:

-Giáo dục ý thức rèn luyện tim mạch và phòng tránh các tác nhân gây hại

**4. Năng lực**

- Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực tư duy sáng tạo

**II. Chuẩn bị bài học**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Tranh phóng to hình SGK.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**III. Tiến trình bài học**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

-Kiểm tra bài tập 3 trang 57 SGK

-Tim có cấu tạo phù hợp với chức năng như thế nào ?

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1:** GV: Cho HS chơi trò chơi “Thi kể tên các bệnh về tim mạch”.

Chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thảo luận ghi đáp án ra giấy, sau đó lần lượt từng thành viên lên ghi đáp án. Đội thắng là đội kể được nhiều bệnh nhất.

- HS: Thực hiện.

**B2:**GV dẫn vào bài mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** ( 30 phút)

*- Mục tiêu:* ***Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung, yêu cầu cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Sự vận chuyển máu qua hệ mạch**  **Mục tiêu:** Trình bày được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch.  **B1**: GV liên hệ thực tế bệnh huyết áp thấp, huyết áp cao cách phòng tránh  + Máu được vận chuyển trong hệ mạch là nhờ đâu?  + Huyết áp là gì?  **B2**: Cá nhân tự nghiên cứu thông tin và hình 18.1; 18.2 trang 58 SGK, trả lời.  + Tốc độ vận chuyển máu trong các đoạn mạch thay đổi ntn ? ý nghĩa của tốc độ máu chậm trong mao mạch ?  + Máu vận chuyển trong động mạch là do đâu?  + Huyết áp trong tĩnh mạch rất nhỏ mà máu vẫn vận chuyển được qua tĩnh mạch về tim là nhờ tác động chủ yếu nào?  HS khác nhận xét và bổ sung.  + Phối hợp hoạt động của các thành phần cấu tạo tim (ngăn tim, van tim) và hệ mạch  ***Hoạt động 2:***  **Mục tiêu:** Chỉ ra được các tác nhân gây hại cũng như biện pháp phòng tránh và rèn luyện hệ tim mạch.  **B1**: Cá nhân nghiên cứu thông tin SGK trang 59, trả lời.  + Hãy chỉ ra tác nhân gây hại cho hệ tim mạch ?  + Trong thực tế em đã gặp người bị tim mạch chưa ?  + Đề ra các biện pháp bảo vệ tránh các tác nhân có hại cho tim mạch ?  + So sánh khả năng làm việc của tim ở vận động viên so với nguời bình thường ? → việc rèn luyện tim có ý nghĩa gì ?  + Có những biện pháp nào rèn luyện tim mạch ?  + Bản thân em đã rèn luyện chưa ? Nếu chưa có hình thức rèn luyện thì qua bài học này em sẽ làm gì ?  **B3:** HS có thể kể: bệnh hở van tim, nhồi máu cơ tim, mỡ cao trong máu, huyết áp cao, huyết áp thấp.  **B4**: HS nghiên cứu thông tin và bảng 18 SGK trang 59, trả lời.  - Làm tăng hiệu suất làm việc của tim. | **I. Sự vận chuyển máu qua hệ mạch:**  - Máu vận chuyển qua hệ mạch là nhờ: sức đẩy của tim.  - Huyết áp: áp lực của máu tác động lên thành mạch.  - Ở động mạch: máu vận chuyển được còn nhờ sự co dãn của động mạch.  - Ở tĩnh mạch: máu vận chuyển nhờ:  + Sự co bóp của các cơ xung quanh thành mạch.  + Sức hút của lồng ngực khi hít vào.  + Sức hút của tâm nhĩ khi dãn ra.  + Van 1 chiều  **II. Vệ sinh tim mạch:**  *a. Cần bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân gây hại:*  Biện pháp bảo vệ tim mạch tránh các tác nhân có hại :  - Không sử dụng các chất kích thích có hại : rượu, thuốc lá, hêrôin, …  - Cần kiểm tra sức khỏe dịnh kì để sớm phát hiện khuyết tật liên quan đến tim mạch → chữa trị kịp thời hoặc có chế độ sinh hoạt phù hợp.  - Khi bị sốc hoặc stress cần điều chỉnh cơ thể kịp thời theo lời khuyên của bác sĩ  - Cần tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch như thương hàn, ….  - Hạn chế ăn thức ăn nhiều mỡ động vật  *b. Cần rèn luyện tim mạch*  - Cần tập luyện TDTT thường xuyên, đều đặn, vừa sức kết hợp xoa bóp ngoài ra. |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

**-** Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ SGK

- Máu tuần hoàn liên tục theo 1 chiều trong hệ mạch là nhờ đâu ?

- Cần phải làm gì để có 1 hệ tim mạch khỏe mạnh ?

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Viết báo cáo về 1 số bệnh thường gặp ở hệ tuần hoàn như: Huyết áp cao, huyết áp thấp, suy tim, hở van tim,.. gồm các ý chính sau: Tên bệnh; Triệu chứng, Nguyên nhân, Cách phòng, tránh.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Học bài, trả lời câu hỏi SGK.

-Đọc mục “em có biết”

-Ôn tập kiến thức đã học ở chương I, II, III

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

-HS ôn tập lại các kiến thức chương I; II; III.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn.

**3. Thái độ:**

-Rèn thái độ yêu thích môn học.

**II. CUẨN BỊ**

-GV : Bảng phụ

-HS : Nội dung kiến thức

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.**

**1. Ổn định lớp:** 1'

**2. Kiểm tra bài cũ:**  GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

**3. Bài mới:**

**Hoạt động 1: Khởi động (**3 phút)

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức ( 30 phút)**

**Bài tập 1 (trang 92 VBT Sinh học 8):** Hãy điền các nội dung phù hợp vào bảng sau:

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cấp độ tổ chức | Đặc điểm | |
| Cấu tạo | Vai trò |
| Tế bào | - Màng sinh chất.  - Chất tế bào: Lưới nội chất, Ribôxôm, Ti thể, Bộ máy Gôngi, Trung thể.  - Nhân | Thực hiện trao đổi chất và năng lượng, cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động của cơ thể sống. |
| Mô | Là tập hợp các tế bào chuyên hóa, có cấu trúc giống nhau, cùng thực hiện một chức năng nhất định. Gồm 4 loại:  - Mô biểu bì  - Mô liên kết  - Mô cơ  - Mô thần kinh | Tham gia cấu tạo nên các cơ quan:  - Mô biểu bì có chức năng bảo vệ, hấp thụ, tiết.  - Mô liên kết có chức năng nâng đỡ, liên kết các cơ quan.  - Mô cơ có chức năng co dãn.  - Mô thần kinh có chức năng tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin và điều khiển sự hoạt động của các cơ quan trả lời các kích thích của môi trường. |
| Cơ quan | Được tạo nên bởi các mô khác nhau. Ví dụ: Da, thận, tim, gan… | Tham gia cấu tạo và thực hiện chức năng nhất định của hệ cơ quan. |
| Hệ cơ quan | Gồm các cơ quan cùng phối hợp hoạt động thực hiện một chức năng nhất định của cơ thể, gồm:  - Hệ vận động  - Hệ tiêu hóa  - Hệ tuần hoàn  - Hệ hô hấp  - Hệ bài tiết  - Hệ thần kinh | Thực hiện các chức năng của cơ thể:  - Hệ vận động: Nâng đỡ, vận động cơ thể di chuyển  - Hệ tiêu hóa: Biến đổi và hấp thụ thức ăn  - Hệ tuần hoàn: Vận chuyển chất dinh dưỡng, chất thải, O2 và CO2  - Hệ hô hấp: Trao đổi khí  - Hệ bài tiết: Bài tiết nước tiểu  - Hệ thần kinh: Điều khiển, điều hòa hoạt động của cơ thể |

**Bài tập 2 (trang 93 VBT Sinh học 8):** Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng sau:

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ cơ quan thực hiện vận động | Đặc điểm cấu tạo | Chức năng | Vai trò chung |
| Bộ xương | Gồm 3 phần:  - Xương đầu: xương sọ, xương mặt, xương hàm  - Xương thân: xương cột sống, xương ức, xương sườn  - Xương chi: xương tay, xương chân | Là bộ phận nâng đỡ, bảo vệ cơ thể, là nơi bám của các cơ. | Khi cơ co làm xương cử động dẫn tới sự vận động của cơ thể |
| Hệ cơ | Hệ cơ gồm khoảng 600 cơ ở cơ thể người, có khả năng co dãn.  Tùy vào vị trí và chức năng mà cơ có nhiều hình dạng khác nhau, ví dụ: bắp cơ có hình thoi dài. | Co dãn giúp cơ thể vận động |

**Bài tập 3 (trang 93 VBT Sinh học 8):** Hãy điền nội dung phù hợp vào bảng sau:

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ quan | Đặc điểm cấu tạo | Chức năng | Vai trò chung |
| Tim | Cấu tạo bởi cơ tim và mô liên kết, tạo thành 4 ngăn tim (tâm nhĩ phải, tâm nhĩ trái, tâm thất phải, tâm thất trái) và các van tim (van nhĩ – thất, van động mạch). | Bơm máu liên tục theo 1 chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và từ tâm thất vào động mạch | Giúp máu tuần hoàn liên tục theo 1 chiều trong cơ thể, nước mô liên tục được đổi mới và bạch huyết được lưu thông |
| Hệ mạch | Bao gồm:  - Động mạch  - Tĩnh mạch  - Mao mạch | Dẫn máu từ tim đi khắp cơ thể và ngược lại |

**Hoạt động 3: Luyện tập** (3 phút)

**- Mục tiêu:** Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.

**Câu hỏi 1 (trang 95 VBT Sinh học 8):** Trong phạm vi các kiến thức đã học, hãy chứng minh rằng các tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống.

**Trả lời:**

- Tế bào là đơn vị cấu trúc: Mọi cơ quan của cơ thể đều được cấu tạo từ các tế bào.

Ví dụ: tế bào xương, tế bào cơ, tế bào biểu bì vách mạch máu, tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu, tế bào biểu bì ở niêm mạc dạ dày, các tế bào tuyến,…

- Tế bào là đơn vị chức năng: Các tế bào tham gia vào hoạt động chức năng của các cơ quan.

Ví dụ :

+ Hoạt động của các tơ cơ trong tế bào giúp bắp cơ co, dãn.

+ Các tế bào cơ tim co, dãn giúp tim có bóp tạo lực đẩy máu vào hệ mạch giúp hệ tuần hoàn tham gia vận chuyển các chất.

+ Các tế bào của hệ hô hấp thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường.

+ Các tế bào tuyến tiết dịch vào ống tiêu hóa của hệ tiêu hóa để biến đổi thức ăn về mặt hóa học.

**Câu hỏi 2 (trang 96 VBT Sinh học 8):** Hãy trình bày mối liên hệ về chức năng các hệ cơ quan đã học (bộ xương, hệ cơ, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa).

**Trả lời:**

Mối liên hệ của các hệ cơ quan:

Cơ thể là một khối thống nhất. Sự hoạt động của các cơ quan trong một hệ cũng như sự hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể đều luôn luôn thống nhất với nhau.

+ Bộ xương tạo khung cho toàn bộ cơ thể, là nơi bám của hệ cơ và là giá đỡ cho các hệ cơ quan khác.

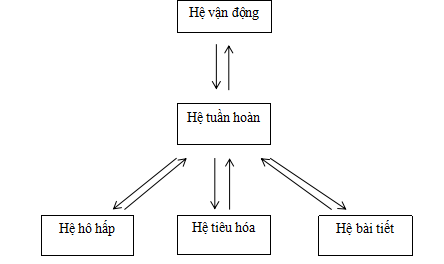
+ Hệ cơ hoạt động giúp xương cử động.

+ Hệ tuần hoàn dẫn máu đến tất cả các hệ cơ quan, giúp hệ này trao đổi chất.

+ Hệ hô hấp lấy O2 từ môi trường cung cấp cho các hệ cơ quan và thải CO2 ra môi trường thông qua hệ tuần hoàn.

+ Hệ tiêu hóa lấy thức ăn từ môi trường ngoài và biến đổi chúng thành các chất dinh dưỡng để cung cấp cho tất cả các cơ quan của cơ thể qua hệ tuần hoàn.

+ Hệ bài tiết giúp thải các chất cặn bã, chất thừa trong trao đổi chất của tất cả các hệ cơ quan ra môi trường ngoài thông qua hệ tuần hoàn.



Các bài giải vở bài tập Sinh học lớp 8 (VBT Sinh học 8) khác:

**Hoạt động 4; 5: Vận dụng, mở rộng (**2 phút)

***Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

***1.Khi bị bệnh, ta có nên tin tưởng vào sự cúng bái hoặc chữa ở thầy lang băm để khỏi bệnh không? Vì sao?***

TL: Khi bị bệnh ta không nên tin tưởng vào sự cúng bái hoặc chữa ở những người mạo danh thầy thuốc, không có uy tín. Vì chỉ có thầy thuốc thật sự mới có đầy đủ những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trườn, từ đó có được chuẩn đoán đúng và điều trị bệnh hiệu quả.

***2.Tại sao khi chỉ bị đau một bộ phận nào đó trong cơ thể nhưng ta vẫn thấy toàn cơ thể bị ảnh hưởng?***

TL: Do cơ thể là một khối thống nhất có sự phối hợp hoạt động các cơ quan, các hệ cơ quan dưới sự điểu hoà cảu hệ thần kinh và hệ nội tiết.

***3.Ta thường có thói quen thuận bên phải nên khi vác, xách vật nặng ta cũng thường dùng vai phải, tay phải nhiều hơn. Điều này có nên không? Tại sao?***

TL: Điều này không nên. Vì các em ở lứa tuổi học sinh, bộ xương đang phát triển, khi vác xách vật nặng, ta phải phân phối đều cho hai bên để bộ xương phát triển cân đối, tránh bị lệch xương, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ.

***4.Khi bị sai khớp hay gãy xương thì phải cấp cứu như thế nào để không gây nguy hiểm thêm cho người bị nạn?***

TL: Khi bị sai khớp, gãy xương phải dùng nẹp cứng dài hơn phần xượng bị gãy để băng cố định chỗ bị thương( có lót vật mềm: bong, vải sạch bên trong) dùng băng hoặc dây mềm quấn chặt lại phần bị thương có cặp nẹp rồi chuyển nạn nhân đến thầy thuốc.

***5.Tắm nắng ban mai có ích lợi gì cho xương?***

TL: Nắng ban mai giúp chuyển háo tiền vitamin D thành vitamin D, nhờ loại vitamin này cơ thể mới chuyển hoá được canxi để tạo xương.

chết đuối.

***6.Tại sao phải tập thể dục giữa buổi học, giữa buổi làm việc (lao động trí óc) với những động tác vui càng tốt?***

Vì tập thể dục làm tăng cường hoạt động của các hệ cơ quan khác như: hệ hô hấp cung cấp oxi cho cơ thể nhiều hơn, hệ tuần hoàn máu thải axit lactic được nhanh hơn giúp xua tan mệt mỏi.

Với những động tác thể dục vui, gây cười giúp tinh thần sảng khoái cho thời gian còn lại của buổi học, của buổi làm việc đạt năng suất cao hơn.

***7.Các em gái thường đi giày có gót quá cao. Điều này có nên không? Tại sao?***

Điều này là không nên. Vì đi giày gót quá cao làm cho các ngón chân phải chịu lực quá nhiều hơn bình thường, dễ gây mất thăng bằng, bước đi không vững chắc, gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của bộ xương ở tuổi đang phát triển.

***8.Em có biết tiêm thuốc ngừa lao là được gì vào cơ thể không? Tại sao tiêm thuốc ngừa lao thì phòng được bệnh lao?***

Tiêm thuốc ngừa lao là tiêm vi trùng lao đã bị làm yếu đi, không đủ khả năng gây bệnh, nhưng làm cho cơ thể tạo kháng thể trong máu. Khi vi trùng lao từ môi trường xâm nhập vào cơ thể, cơ thể đã có sẵn kháng thể chống lao, diệt vi trùng lao nên ta không bị bệnh lao.

***9.Tại sao tiểu cầu ở trong mạch máu bình thường không tạo tơ máu ôm giữ các tế bào máu tạo thành khối máu đông?***

Vì tiểu cầu chỉ vỡ ra khi chạm vào bờ vết thương. Khi tiểu cầu vỡ, tơ máu mới được hình thành và tạo thành khối máu đông.

**4.Dặn dò (1 phút)**

-Chuẩn bị giờ sau kiểm tra giữa học kì II

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:………. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết số:

**KIỂM TRA 1 TIẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-Hệ thống hóa lại toàn bộ kiến thức trong chương I, II, III,

**2. Kĩ năng:**

-Rèn luyện kĩ năng trình bày, vận dụng kiến thức đã học

**3. Thái độ:**

-Giáo dục tính nghiêm túc, trung thực trong thi cử.

**4. Năng lực:**

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Chuẩn bị đề kiểm tra

- HS: Ôn tập kiến thức

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra***

***Ma trận đề kiểm tra.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Nội dung | Nhận biết | | Thông hiểu | | vận dụng | | T. Cộng |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| ChươngI:  Khái quát về cơ thể | 4  1.0đ |  |  |  | 2  0.5đ |  | 1.5đ |
| Chương II:  Vận động | 1  0.25đ | 1  2.5đ |  |  | 1  0.25đ |  | 3.0đ |
| Chương III:  Tuần hoàn | 1  0.25đ |  | 2  0.5đ | 1  3.5đ | 1  0.25đ | 1  1.0đ | 5.5đ |
| Tổng cộng | 4.0đ | | 4.0đ | | 2.0đ | | 10 đ |

**Đề kiểm tra.**

**I. TRẮC NGHIỆM:** Chọn câu trả lời đúng nhất ghi vào bài làm ( 3,0đ)

1. Cấu trúc có ở tế bào động vật không có ở tế bào người là:

A. nhân B. vách Xenlulôzơ C. ti thể D. axit nucleic

2. Ở người, hồng cầu được sinh ra từ:

A. tủy xương B. gan C. lách D. máu

3. Tính chất sống của tế bào được thể hiện ở:

A. trao đổi chất B. lớn lên C. sinh sản D. cảm ứng E. Cả a, b, và c

4. Bào quan tham gia hô hấp giải phóng năng lượng là:

A. ti thể B. ribôxôm C. lưới nội chất D. nhân con

5. Một người kéo một vật nặng 5 kg từ một nơi thấp lên cao khoảng cách 10 m thì công của cơ là:

A. 500 Jun B. 50 Jun C. 100 Jun D. 1000 Jun

6. Huyết tương khi mất chất sinh tơ máu (Fibrinogen) sẽ tạo thành:

A. tơ máu B. cục máu đông C. bạch huyết D. huyết thanh

7. Giúp xương phát triển to về bề ngang là chức năng của:

A. tủy đỏ xương B. tủy vàng xương C. mô xốp xương D. màng xương

8. Máu thuộc loại mô nào?

A. Mô biểu bì B. Mô cơ C. Mô liên kết D. Mô thần kinh

9. Một cung phản xạ gồm có mấy thành phần tham gia

A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

10. Chức năng dẫn truyền cảm giác là của:

A. nơron hướng tâm B. nơron li tâm C. nơron trung gian D. Một loại nơron khác

11. Phải luyện tim bằng cách:

A. lao động chân tay, đi bộ B. tập thể dục, thể thao hợp lí

C. không thức khuya, không uống rượu D. Cả a, b, c đúng

12. Động mạch dẫn máu từ:

A. từ tâm thất trái đến các cơ quan B. từ các cơ quan về tim

C. từ tâm thất phải lên phổi D. từ tim đến các cơ quan

**II. TỰ LUẬN:** (7đ)

1.*(2,5đ)* Nêu những đặc điểm tiến hóa của bộ xương người thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao động?

2*.(1,0đ)* Máu có cả kháng nguyên A và B có thể truyền cho người có nhóm máu O được không? Tại sao?

3) *(3,5đ)*  Xương có tính chất và thành phần hóa học nào? Nêu thí nghiệm để chứng minh các thành phần hóa học có trong xương?

**ĐÁP ÁN**

**I.** **Trắc nghiệm:** *(12 câu x 0,25đ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | A | E | A | A | D | D | C | A | A | D | D |

**II. Tự luận**:

**Câu 1: Những điểm tiến hóa của bộ xương người: (2,5đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| - Hộ sọ phát triển  - Lồng ngực nở rộng sang 2 bên  - Lồi cằm ở xương mặt phát triển  - Xương chậu nở rộng  - Xương đùi lớn | - Xương ngón ngắn  - Xương bàn chân hình vòm  - Xương gót phát triển về phía sau.  - Chi trên có khớp linh hoạt  - Ngón cái đối diện với các ngón còn lại. |

*(10 ý X 0.25đ)*

**Câu 2: (1.0đ)**

Máu có kháng nguyên A và B không thể truyền cho người có nhóm máu O được vì:

- Trong huyết tương của người có máu O có cả kháng thể   và .

- gây kết dính với A còn gây kết dính với B

Do vậy, khi truyền máu có cả kháng nguyên A và B cho người có nhóm máu O sẽ gây kết dính hồng cầu, gây tắc mạch dẫn đến tử vong.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 3: ( 3,5 điểm)** |  |
| \* Tính chất: Xương có 2 đặc tính cơ bản đàn hồi và rắn chắc: | (1 điểm) |
| - Nhờ tính đàn hồi nên xương có thể chống lại tất cả các lực cơ học tác động vào cơ thể, nhờ tính rắn chắc nên bộ xương có thể chống đỡ được sức nặng của cơ thể. |  |
| - Xương trẻ em có tính đàn hồi cao, xương người già giòn. | (0,5 điểm) |
| \* Thành phần hóa học: | (1 điểm) |
| - Bao gồm chất hữu cơ còn gọi là chất cốt giao và chất khoáng chủ yếu là muối can xi, chất khoáng làm cho xương rắn chắc, cốt giao đảm bảo tính đàn hồi. |  |
| \* Thí nghiệm: | (1 điểm) |
| - Lấy xương đùi ếch trưởng thành ngâm trong dung dịch axit Clohiđric 10%, sau 10-15 phút lấy ra, phần còn lại rất mềm và có thể uốn cong dễ dang đó là chất hữu cơ. |  |
| - Lấy xương đùi ếch trưởng thành khác đốt trên ngọn lửa đèn cồn cho đến khi xương không cháy nữa, không còn khói bay lên, bóp nhẹ phần xương đã đốt vụ ra như tro đó là các khoáng chất tạo cho xương rắn chắc. |  |

***4. Hướng dẫn về nhà.***

Ôn tập cấu tạo các loại mạch máu.

Chuẩn bị thực hành theo nhóm: gạc, bông, dây cao su, vải mềm

\* Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………

Tuần:………. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết số:

**BÀI 19: THỰC HÀNH: SƠ CỨU CẦM MÁU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**2. Kĩ năng**:Rèn cho HS một số kỹ năng:

-Băng bó vết thương .

- Biết cách ga rô và nắm được những qui định khi đặt ga rô

**3. Thái độ:**

-Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ cơ thể, biết xử lí khi bị chảy máu và giúp đỡ những người xung quanh .

**4. Năng lực:**

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV : Chuẩn bị đầy đủ : băng, gạc, bông, dây cao su mỏng, vải mềm sạch

- HS : Chuẩn bị theo nhóm 4 người như trên .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**: GV yêu cầu tổ trưởng kiểm tra sự chuẩn bị của các nhóm .

**3. Bài mới:**

***a. Khởi động:***

**- Mục tiêu**: **Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.**

- GV:Kiểm tra sự chuẩn bị dụng cụ thực hành của HS.

*? Các dụng cụ đó theo em được dùng để làm gì?*

- HS: + Các nhóm đưa dụng cụ ra cho GV kiểm tra.

+ Dựa vào hiểu biết thực tế nêu được vai trò của các dụng cụ.=> GV dẫn vào bài

***b. Hình thành kiến thức:***

**Mục tiêu:** **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

GV nêu vấn đề: chúng ta đã biết vận tốc máu ở mỗi loại mạch là khác nhau, vậy khi bị tổn thương chúng ta phải xử lý như thế nào ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1** :  ***Mục tiêu:*** Phân biệt vết thương làm tổn thương động mạch, tĩnh mạch, mao mạch  - GV thông báo về các dạng chảy máu là:  + Chảy máu mao mạch.  + Chảy máu tĩnh mạch.  + Chảy máu động mạch.  + Em hãy cho biết biểu hiện của các dạng chảy máu đó ? | - Cá nhân tự ghi nhận 3 dạng chảy máu  - Bằng kiến thức thực tế và suy đoán, trả lời câu hỏi | **1. Các dạng chảy máu**:  Có 3 dạng :  - Chảy máu mao mạch: chảy ít chậm.  - Chảy máu tĩnh mạch: chảy máu nhiều hơn, nhanh hơn.  - Chảy máu động mạch: chảy nhiều, mạnh, thành tia. |
| **Hoạt động 2** :  *Mục tiêu:* **Biết cách ga rô và nắm được những qui định khi đặt ga rô**  + Khi bị chảy máu ở lòng bàn tay thì băng bó như thế nào ?  - GV quan sát các nhóm làm việc giúp đỡ nhóm yếu.  - GV cho các nhóm đánh giá kết quả lẫn nhau .  - GV công nhận đánh giá đúng và phân tích đánh giá chưa đúng của các nhóm .  + Khi bị thương chảy máu ở động mạch cần băng bó như thế nào ?  - GV cũng để các nhóm tự đánh giá .  - Cuối cùng Gv công nhận đánh giá đúng và chưa đúng | - Các nhóm tiến hành :  + Bước 1: cá nhân tự nghiên cứu SGK trang 61  + Bước 2 : Mỗi nhóm tiến hành băng bó theo hướng dẫn .  + Bước 3: Đại diện 1 số nhóm trình bày các thao tác và mẫu của nhóm các nhóm khác nhận xét  - Các nhóm tiến hành theo 3bước tương tự như mục a  - Tham khảo thêm hình 19.1 SGK. Yêu cầu :  + Mẫu băng gọn, không chặt quá, không lỏng quá.  + Vị trí dây ga rô cách vết thương không quá gần và không xa . | **2. Tập băng bó vết thương:**  *a. Băng bó vết thương ở lòng bàn tay.*(chảy máu mao mạch và tĩnh mạch)  \* Các bước tiến hành: SGK tr.61 .  \* Lưu ý : sau khi băng nếu vết thương vẫn còn chảy máu đưa nạn nhân đến bệnh viện .  *b. Băng bó vết thương ở cổ tay:* (chảy máu ở động mạch)  \* Các bước tiến hành: SGK tr. 62 .  \* Lưu ý : SGK |

**4. Nhận xét đánh giá**

- Gv đánh giá chung về : Phần chuẩn bị ; Ý thức học tập; Kết quả

**5. Vận dụng, mở rộng:**

***Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- Hoàn thành báo cáo thu hoạch theo mẫu ở mục IV sgk/t63.

**6. Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thành báo cáo thu hoạch

- Chuẩn bị trước bài 20 “Hô hấp và các cơ quan hô hấp”

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Khối lớp (đối tượng): 7*

*Số tiết:**4 tiết – Tiết 22, 23, 24, 25*

**CHỦ ĐỀ: HÔ HẤP Ở NGƯỜI.**

**I. Vấn đề cần giải quyết**

Hệ thống câu hỏi, bài tập của chủ đề:

**1. Nhận biết:**

*Câu 1.1.* Khái niệm hô hấp? Hô hấp có liên quan như thế nào đối với các hoạt động sống của tế bào và cơ thể?

*Câu 1.2 .* Nêu chức năng của đường dẫn khí và hai lá phổi?.

*Câu 1.3.* Các cơ xương ở lồng ngực đã phối hợp hoạt động với nhau như thế nào để làm tăng thể tích lồng ngực khi hít vào và làm giảm thể tích lồng ngực khi thở ra?

*Câu 1.4:* Dung tích phổi khi hít vào, thở ra bình thường và gắng sức có thể phụ thuộc vào các yếu tố nào?

*Câu 1.5:* Thế nào là ô nhiễm không khí? Không khí có thể bị ô nhiễm và gây tác hại tới hoạt động hô hấp từ những loại tác nhân như thế nào?

*Câu 1.6:*Trồng cây xanh có lợi ích gì trong việc làm sạch bầu không khí quanh ta?

Câu 1.7 *:*Trong thực tế cuộc sống em đã gặp trương hợp nào bị ngừng thở đột ngột và được hô hấp nhân tạo chưa? Nhớ lại xem lúc đó nạn nhân ở trạng thái như thế nào?

**2. Thông hiểu:**

*Câu 2.1:* Hô hấp gồm những giai đoạn chủ yếu nào? Sự thở có ý nghĩa gì đối với hô hấp? Hô hấp có vai trò gì đối với cơ thể?

*Câu 2.2:* Hệ hô hấp gồm những cơ quan nào?

*Câu 2.3:* Nhận xét về thành phần khí cacbonic và oxi khi hít vào và thở ra?Do đâu có sự chênh lệch nồng độ các chất khí?Hãy giaỉ thích sự khác nhau ở mỗi thành phần của khí hít vào và thở ra?

*Câu 2.4:* Dung tích sống là gì? Làm thế nào để cơ thể ta có dung tích sống lí tưởng?

*Câu 2.5:* Hãy đề ra các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại?

*Câu 2.6:* Hút thuốc lá có hại như thế nào cho hệ hô hấp?

*Câu 2.7*: So sánh để chỉ ra điểm giống nhau giữa 2 phương pháp hô hấp nhân tạo: Hà hơi thổi ngạt và ấn lồng ngực.

**3. Vận dụng thấp:**

*Câu 3.1:* Những đặc điểm cấu tạo nào của các cơ quan trong đường dẫn khí có tác dụng làm ẩm, làm ấm không khí đi vào phổi ?

*Câu 3.2:* Đặc điểm cấu tạo nào giúp phổi tăng diện tích bề mặt trao đổi khí ?

*Câu 3.3:* H¾t h¬i, ho lµ ho¹t ®éng thuéc hÖ c¬ quan nµo? V× sao l¹i cã nh÷ng ph¶n øng nh­ vËy? Cã biÖn ph¸p g× ®Ó b¶o vÖ hÖ h« hÊp?

*Câu 3.4:* So sánh hô hấp thường và hô hấp sâu?

Câu 3.5:Giải thích vì sao khi thở sâu và giảm số nhịp thở trong mỗi phút sẽ làm tăng hiệu quả hô hấp?

Câu 3.6: So sách để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong các tình huống chủ yếu cần được hô hấp nhân tạo?

**4. Vận dụng cao:**

*Câu 4.1:* Đặc điểm nào tham gia bảo vệ phổi tránh khỏi tác tác nhân có hại ?

*Câu 4.2:* Đường dẫn khí có chức năng làm ẩm, làm ấm không khí và bảo vệ phổi, vậy tại sao khi đi ngoài đường bụi bẩn hoặc tiếp xúc với bụi ta vẫn phải đeo khẩu trang. Mùa lạnh chúng ta vẫn bị nhiễm lạnh vào phổi?

*Câu 4.3:* Quan sát H21.4/SGK- 70, mô tả sự khuếch tán của O2 và CO2

*Câu 4.4:* Vì sao khi luyện tập thể thao đúng cách thì có được dung tích sống lí tưởng?

*Câu 4.5:* Hãy đề ra biện pháp tập luyện để có hệ hô hấp khoẻ mạnh?

**II. Nội dung – chủ đề bài học**

**1. Khái niệm hô hấp và cấu tạo và chức năng các cơ quan trong hệ hô hấp.**

- Hô hấp là quá trình cung cấp Oxi cho các tế bào của cơ thể và thải khí CO2 do các TB thải ra khỏi cơ thể.

- Cấu tạo

- Chức năng :

**2. Hoạt động hô hấp**

a. Thông khí ở phổi.

b. Sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào:

**3. Vệ sinh hô hấp.**

a. Biện pháp bảo vệ hệ hô hấp.

b. Để có hệ hô hấp khỏe mạnh.

**4. Thực hành Hô hấp nhân tạo**

Bảng mô tả các cấp độ duy.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| **Hô hấp và các cơ quan hô hấp** | KN hô hấp (1.1)  Nêu chức năng đường dẫn khí và 2 lá phổi (1.2) | Hô hấp gồm những giai đoạn chủ yếu nào(2.1)  Cơ quan của hệ hô hấp(2.2) | Đặc điểm cấu tạo có tác dụng làm ẩm, ấm KK ( 3.1)  Đặc điểm giúp phổi tăng S TĐK (3.2)  Hắt hơi, ho là hoạt động của cơ quan nào(3.3) | Cơ quan tham gia bảo vệ phổi (4.1)  Giải thích: vì sao phổi bị nhiễm bụi và bị nhiễm lạnh(4.2) |
| **Hoạt động hô hấp** | Nêu quá trình cử động hô hấp (1.3)  Nêu yếu tố trong cử động hô hấp (1.4) | Nhận xét về thành phần các khí khi hít vào thở ra (2.3)  Làm thế nào có dung tích sống lí tưởng (2.4) | So sánh hô hấp thường và hô hấp sâu (3.4) | Mô tả sự khuếch tán O2 và CO2 (4.3) |
| **Vệ sinh hô hấp** | Nêu được nguyên nhân ô nhiễm KK (1.5)  Trồng cây xanh có lợi ích gì (1.6) | Biện pháp bảo vệ hệ HH (2.5)  Tác hịa của hút thuốc lá (2.6) | Vì sao thở sâu và giảm nhịp thở từ bé lại tăng hiệu quả hô hấp ( 3.5) | Bằng kiến thức đã học: CM việc luyện tập TDTT có dung tích sống lí tưởng (4.4)  Đề ra biện pháp để hệ HH khỏe mạnh ( 4.5) |
| **Thực hành hô hấp nhân tạo** | Nêu những trường hợp nào bị ngừng hô hấp (1.7) | So sánh PP hà hơi hổi ngạt và ấn lồng ngực (2.7) | Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong tình huống hô hấp nhân tạo (3.6) |  |

**III. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức :**

- Nêu ý nghĩa của hô hấp.

- Mô tả cấu tạo của các cơ quan trong hệ hô hấp ( mũi, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi) liên quan đến chức năng của chúng.

- Nêu rõ khái niệm về dung tích sống lúc thở sâu (bao gồm: khí lưu thông, khí bổ sung, khí dự trữ, khí cặn)

- Phân biệt thở sâu với thở bình thường nêu rõ ý nghĩa của thở sâu.

- Trình bày cơ chế của trao đổi khí ở phổi với ở tế bào.

- Trình bày phản xạ tự điều hòa hô hấp trong hô hấp bình thường.

- Kể các bệnh chính về cơ quan hô hấp ( viêm phế quản, lao phổi) và nêu các biện pháp vệ sinh hô hấp. Tác hại của thuốc lá.

**2. Kỹ năng :**

- Sơ cứu ngạt thở- làm hô hấp nhân tạo. Làm thí nghiệm để phát hiện ra CO2 trong khí thở ra.

- Tập thở sâu.

- Kĩ năng ứng phó với tình huống làm gián đoạn hô hấp.

- Kĩ năng thu thập và sử lí thông tin về hô hấp nhân tạo.

- Kĩ năng viết thu hoạch.

- Kĩ năng hợp tác lắng nghe tích cực trong hoạt động nhóm.

- Kĩ năng quản lí thời gian và đảm nhận trách nhiệm.

**3. Thái độ:**

- Giữ gìn bảo vệ cơ thể, ham thích môn học

- Giáo dục ý thức bảo vệ giữ gìn cơ quan hô hấp

- Giáo dục ý thức cho HS cây xanh, trồng cây gây rừng, giảm thiểu chất thải độc vào không khí.

**-** Sẵn sàng áp dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để cấp cứu những nạn nhân khi gặp.

**4. Các năng lực hướng tới**

**\* Năng lực chung**

*1. Năng lực giải quyết vấn đề:*

- Trong tình hình thực tế xã Lương Sơn nhiều lò gạch, xưởng đũa, xưởng bóc gỗ, xưởng xẻ thải ra nhiều khói, bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến hô hấp. vậy làm thế nào để hạn chế được những hiện tượng đó?

- Thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau: Từ các nguồn tư liệu, trong SGK, Intơrnet, HS phân tích được các giải pháp thực hiện có phù hợp hay không

*2. Năng lực tư duy sáng tạo:*

HS đề xuấ những ý tưởng trong việc giải quyết hiện tượng ô nhiễm, và có cách học tập thực tế về hệ hô hấp dễ nhớ.

*3. Năng lực tự quản lý*

Quản lí bản thân: Nhận thức được các yếu tố tác động đến bản thân

Quản lí nhóm: Lắng nghe và phản hồi tích cực, tạo hứng khởi học tập

**\* Năng lực chuyên biệt**

*4. Năng lực ngôn ngữ*

Diễn đạt, trình bày nội dung dưới nhiều hình thức khác nhau: Bằng lời, bằng nội dung bài tập vận dụng…

*5. Năng lực hợp tác*

Cùng nhau làm việc nhóm thu thập thông tin, tổng hợp kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm.

*6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông .*

HS biết tìm hiểu một số bệnh về đường hô hấp trên mạng Intơnet, tìm hiểu trên thong tin truyền hình...

7. *Năng lực giao tiếp:*

Lắng nghe, nhận biết các quan điểm khác nhau để đưa ra các ýkiếnphản biện hay đồng ý quan điểm..

8. *Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn:*

Sơ cứu cho người bị gián đoạn hô hấp.

*9. Năng lực tính toán:* Thống kê các số liệu và tính toán về lượng khí.

**IV. Chuẩn bị của GV và HS**

***1. Chuẩn bị của GV:***

- Giáo án, máy chiếu, hình ảnh về hệ hô hấp và hoạt động hô hấp.

- Hình ảnh về một số tác nhân gây hại cho hệ hô hấp, bệnh về đường hô hấp. Phòng thực hành bộ môn.

- Chia nhóm học sinh : 6 hs/ nhóm.

***2. Chuẩn bị của HS:***

- SGK, vở ghi, giấy bút.

- Tìm hiểu thông tin về hệ hô hấp và các bệnh tật về đường hô hấp.

- Chuẩn bị: Chiếu cá nhân, gối, vải sạch thực hành hô hấp nhân tạo.

**IV. Hoạt động dạy và học:**

**1. Sĩ số**

**2. Kiểm tra:** Kiểm tra trong quá trình học.

**3. Bài mới:**

**3.1: Hoạt động khởi động:**

**Mục tiêu:** Đưa ra tình huống có vấn đề để hs cùng tìm hiểu:

O2 O2

**B1:** GV đưa sơ đồ: MÁUNƯỚC MÔ TẾ BÀO

**CO2  CO2**

**B2:** GV nêu ra câu hỏi: Nhờ đâu mà máu lấy được Oxi để cung cấp cho Tế bào và thải được CO2 ra khỏi cơ thể?

HS: Nhờ hô hấp, nhờ sự thở ra hít vào....

**B3:** GV: Vậy hô hấp là gì? Hô hấp có vai trò gì đối với cơ thể? Chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này trong chuyên đề hô hấp ở người.

**3.2: Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Nội dung 1: Hô hấp và các cơ quan hô hấp.**

**Mục tiêu:** Nêu ý nghĩa của hô hấp.

- Mô tả cấu tạo của các cơ quan trong hệ hô hấp ( mũi, thanh quản, khí quản, phế quản và phổi) liên quan đến chức năng của chúng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| \*Hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập* | |
| + GV: GV chiếu hình về sự thở.  Chiếu hình về các giai đoạn hô hấp.  + Yêu cầu các nhóm hoàn thiện các câu hỏi sau ( 10’).  *Câu 1*: Khái niệm hô hấp? Hô hấp có liên quan như thế nào đối với các hoạt động sống của tế bào và cơ thể?  *Câu 2*: Hô hấp gồm những giai đoạn chủ yếu nào? Sự thở có ý nghĩa gì đối với hô hấp? Hô hấp có vai trò gì đối với cơ thể?  *Câu 3:* Hệ hô hấp gồm những cơ quan nào?  *Câu 4*: Nêu chức năng của đường dẫn khí và hai lá phổi?. | ***a. Khái niệm hô hấp.***  Cho HS quan sát H20-1 + H20-2/ SGK Tr 64-65. Nghiên cứu thông tin SGK  ***b. Cấu tạo chức năng các cơ quan hô hấp.***  HS trả lời câu hỏi |
| \* Hoạt động: *Thực hiện nhiệm vụ học tập* | |
| Trong quá trình hoạt động GV có thể gợi ý và giải thích một số thắc mắc của HS để giúp các em hoàn thiện. | + HS: Chia làm 5 nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 bạn. Hoạt động nhóm 2 bạn cùng trao đổi sau đó thống nhất trong cả nhóm.  + Từng nhóm thống nhất kết quả từ câu 1-4 : Chuẩn bị giới thiệu bạn báo cáo kết quả. |
| **\* Hoạt động: *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| Trong quá trình hoạt động GV có thể gợi ý và giải thích một số thắc mắc của HS để giúp các em hoàn thiện. | Nhóm 1:  *Câu 1*: Khái niệm hô hấp? Hô hấp có liên quan như thế nào đối với các hoạt động sống của tế bào và cơ thể?  *Nhóm 2+3:*  *Câu 2*: Hô hấp gồm những giai đoạn chủ yếu nào? Sự thở có ý nghĩa gì đối với hô hấp? Hô hấp có vai trò gì đối với cơ thể?  *Nhóm 4:*  *Câu 3:* Hệ hô hấp gồm những cơ quan nào?  *Nhóm 5:*  *Câu 4*: Nêu chức năng của đường dẫn khí và hai lá phổi?. |
| \* Hoạt động: *Đánh giá kết quả hoạt động* | |
| GV: chốt kiến thức. GV chiếu lại hình động trên máy chiếu giải thích lại một số điểm HS còn chưa rõ, giải thích đến đâu chốt kiến thức đến đó theo câu hỏi từ 1-4. | ***Học sinh thống nhất phần đáp án và trình bày vào vở.*** |
| **Kết luận**:  - Hô hấp là quá trình cung cấp Oxi cho các tế bào của cơ thể và thải khí CO2 do các TB thải ra khỏi cơ thể.  - Quá trình hô hấp gồm 3 giai đoạn : sự thở, trao đổi khí ở phổi và trao đổi khí ở tế bào  - Nhờ hô hấp mà o xi được lấy vào để ô xi hoá các hợp chất hữu cơ tạo ra năng lượng cần cho mọi hoạt động sống của cơ thể.  - Cấu tạo hệ hô hấp gồm 2 phần :  + Đường dẫn khí: Khoang mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản .  + Hai lá phổi: lá phỏi phải và lá phổi trái  - Chức năng :  + Đường dẫn khí: Dẫn khí vào và ra phổi, làm sạch, làm ẩm, làm ấm không khí đi vào và tham gia bảo vệ phổi  + Hai lá phổi : Là nơi trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài . | |
| **Hoạt động : Luyện tập**  **Câu hỏi Tìm tòi, mở rộng:**  GV đưa ra một số câu hỏi vận dụng cho HS trực tiếp trả lời:  *Câu 1*: Những đặc điểm cấu tạo nào của các cơ quan trong đường dẫn khí có tác dụng làm ẩm, làm ấm không khí đi vào phổi ?  *Câu 2:* Đặc điểm nào tham gia bảo vệ phổi tránh khỏi tác tác nhân có hại ?  *Câu 3:* Đường dẫn khí có chức năng làm ẩm, làm ấm không khí và bảo vệ phổi, vậy tại sao khi đi ngoài đường bụi bẩn hoặc tiếp xúc với bụi ta vẫn phải đeo khẩu trang. Mùa lạnh chúng ta vẫn bị nhiễm lạnh vào phổi? | |
| **Nội dung 2: Hoạt động hô hấp**  **Mục tiêu:** Nêu rõ khái niệm về dung tích sống lúc thở sâu (bao gồm: khí lưu thông, khí bổ sung, khí dự trữ, khí cặn) | |
| **Khởi động:**  GV: Hô hấp gồm những giai đoạn nào ( Gồm 3 giai đoạn)? Các giai đoạn này có mối liên quan với nhau như thế nào? ( Có mối liên quan về chức năng). Vậy sự thông khí và sự trao đổi khí ở phổi diễn ra như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu vấn đề này. | |
| \*Hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập* | |
| + Chia lớp làm 5 nhóm  + Cho *Câu 1*: Các cơ xương ở lồng ngực đã phối hợp hoạt động với nhau như thế nào để làm tăng thể tích lồng ngực khi hít vào và làm giảm thể tích lồng ngực khi thở ra?  *Câu 2*: Dung tích phổi khi hít vào, thở ra bình thường và gắng sức có thể phụ thuộc vào các yếu tố nào?  *Câu 3:* Nhận xét về thành phần khí cacbonic và oxi khi hít vào và thở ra? Do đâu có sự chênh lệch nồng độ các chất khí?Hãy giaỉ thích sự khác nhau ở mỗi thành phần của khí hít vào và thở ra?  *Câu 4*: Quan sát H21.4/SGK- 70, mô tả sự khuếch tán của O2 và CO2 | - HS quan sát và tiến hành hoạt động cá nhân (hoặc theo nhóm) trong 4... phút  HS quan sát các hình vẽ trong SGK H 21.1+H21.2+H21.3. Nghiên cứu thông tin SGK hoàn thiện các câu hỏi sau: |
| *\* Hoạt động: Thực hiện nhiệm vụ học tập* | |
| Trong quá trình hoạt động GV có thể gợi ý và giải thích một số thắc mắc của HS để giúp các em hoàn thiện. | - Các nhóm thảo luận, thống nhất kết luận.  + HS: Chia làm 5 nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 bạn. Hoạt động nhóm 2 bạn cùng trao đổi sau đó thống nhất trong cả nhóm. |
| **\* Hoạt động: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| - Từng nhóm báo cáo kết quả: Mỗi nhóm 1 câu hỏi.  Nhóm 1: Câu 1  Nhóm 2+3: Câu 3  Nhóm 4: Câu 2  Nhóm 5: Câu 4 | Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| \* Hoạt động: *Đánh giá kết quả hoạt động* | |
| **Đánh giá thực hiện nhiệm vụ:**  GV: chốt kiến thức. GV hướng dẫn  **Câu hỏi tìm tòi, mở rộng:**  *Câu 1:* Dung tích sống là gì? Làm thế nào để cơ thể ta có dung tích sống lí tưởng?  Dung tích sống là thể tích lượng khí lớn nhất mà một cơ thể hít vào và thở ra một lần. Để cơ thể có một dung tích sống lí tưởng, ta phải thường xuyên đều đặn tập TDTT đúng phương pháp, ngay từ lúc còn nhỏ và trong thời gian lâu dài. | ***HS trên hình vẽ và giải thích lại một số điểm HS còn chưa rõ, giải thích đến đâu chốt kiến thức đến đó theo câu hỏi từ 1-4.***  **Kết luận:**  *-* Sự thông khí ở phổi nhờ cử động hô hấp (hít vào, thở ra).  - Các cơ liên sườn, cơ hoành, cơ bụng phối hợp với xương ức, xương sườn trong cử động hô hấp  - Dung tích phổi phụ thuộc vào: giới tính, tầm vóc, tình trạng sức khoẻ, sự luyện tập…  - Dung tích sống là thể tích không khí lớn nhất màmột cơ thể có thể hít vào và thở ra.  + Sự trao đổi khí ở phổi:  O2 khuếch tán từ phế nang vào máu  CO2 khuếch tán từ máu vào phế nang  + Sự trao đổi khí ở tế bào:  O2 khuếch tán từ máu vào tế bào  CO2 khuếch tán từ tế bào vào máu |
| **Nội dung 3: Vệ sinh hô hấp.**  **Mục tiêu:** Kể các bệnh chính về cơ quan hô hấp ( viêm phế quản, lao phổi) và nêu các biện pháp vệ sinh hô hấp. Tác hại của thuốc lá. | |
| ***Khởi động****:GV đặt câu hỏi*  *Câu 1:* Thực chất của qúa trình trao đổi khí ở phổi và ở tế bào là gì?  *Câu 2*: Nhờ hoạt động của các cơ quan, bộ phận nào mà không khí trong phổi thường xuyên được đổi mới?  *Câu 3*: Em hãy tìm những ví dụ cụ thể về những trường hợp có bệnh hay tổn thương hệ hô hấp mà em biết? Vậy nguyên nhân gây ra các hậu quả đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này. | |
| \*Hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập* | |
| GV chia lớp thành 5 nhóm.  GV: Cho HS quan sát các hình ảnh về các tác nhân gây hại cho hệ hô hấp trên máy chiếu. Cho HS nghiên cứu thông tin SGK hoàn thiện các câu hỏi sau:  *Câu 1*: Thế nào là ô nhiễm không khí? Không khí có thể bị ô nhiễm và gây tác hại tới hoạt động hô hấp từ những loại tác nhân như thế nào?  *Câu 2*: Hãy đề ra các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại? | Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| *\* Hoạt động: Thực hiện nhiệm vụ học tập* | |
| Trong quá trình hoạt động GV có thể gợi ý và giải thích một số thắc mắc của HS để giúp các em hoàn thiện.  Các nhóm cùng thực hiện 5 câu hỏi  - Từng nhóm báo cáo kết quả: Mỗi nhóm 1 câu hỏi nhóm 1-5 từ câu 1-5. | HS: Chia làm 5 nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 bạn. Hoạt động nhóm 2 bạn cùng trao đổi sau đó thống nhất trong cả nhóm. |
| **\* Hoạt động: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| GV: chốt kiến thức. GV hướng dẫn HS trên hình vẽ và giải thích lại một số điểm HS còn chưa rõ, giải thích đến đâu chốt kiến thức đến đó theo câu hỏi từ 1-5.  **Câu hỏi tìm tòi, mở rộng:**  *Câu 1:* Trồng cây xanh có lợi ích gì trong việc làm sạch bầu không khí quanh ta? | **Kết luận:**  \* C¸c t¸c nh©n cã h¹i cho ®­ưêng h« hÊp lµ:  - Bôi.  - C¸c khÝ ®éc:  - Vi sinh vËt g©y bÖnh: g©y nªn c¸c bÖnh lao phæi, viªm phæi, ngé ®éc, ung th­ phæi…  - Tích cực thườn xuyên luyện tập TDTT.  - Phối hợp với thở sâu và giảm nhịp thở thường xuyên từ bé. |
| **Nội dung 4: Thực hành Hô hấp nhân tạo**  **Mục tiêu:**  **-** Sơ cứu ngạt thở - làm hô hấp nhân tạo. Làm thí nghiệm để phát hiện ra CO2 trong khí thở ra.  - Tập thở sâu. | |
| *Khởi động****:***  ***Em đã từng thấy nạn nhân ngừng hô hấp chưa? Trong trường hợp nào nếu không cấp cứu kịp thời dẫn tới hậu quả gì? Có thể cấp cứu nạn nhân ngừng hô hấp đột ngột bằng cách nào? chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này.*** | |
| \*Hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ* *học tập* | |
| GV: Chia lớp thành 5 nhóm.  Câu 1: So sách để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong các tình huống chủ yếu cần được hô hấp nhân tạo?  Câu 2: Trong thực tế cuộc sống em đã gặp trương hợp nào bị ngừng thở đột ngột và được hô hấp nhân tạo chưa? Nhớ lại xem lúc đó nạn nhân ở trạng thái như thế nào?  Câu 3: So sánh để chỉ ra điểm giống nhau giữa 2 phương pháp hô hấp nhân tạo: Hà hơi thổi ngạt và ấn lồng ngực.  Câu 4: Hoạt động theo nhóm thực hiện 2 phương pháp hô hấp trên. | Cho HS quan sát các hình vẽ trong SGK H 23.1+H23.2. Nghiên cứu thông tin SGK hoàn thiện các câu hỏi sau: |
| **\* Hoạt động: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Chia làm 5 nhóm nhỏ, mỗi nhóm 6 bạn. Hoạt động nhóm 2 bạn cùng trao đổi sau đó thống nhất trong cả nhóm.( 5’) | |
| **\* Hoạt động: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| - Từng nhóm thực hiện câu hỏi 5: hô hấp nhân tạo bằng 2 phương pháp:  Lần lượt từng nhóm lên bục giảng thực hiện thực hành 2 PP hô hấp: Thực hiện PP hô hấp ép lồng ngực sau đó đến PP hà hơi thổi ngạt .  - Trong quá trình thực hành các em được lựa chọn đốí tượng để thực hiện. |  |
| **\* Hoạt động: Đánh giá kết quả hoạt động** | |
| - GV: nhận xét việc thực hiện của HS sau đó cho điểm.  - GV nhận xét cụ thể về cách đặt tay trước lồng ngực, cách ép như thế nào để tránh tổn thương về phần cơ xương? Cách hà hơi thổi ngạt để đảm bảo đủ lượng khí vào phổi không nhiều sẽ có thể bị rách phổi.  Tuy nhiên đây là thực hành nên việc ép lồng ngực bạn phải thật nhẹ nhàng. Việc hà hơi cũng chỉ là thực hành không chuyển hơi của mình vào miệng bạn.  Sau đó giáo viên cho điểm từng nhóm và lấy điểm thực hành. | **Kết luận:**  Phần 3 câu hỏi trên cho HS về nhà thực hiện giờ sau nộp lại bảng thu hoạch  Gợi ý cấc câu hỏi: |

**3.3: Hoạt động luyện tập.**

*Câu 1*: Đặc điểm cấu tạo nào giúp phổi tăng diện tích bề mặt trao đổi khí ?

Có thể giới thiệu bệnh hen suyễn( hen phế quản) là do sự co thắt của các cơ và vòng sụn ở khí quản và phế quản 🡪 không có thông khí 🡪 thường chết 🡪 phải uống thuốc chống hen xuyễn .

*Câu 2*: Hắt hơi, ho là hoạt động của hệ cơ quan nào? Vì sao lại có những phản ứng như vậy? Có biện pháp gì để bảo vệ hệ hô hấp?

*Câu 3:* So sánh hô hấp thường và hô hấp sâu?

+ Giống nhau:

- Đều là các cử động hô hấp làm lưu thông khí, thực hiện theo cơ chế phản xạ để lấy O2 vào và đẩy khí CO2 ra ngoài.

- Đều có sự tham gia của các cơ hô hấp làm thay đổi thể tích lồng ngực.

+ Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hô hấp thường** | **Hô hấp sâu** |
| - Được thực hiện một cách tự nhiên là phản xạ không ĐK, sinh ra đã có.  -Số cơ tham gia hô hấp ít ( chủ yếu là cơ hoành và cơ liên sườn)  - Lượng khí lưu thông ít khoảng 500 ml.  -Hiệu quả hô hấp chưa cao, lượng khí cặn nhiều. | - Được thực hiện khi ta chủ động ( có sự tham gia của ý thức hoạt động theo ý muốn) .  - Số cơ tham gia hô hấp nhiều hơn (ngoài các cơ tham gia HH thường còn có sự tham gia của các cơ lồng ngực, cơ răng lớn, bé, cơ thành bụng…)  - Lượng khí lưu thông trao đổi lớn khoảng 3500 ml.  -Tăng hiệu quả hô hấp, tống nhiều khí cặn ra ngoài. |

*Câu 4:* Hút thuốc lá có hại như thế nào cho hệ hô hấp?

+ Ni cotin làm tê liệt các lớp dung động của phế quản, giảm hiệu quả lọc sạch không khí có thể gây ung thư phổi.

+ NO2 gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trơe trao đổi khí có thể gây chết ở liều cao.

+ CO chiếm chỗ của O2 trong hồng cầu, làm cho cơ thể ở trạng thái thiếu O2 đặc biệt khi cơ thể động mạnh.

**3.4 Hoạt động vận dụng.** *( Không đủ thời gian cho HS về nhà thực hiện)*

**Câu 1:** Trực tiếp liên quan chặt chẽ đến hô hấp là hệ nào trong các hệ sau:

A. Hệ bài tiết; B. hệ thần kinh; C. Hệ tuần hoàn; D. Hệ tiêu hóa

**Câu 2:** Phản xạ ho có tác dụng:

A. Dẫn không khí ra và vào phổi; B. Làm sạch và làm ấm không khí

C. Tống các chất bẩn hoặc các dị vật; D. Ngăn cản bụi

**Câu 3**: Hiện nay, dịch cúm đang bùng phát mạnh ở một số tỉnh thành trong đó có Phú Thọ. Em hãy cho biết nguyên nhân nào dẫn tới tình trạng trên?

**Câu 4:** Một người hô hấp bình thường 18 nhịp/phút, mỗi nhịp hít vào 500ml không khí. Khi người ấy luyện tập nhịp hô hấp giảm xuống còn 12 nhịp/phút, mỗi nhịp hít vào 900ml không khí.

a. Tính lượng khí lưu thông, khí ở khoảng chết, khí trao đổi ở người hô hấp bình thường, hô hấp sâu.

b. So sánh lượng khí hữu ích ở người hô hấp bình thường, hô hấp sâu.

c. Nêu ý nghĩa của việc luyện tập hô hấp.

**V . Củng cố, hướng dẫn học sinh về nhà**

GV chốt kiến thức trọng tâm của chuyên đề.

GV cho HS tự đánh giá hoạt động của nhóm bạn nào tích cực bạn nào chưa tích cực trong hoạt động.

GV nhận xét đánh giá hoạt động của từng nhóm những ưu điểm, tồn tại.

GV nhận xét giờ thực hành những ưu nhược điểm của từng nhóm..

Cho điểm các nhóm . HS dọn vệ sinh lớp.

Về nhà hoàn thiện bài thu hoạch theo nội dung 3 câu hỏi: Giờ sau nộp lại.

Chuẩn bị giờ sau: Đọc trước bài 24: Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

*Ninh Bình, ngày tháng năm 20….*

**NGƯỜI DUYỆT NGƯỜI SOẠN**

*(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Thị Nhung

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**CHƯƠNG V: TIÊU HÓA**

**BÀI 24: TIÊU HÓA VÀ CÁC CƠ QUAN TIÊU HÓA**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-HS trình bày được: + Các nhóm chất trong thức ăn

+ Các hoạt động trong quá trình tiêu hoá

+ Vai trò của tiêu hoá với cơ thể người

XĐ được trên hình vẽ và mô hình các cơ quan của hệ tiêu hoá ở người

***2. Kỹ năng*** *:*Rèn kỹ năng:

Quan sát tranh hình, sơ đồ phát hiện kiến thức, tư duy tổng hợp logic.

Hoạt động nhóm .

***3 . Thái độ :***

Giáo dục ý thức bảo vệ hệ tiêu hoá .

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

Sơ đồ các cơ quan tiêu hoá cơ thể người .

Bảng phụ phóng to hình 24.1 và 24.2 .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra:***  Gv thu báo cáo thu hoạch của giờ thực hành trước

***3. Bài mới*:**

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**B1:** GV cho hs tham gia trò chơi “ thi kể tên các thành phần của hệ tiêu hóa”

Lớp cử 1 bạn làm quản trò, 1 bạn làm thư kí các bạn còn lại chia làm hai đội. Mỗi một đội chơi có một đội trưởng

**B2:** Bắt đầu cuộc chơi quản trò yêu cầu hai đội trưởng oẳn tù tì nếu đội nào thắng đội đó phải kể tên một thành phần của hệ tiêu hóa, sau đó đến đội tiếp theo và cứ thế lần lượt. Đội thắng là đội kể dược nhiều thành phần của hệ tiêu hóa nhất.

Chú ý trong quá trình chơi thư kí có nhiệm vụ ghi lại câu trả lời của từng đội lên bảng.

**B3:** Trả lời câu hỏi: Em hãy dự đoán xem các chất dinh dưỡng trong thức ăn bị biến đổi như thế nào trong ống tiêu hóa?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động1**:  ***Mục tiêu:***  *HS trình bày được: Các nhóm chất trong thức ăn. Các hoạt động trong quá trình tiêu hoá*  **B1:** + Hàng ngày chúng ta ăn nhiều loại thức ăn đó thuộc loại chất gì ?  + Các chất nào trong thức ăn không bị biến đổi về mặt hoá học trong quá trình tiêu hoá ?  + Các chất nào được biến đổi về mặt hoá học qua quá trình tiêu hoá ?  + Quá trình tiêu hoá gồm những hoạt động nào? hoạt động nào là quan trọng ?  + Vai trò của quá trình tiêu hoá thức ăn? | - Cá nhân suy nghĩ trả lời.  - HS khác bổ sung .  **B2:** Cá nhân nghiên cứu SGK tr.78 kết hợp kiến thức ở lớp dưới về hệ tiêu hoá, trả lời .  **B3:** HS trả lời  **B4:** Thức ăn dù biến đổi bằng cách nào thì cuối cùng phải thành chất hấp thụ được thì mới có tác dụng với cơ thể . | **I. Thức ăn và sự tiêu hoá:**  Thức ăn gồm các chất vô cơ và hữu cơ .  - Hoạt động tiêu hoá gồm: ăn và uống, đẩy thức ăn vào ống tiêu hóa, tiêu hoá thức ăn, hấp thụ dinh dưỡng, thải phân .  - Nhờ quá trình tiêu hoá, thức ăn biến đổi thành chất dinh dưỡng mà cơ thể có thể hấp thụ được qua thành ruột và thải bỏ các chất thừa không thể hấp thụ được |
| **Hoạt động 2**:  ***Mục tiêu:*** *Vai trò của tiêu hoá với cơ thể người.*  + Quan sát hình 24-3 và liệt kê các cơ quan tiêu hoá vào các cột tương ứng ở bảng 24 ?  🢧hệ tiêu hoá có cấu tạo như thế nào ?  **B2:** Gv treo tranh câm hình 24-3, yêu cầu HS dán các mảnh bìa ghi chú thích. | **B1:** HS nghiên cứu hình 24.3 và thảo luận nhóm hoàn thành bảng 24 .  - Một vài HS trình bày các cơ quan tiêu hoá trên tranh hình 24.3 phóng to | **II. Các cơ quan tiêu hoá**  hệ tiêu hóa gồm:  - Ống tiêu hoá: Miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột (ruột non, ruột già), hậu môn  - Tuyến tiêu hoá: Tuyến nước bọt, gan, tuyến tuỵ, tuyến vị, tuyến ruột, túi mật |

***4.Củng cố***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

Quá trình tiêu hoá gồm những hoạt động nào ?

Quá trình tiêu hoá được thực hiện nhờ hoạt động của các cơ quan nào ?

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

Các chất cần cho cở thể như nước, muối khoáng, các loại vitamin khi vào cơ thể theo đường tiêu hóa thì cần phải qua những hoạt động nào của hệ tiêu hóa?

Cơ thể người có thẻ nhận các chất này theo con đường nào khác không

***6. Hướng dẫn về nhà***

Học bài , trả lời câu hỏi SGK

Đọc mục “ Em có biết”

Kẻ bảng 25 vào vở

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 25: TIÊU HÓA Ở KHOANG MIỆNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức :***

-Trình bày được các hoạt động tiêu hoá diễn ra trong khoang miệng.

-Trình bày được hoạt động nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày

***2. Kỹ năng:***

-Rèn kỹ năng nghiên cứu thông tin tranh hình phát hiện kiến thức.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục ý thức bảo vệ giữ gìn răng miệng .

-Ý thức trong khi ăn không cười đùa .

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Tranh phóng to hình 25.1,25.2,25,3 .

-HS kẻ bảng 25 vào vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra :***Quá trình tiêu hoá gồm những hoạt động nào ? hoạt động nào là quan trọng ?

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

GV cho lớp thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

cho 1 hs lên bảng thực hiện thực hành

a. nhai bánh mì trong vòng 1 phút sau đó cảm nhận vị ngọt ở khang miệng

b.nhai bánh mì trong vòng hai phút rồi cảm nhận vị ngọt ở khoang miệng

gv? Em có nhận xét gì về vị ngoạt của bánh mì ở lần nhai 1 và 2?

Hs; nêu ở lần nhai thứ hai cảm thấy bánh mì ngọt hơn

Gv? Vì sao?

Hs : nhờ ezim amilaza biến đổi tinh bột thành đường

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

ở khoang miệng chỉ có 1 phần tinh bột chín được biến đổi, còn các loại thức ăn khác như: Prôtêin, Lipít, Gluxít khác không được biến đổi cần được tiêu hoá tiếp ở các phần sau.

+ Khi nhai cơm, bánh mì lâu

trong miệng cảm thấy ngọt, vì sao ?

+ Tại sao cần phải nhai kỹ thức ăn ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được các hoạt động tiêu hoá diễn ra trong khoang miệng.* | **Hoạt động của học sinh**  - HS quan sát hình 25-1 SGK trang 81, trả lời. | **Nội dung**  **I. Tiêu hoá ở khoang miệng :** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B1:** GV chiếu hình 25.1 chưa điền chú thích, yêu cầu HS quan sát và liên hệ thực tế trên cơ thể để trả lời  + Nêu cấu tạo của khoang miệng  **B2:** Sau đó GV chiếu hình 25.1 với các chú thích, phân tích cho HS thấy được cấu tạo và chức năng của từng cơ quan :  + Răng. cách bảo vệ răng miệng.  + Tuyến nước bọt.  + Lưỡi.  - Khi thức ăn vào miệng sẽ có những hoạt động nào xảy ra ?  + Trong các hoạt động vừa nêu hoạt động nào thuộc về biến đổi lý học, hoạt động nào thuộc về biến đổi hoá học ?  + Hoàn thành bảng 25 trang 82 SGK   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Biến đổi thức ăn ở khoang miệng | Các hoạt động tham gia | Các thành phần thực hiện | Tác dụng của hoạt động | | Biến đổi lí học | - Tiết nước bọt  - Nhai  - Đảo trộn thức ăn  - Tạo viên thức ăn | - các tuyến nước bọt  - Răng  - Răng, lưỡi, các cơ môi và má  - Răng, lưỡi, các cơ môi và má | - Làm ướt và mềm thức ăn  - Làm mềm và nhuyễn thức ăn  - Làm thức ăn thấm đẫm nước bọt  - Tạo viên thức ăn vừa nuốt | | Biến đổi hóa học | Hoạt động của enzim amilaza trong nước bọt | Enzim amilaza | Biến đổi 1 phần tinh bột chín trong thức ăn thành đường mantozơ |   - GV chiếu hình 25.2, phân tích thông tin trong hình, giới thiệu enzim, cho HS giải thích câu hỏi  **Hoạt động 2** :  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được hoạt động nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày.*  B1: GV chiếu hình 25.3 giới thiệu hình, yêu cầu HS quan sát.  + Lưu ý HS: chú ý vị trí nắp thanh quản, Khẩu cái mềm, viên thức ăn qua thực quản.  + Nuốt diễn ra nhờ hoạt động của cơ quan nào là chủ yếu và có thể tác dụng gì ? | - HS trả lời    **B3:** Thảo luận nhóm (3phút)  **B4:** Đại diện nhóm lên viết trên bảng  + Tinh bột trong cơm dưới tác dụng của enzim amilaza biến đổi thành đường mantôzơ t/đ lên gai vị giác lưỡi 🠆 ngọt  + tạo điều kiện để thức ăn ngấm dịch trong nước bọt |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Lực đẩy viên thức ăn qua thực quản xuống dạ dày đã được tạo ra như thế nào ?  Sau mỗi câu hỏi GV gọi HS trả lời, nhận xét, ghi bảng.  + Thức ăn qua thực quản có được biến đổi về mặt lý học và hoá học không ?  + Tại sao khi ăn uống không được cười đùa ?  + Tại sao trước khi đi ngủ không nên ăn kẹo đường ? | - HS quan saùt .  **B2:** HS tự đọc SGK và quan sát 2 tranh hình, trả lời .  **B3:** HS khác theo dõi và bổ sung .  **B4:** HS vận dụng kiến thức tự trả lời . | **II. Nuốt và đẩy thức ăn qua thực quản :**  - Nhờ hoạt động của lưỡi thức ăn được đẩy xuống thực quản  - Thức ăn qua thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của các cơ thực quản . |

***4. Củng cố:***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ.

Quá trình tiêu hoá thức ăn ở khoang miệng diễn ra như thế nào ?

Giải thích câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu”

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- Tại sao người ta khuyên trong khi ăn không nên cười đùa ?

- Tại sao khi đi ngủ không nên ăn kẹo, đường ?

Viết báo cáo về:

Nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh bệnh sâu răng

*Chú ý* bài viết có thể trình bày dưới dạng word...hoặc bằng những hình ảnh minh họa.

Những thông tin và hình ảnh có thể lấy từ các nguồn như sách báo tạp chí…

Lớp trưởng có thể tổ chức cho các bạn chia sẻ báo cáo.

***6. Hướng dẫn về nhà:***

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Đọc trước bài 26.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 26: THỰC HÀNH:**

**TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG CỦA EMZIMTRONG NƯỚC BỌT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-HS biết đặt các thí nghiệm để tìm hiểu những điều kiện bảo đảm cho enzim hoạt động.

-HS biết rút ra kết luận từ kết quả so sánh giữa thí nghiệm với đối chứng

***2. Kĩ năng:***

-Rèn thao tác tiến hành thí nghiệm khoa học: đong, đo, nhiệt độ thời gian

***3. Thái độ:*** Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc.

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

Hồ tinh bột, nước bọt, dd HCl, dd iôt .

Dụng cụ : 12 ống nghiệm nhỏ, 2 giá để ống nghiệm, 2 đền cồn và hai giá đun, 2 ống đong chia độ, 1 cuộn giấy đo PH, 2 phễu nhỏ và bông lọc, 1 bình thuỷ tinh, đũa thuỷ tinh, nhiệt kế, kẹp ống nghiệm .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra*:**  Gv kiểm tra việc đem đồ dùng của HS .

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

Khi chúng ta nhai cơm lâu trong miệng thấy ngọt là vì sao? vậy bài thí nghiệm này sẽ giúp các em khẳng định điều đó .

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:*** *HS biết đặt các thí nghiệm để tìm hiểu những điều kiện bảo đảm cho enzim hoạt động.*  **B1:** Gv yêu cầu các tổ báo cáo lại kết quả chuẩn bị của mình.  **B2:** Gv kiểm tra nhanh 1 - 2 nhóm . | - Tổ trưởng các tổ phân công và báo cáo như sau:  + 2 HS nhận dụng cụ và hoá chất  + 1 HS chuẩn bị nhãn cho ống nghiệm  + 2 HS đã chuẩn bị nước bọt hoà loãng, lọc, đun sôi .  + 2 HS chuẩn bị bình thuỷ tinh nước 370C |
| **Hoạt động 2**:  ***Mục tiêu:*** *HS biết rút ra kết luận từ kết quả so sánh giữa thí nghiệm với đối chứng*  **B1:** Gv yêu cầu HS tiến hành bước 1 và 2 như SGK .  **B2:** Gv lưu ý HS : Khi rót hồ tinh bột không để rớt lên thành ống, thao tác nhanh gọn, chính xác.  - Yêu cầu HS ghi kết quả thí nghiệm vào bảng 26.1  **B3:** Gv thông báo kết quả đúng của bảng 26 như SGV . | - Các tổ tiến hành theo các bước 1 và 2 như SGK  - Các tổ quan sát kết quả biến đổi độ trong của hồ tinh bột và ghi vào bảng 26.1  - Đại diện các tổ trình bày kết quả và giải thích |
| **Hoạt động 3**: Kiểm tra kết quả  **B1:** Gv yêu cầu chia dung dịch trong các ống A, B, C, D thành 2 phần .  **B2:** Gv theo dõi các nhóm và hướng dẫn cách đun ống nghiệm (đặt nghiêng ).  + So sánh màu sắc của các ống ở lô 1  + So sánh màu sắc của các ống trong lô 2 .  + Màu sắc của các ống nghiệm ở 2 lô cho em suy nghĩ gì ?  **B3:** Gv cho thảo luận toàn lớp và giúp HS hoàn thiện phần giải thích .  **B4:** Gv cho HS quan sát thí nghiệm mà Gv đã làm thành công để so sánh kết quả . | - Trong tổ cử 2 HS chia đều dung dịch ra các ống đã chuẩn bị sẵn A1, A2 – B1, B2 …  + Đặt các ống A1, B1, C1, D1 vào 1 giá (lô 1)  + Đặt các ống A2, B2, C2, D2 vào 1 giá khác (lô 2)  - Lô 1: Dùng ống hút lấy iốt và nhỏ 1 - 3 giọt vào mỗi ống.  - Lô 2: nhỏ vào mỗi ống 1 - 3 Strôme, đun sôi mỗi ống trên đèn cồn  - Cả tổ quan sát kết quả và thư ký tổ ghi vào bảng 26.2.  - HS thảo luận trong tổ |

***4. Nhận xét đánh giá***

- GV nhận xét giờ thực hành: khen nhóm làm tốt và cộng điểm vào bài thu hoạch

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

-Tại sao khi ăn nhiều khoai, bắp hoặc cơm nấu chưa chín thì ta bị sình bụng?

-Vì amilaza chỉ chuyển hóa tinh bột chín thành đường, không chuyển hóa tinh bột còn sống.

***6. Hướng dẫn về nhà***

Cá nhân viết thu hoạch theo mẫu SGK trang 86. Nhắc nhở vệ sinh lớp sạch sẽ

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 27: TIÊU HÓA Ở DẠ DÀY**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***  Trình bày được quá trình tiêu hoá ở dạ dày gồm :

+ Các hoạt động .

+ Cơ quan hay tế bào thực hiện hoạt động .

+ Tác dụng của các hoạt động .

***2. Kỹ năng***:Rèn kỹ năng tư duy dự đoán .

***3. Thái độ*** *:*Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ dạ dày.

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

-Tranh phóng to hình 27.1 SGK

-HS kẻ bảng 27 vào vở .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra :***

-Quá trình tiêu hoá thức ăn ở khoang miệng diễn ra như thế nào ?

-Khi thức ăn xuống đến dạ dày còn những loại chất nào cần được tiêu hoá tiếp

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

Chúng ta đã biết các thức ăn chỉ được tiêu hóa một phần ở khoang miệng, vậy vào dạ dày chúng có tiếp tục biến đổi không ? Nếu có thì biến đổi như thế nào ?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:***  + Dạ dày có cấu tạo như thế nào ?  **B2:**Gv cho HS trình bàytrên tranh để cả lớp theo dõi .  + Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo dự đoán xem ở dạ dày có các hoạt động tiêu hoá nào ? | **B1:** Cá nhân nghiên cứu thông tin và hình 27.1 SGK trang 87.  - 1 HS nhóm trình bày trên tranh  **B3:** HS khác nhận xét, bổ sung | **I . Cấu tạo dạ dày :**  - Dạ dày hình túi dung tích 3 lít .  - Thành cơ dày có 4 lớp:  + Lớp màng bọc ngoài  + Lớp cơ gồm 3 lớp cơ vòng, cơ dọc, cơ chéo.  + Lớp dưới niêm mạc  + Lớp niêm mạc có nhiều tuyến tiết dịch vị . |
| **Hoạt động 2**:  ***Mục tiêu:***  + Tìm hiểu thông tin hoàn thành bảng 27  **B1:** Gv giúp HS hoàn thiện kiến thức trong bảng 27  + Sự đẩy thức ăn xuống ruột nhờ hoạt động của các cơ quan bộ phận nào ?  + Loại thức ăn gluxit và lipit được tiêu hoá trong dạ dày như thế nào ?  + Vì sao prôtêin trong thức ăn bị dịch vị phân huỷ, nhưng Prôtêin của lớp niêm mạc dạ dày lại được bảo vệ, không bị phân huỷ ?  **B4:** GV liên hệ thực tế về cách ăn uống để bảo vệ dạ dày. | - Cá nhân nghiên cứu thông tin trong SGK  **B2:** Trao đổi nhóm hoàn thành bài tập .  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp nhóm khác nhận xét bổ sung .  - Hs theo dõi và tự sữa chữa ( nếu cần ) .  - Các nhóm xem lại điều dự đoán ban đầu và đánh giá bổ sung .  **B3:** HS trả lời  - HS chú ý: Thời gian ăn, loại thức ăn, lượng thức ăn | **II. Tiêu hoá ở dạ dày**  \* Biến đổi lý học:  - dạ dày tiết dịch vị giúp hoà loãng thức ăn  - Dạ dày co bóp mạnh và nhào trộn thức ăn thấm đều dịch vị  \* Biến đổi hoá học: hoạt động của enzim pepsin phân cắt prôtêin chuỗi dài thành các chuỗi ngắn gồm 3 - 10 axit amin.  - Các loại thức ăn khác như: lipit, gluxit… chỉ biến đổi về mặt lý học .  - Thời gian lưu lại thức ăn trong dạ dày từ 3 - 6 tiếng tuỳ loại thức ăn. |

***4. Củng cố:***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ SGK

Bài tập trắc nghiệm

1. Loại thức ăn nào được biến đổi cả về hoá học và lí học ở dạ dày:

a. Prôtêin. b. Gluxit . c. Lipit . d. Khoáng.

2. Biến đổi lí học ở dạ dày gồm:

a. Sự tiết dịch vị. b. Sự co bóp của dạ dày

c. Sự nhào trộn thức ăn . d. Cả a,b,c đều đúng .

3. Biến đổi hoá học ở dạ dày gồm:

a. Tiết dịch vị.

b. Thấm đều dịch vị với thức ăn .

c. Hoạt động của enzim pepsin. .

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

*1. Với khẩu phần thức ăn đầy dủ chất dinh dưỡng, sau khi tiêu hóa ở dạ dày thì còn những loại chất nào trong thức ăn cần tiêu hóa tiếp?*

*2. em hãy giải thích vì sao hiện nay người mắc bệnh về dạ dày ngày càng nhiều?*

*3. viết báo cáo về nguyên nhân, triệu trứng, cách phòng tránh bệnh dạ dày*

*Chú ý* bài viết có thể trình bày dưới dạng word...hoặc bằng những hình ảnh minh họa.

Những thông tin và hình ảnh có thể lấy từ các nguồn như sách báo tạp chí…

Lớp trưởng có thể tổ chức cho các bạn chia sẻ báo cáo.

***6. Hướng dẫn về nhà:***

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Chuẩn bị trước bài 28 “Tiêu hoá ở ruột non”

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 28: TIÊU HÓA Ở RUỘT NON**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

Trình bày được quá trình tiêu hoá diễn ra ở ruột non gồm :

+ Các hoạt động .

+ Cơ quan hay tế bào thực hiện hoạt động .

+ Tác dụng của các hoạt động .

***2. Kỹ năng:***

Rèn kỹ năng hoạt động độc lập với SGK, hoạt động nhóm.

***3. Thái độ:***

Giáo dục ý bảo vệ cơ quan tiêu hoá .

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

Tranh phóng to hình 28.1, 28.2 SGK

Bảng phụ kẻ bảng .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Biến đổi thức ăn ở ruột non | Hoạt động tham gia | Cơ quan tế bào thực hiện | Tác dụng của hoạt động |
| Biến đổi lí học |  |  |  |
| Biến đổi hoá học |  |  |  |

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra :***

Biến đổi hoá học ở dạ dày diễn ra như thế nào ?

Với khẩu phần ăn đầy đủ các chất, sau tiêu hoá ở dạ dày thì còn những loại chất nào trong thức ăn cần được tiêu hoá tiếp ?

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

- Khi chúng ta ăn, chỉ có tinh bột và prôtêin là được tiêu hóa ở miệng và dạ dày. sau khi tiêu hóa ở dạ dày thì còn những loại chất nào trong thức ăn cần tiêu hóa tiếp?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:*** *Cơ quan hay tế bào thực hiện hoạt động*  **B1:** + Ruột non có cấu tạo như thế nào ?  + Dự đoán xem ở ruột non có hoạt động tiêu hoá nào?  **B4:** Gv cho lớp thảo luận nhận xét và ghi điều dự đoán của các nhóm lên bảng | **B2:** HS trả lời  - Trao đổi nhóm thống nhất ý kiến trả lời câu hỏi.  **B3:** Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung | **I . Ruột non:**  - Thành ruột có 4 lớp nhưng mỏng hơn dạ dày  + Lớp cơ chỉ có cơ dọc và cơ vòng .  + Lớp niêm mạc có nhiều tuyến ruột tiết dịch ruột và chất nhầy. |
| **Hoạt động 2** :  ***Mục tiêu:*** *Tác dụng của các hoạt động*  + Hoàn thành nội dung bảng “các hoạt động biến đổi thức ăn ở ruột”  **B2:** Gv giúp HS hoàn thành kiến thức và yêu cầu HS so sánh với điều đã dự đoán ở mục trên xem đúng hay sai và giải thích vì sao  **B3:** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mục ▽ SGK  + Làm thế nào để khi chúng ta ăn thức ăn được biến đổi hoàn toàn thành chất dinh dưỡng (đường đơn, glyxêrin….) mà cơ thể có thể hấp thụ được . | **B1:** Cá nhân tự nghiên cứu SGK ghi nhớ kiến thức  - Trao đổi nhóm hoàn thành bảng kiến thức .  - Đại diện nhóm trình bày, Các nhóm khác theo dõi nhận xét và bổ sung nếu cần.  **B4:** HS trả lời | **II. Tiêu hoá ở ruột non**  \* Biến đổi lý học:  - Gan, tuyến tuỵ, tuyến ruột tiết dịch tiêu hoá giúp hoà loãng thức ăn  - Sự co bóp của ruột non  thức ăn thấm đều dịch tiêu hoá  \* Biến đổi hoá học:  - Tinh bột và đường đôi  đường đôi  đường đơn  - Prôtêin  Peptit  axit amin  - Lipit  Các giọt lipit nhỏ  Glixêrin và axít béo |

***4.Củng cố:***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

HS đọc kết luận SGK

Chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Các chất trong thức ăn được biến đổi hoàn toàn ở ruột non là :

a. Prôtêin. b. Gluxit . c. Lipit . d. Cả a, b, c e. Chỉ a và b

2. Ở ruột non sự biến đổi thức ăn chủ yếu là :

a. Biến đổi lí học. b. Biến đổi hoá học c. Cả a và b .

***5.Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

1. với một khẩu phần ăn đầy đủ các chất và sự tiêu hóa diễn ra có hiệu quả thì thành phần chất dinh dưỡng sau khi tiêu hóa là gì?

2. một người bị triệu chứng thiếu axit trong dạ dày thì sự tiêu hóa ở ruột non có thể như thế nào?

***6.Hướng dẫn về nhà:***

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Kẻ bảng 29 vào vở, Chuẩn bị trước bài 29

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 29: HẤP THỤ CHẤT DINH DƯỠNG VÀ THẢI PHÂN**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-Trình bày được những đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ các chất dinh dưỡng .

-Các con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột non tới các cơ quan, tế bào

-Vai trò của gan và ruột già

-Trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá và các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá

***2. Kỹ năng****:*Rèn kỹ năng:

-Thu thập kiến thức từ tranh hình, thông tin .

-Khái quát hoá, tư duy tổng hợp, Tư duy dự đoán .

-Hoạt động nhóm

***3. Thái độ:***

-Giáo dục ý thức vệ sinh ăn uống bảo vệ hệ tiêu hoá .

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

Tranh phóng to hình 29.1, 29.2, 29.3 SGK

Tư liệu về vai trò của gan trong hấp thụ dinh dưỡng .

Bảng phụ kẻ sẵn bảng 29 SGK.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra:***

Hoạt động tiêu hoá chủ yếu ở ruột non là gì ?

Những loại chất nào trong thức ăn còn cần được tiêu hoá ở ruột non ?

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

1**.** Các chất sau khi tiêu hóa ở ruột non. Thức ăn sau khi biến đổi thành chất dinh dưỡng được cơ thể hấp thụ như thế nào ?...

2. em hãy kể tên các bệnh thường gặp ở các cơ quan của hệ tiêu hóa?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được những đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ các chất dinh dưỡng .*  + đặc điểm cấu tạo trong của ruột non có ý nghĩa gì với chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng của nó ?  **B2:** Gv giới thiệu cấu tạo đặc biệt của niêm mạc ruột trên hình phóng to. | **B1:**  HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 29.1 trang 93, trả lời | **I. Hấp thụ chất dinh dưỡng:**  - Cấu tạo ruột non phù hợp với việc hấp thụ :  + Niêm mạc ruột non có nhiều nếp gấp .  + Có nhiều lông ruột và lông cực nhỏ  + Mạng lưới mao mạch máu và bạch huyết dày đặc phân bố tới từng lông ruột  + Ruột non dài (2,8 – 3m) tổng tổng diện tích bề mặt bên trong đạt tới 500m2 |
| **Hoạt động 2**:  ***Mục tiêu:*** *Các con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột non tới các cơ quan, tế bào*  + Hoàn thành bảng 29 trang 95 SGK .  + Gan đóng vai trò gì trên con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng về tim?  **B2:** Gv khái quát trên tranh hình 29.3  + Vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hoá ở cơ thể người ? | **B1:** HS tự nghiên cứu thông tin, hình 29.3 SGK trang 94 kết hợp kiến thức bài 28.  - Trao đổi nhóm thống nhất nội dung ở bảng 29  - Đại diện nhóm lên điền vào bảng, nhóm khác bổ sung  - HS trả lời  **B3:** HS tự đọc thông tin SGK, trả lời | **II. Con đường vận chuyển, hấp thụ các chất. Thải phân**  \* Con đường vận chuyển và hấp thụ các chất: bảng 29 SGV  \* Vai trò của gan :  + Điều hoà nồng độ các chất dự trữ trong máu luôn ổn định  + Khử độc  \* Vai trò của ruột già:  + Hấp thụ nước  + Thải phân |
| **Hoạt động 3:**  ***Mục tiêu:*** *Vai trò của gan và ruột già*  + Hoàn thành bảng 30.1 SGK .  **B2:** Gv cho HS quan sát nội dung kiến thức hoàn chỉnh của bảng 30.1 .  + Ngoài các tác nhân em còn biết có tác nhân nào nữa gây hại cho hệ tiêu hoá ?  + Trả lời câu hỏi mục ▽ SGK tr98  ⇨ Vậy có biện pháp nào để bảo vệ hệ tiêu hoá ?  + Tại sao không nên ăn vặt ?  + Tại sao những người lái xe đường dài hay bị đau dạ dày ?  + Tại sao không nên ăn quá no vào buổi tối ?  + Tại sao không nên ăn kẹo trước khi ngủ | **B1:** Cá nhân nghiên cứu thông tin SGK kết hợp tranh ảnh đã chuẩn bị. Trao đổi nhóm thống nhất câu trả lời .  - Đại diện các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.  - HS có thể nêu một số loại trùng gây tiêu chảy, 1 số chất bảo vệ thực phẩm  **B3:**HS trả lời  **B4:** HS vận dụng kiến thức của chương “tiêu hoá” vào thực tế để giải thích . | **III. Vệ sinh hệ tiêu hoá**  *1. Các tác nhân có hại cho hệ tiêu hoá :*  - Bảng 30.1: SGV  *2. Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá khỏi các tác nhân có hại.*  - Ăn uống hợp vệ sinh, đúng cách  - Khẩu phần ăn hợp lí.  - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn . |

***4. Củng cố.***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.\*

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

Đặc điểm cấu tạo nào của ruột non giúp nó đảm nhiệm tốt vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng ?

Tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá ?

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

1. kể tên những việc gia đình em hay làm để phòng chống bệnh tiêu hóa.

2. hãy viết báo cáo về một số bệnh ở cơ quan tiêu hóa . mỗi bệnh cần có các ý chính sau :

a. tên bệnh

b. triệu trứng

c. nguyên nhân

d. cách phòng tránh

*Chú ý* bài viết có thể trình bày dưới dạng word...hoặc bằng những hình ảnh minh họa.

Những thông tin và hình ảnh có thể lấy từ các nguồn như sách báo tạp chí…

Lớp trưởng có thể tổ chức cho các bạn chia sẻ báo cáo.

***6. Hướng dẫn về nhà***

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “ Em có biết”

Chuẩn bị thực hành: nước bọt, nước cơm.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 30: VỆ SINH TIÊU HÓA – BÀI TẬP**

**I/. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

**-** HS trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hóa và mức độ tác hại của nó.

- Kể một số bệnh về đường tiêu hóa

- Chỉ ra được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả.

**-** Ôn lại k thức về cấu tạo cũng như chức năng hệ vận động, hệ hô hấp , hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa.Mối quan hệ hoạt động giữa các cơ quan nói trên

- Củng cố lại kiến thức cho học sinh

- Giải đáp những thắc mắc của học sinh về các bài tập khó.

***2. Kỹ năng***

Rèn kỹ năng:

- Liên hệ thực tế, giải thích bằng cơ sở khoa học.

- Hoạt động nhóm.

- Kĩ năng đặt mục tiêu: Bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại và bảo đảm sự tiêu hóa có hiệu quả.

- Kĩ năng hợp tác, ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận.

- Kĩ năng thu thập và xử lí thông tin khi đọc SGK, các tài liệu liên quan để tìm hiểu các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại và đảm bao3su75 tiêu hóa hiệu quả…

- Kĩ năng tự nhận thức: xác định được những thói quen ăn uống hàng ngày của bản thân có thói quen nào tốt và chưa tốt.

***3. Thái độ***

- Giáo dục ý thức bảo vệ hệ tiêu hóa thông qua chế độ ăn và luyện tập.

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II/. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh các bệnh về răng, dạ dày, ruột.

- Tranh ảnh các loại giun, sán kí sinh ở ruột.

- Có điều kiện thì dùng máy chiếu

**III/. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra**

***GV:*  ?***Gan đảm nhiệm những vai trò gì trong quá trình tiêu hóa ở cơ thể người ?*

***2.* Bài mới:**

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

**-** Các em đã bao giờ bị sâu răng, hay bị rối loạn tiêu hóa chưa ? Nguyên nhân nào dẫn đến bệnh đó ?

**B. Hình thành kiến thức:**

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1**  **Các tác nhân có hại cho hệ tiêu hóa**  ***Mục tiêu:*** *HS trình bày được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hóa và mức độ tác hại của nó.*  **B1:** GV yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng 30.1 SGK tr.98.  - GV kẻ nhanh bảng 30.1 nhanh lên bảng, gọi đại diện các nhóm lên trình bày.  - Các nhóm nghiên cứu thông tin SGK kết hợp với tranh ảnh đã chuẩn bị trao đổi nhóm thống nhất ý kiến ghi nhớ kiến thức.  - Đại diện nhóm lên bảng trình bày.  Các nhóm còn lại theo dõi bổ sung  **B2:** GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chữa bài bằng cách đưa bảng phụ ghi sẳn nội dung cho HS so sánh với phần hoàn thành của nhóm mình và bổ sung kiến thức còn thiếu.  - HS so sánh nội dung của GV với nội dung của mình và tự sửa chữa.  **B3**:Gv:?Các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hóa ?  **?** Mức độ ảnh hưởng tới các cơ quan do các tác nhân gây ra như thế nào ?  **?** Ngoài các tác nhân trên em còn biết có rtác nhân nào nữa không  Cho ví dụ.  - HS dựa vào nội dung bảng trả lời tổng quát.  - HS một số loại trùng gây tiêu chảy, một số chất bảo vệ thực phẩm... | **I. Các tác nhân có hại cho hệ tiêu hóa.**  Có nhiều tác nhân gây hại cho hệ tiêu hóa:  **- Các sinh vật gây bệnh.**  **- Các chất độc hại trong thức ăn, đồ uống.**  **- Ăn uống không đúng cách.**  **- Khẩu phần ăn không hợp lí.** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tác nhân | Các cơ quan hoặc hoạt động bị ảnh hưởng | Mức độ ảnh hưởng |
| Vi khuẩn | - Răng  - Dạ dày, ruột  - Các tuyến tiêu hóa | - Tạo môi trường Axít làm hỏng men răng.  - Bị viêm, loét.  - Bị viêm 🡪 tăng tiết dịch. |
| Giun sán | - Ruột  - Các tuyến tiêu hóa | - Gây tắc ruột.  - Gây tắc ống dẫn mật. |
| Ăn uống không đúng cách | - Các cơ quan tiêu hóa  - Họat động tiêu hóa  - Hoạt động hấp thụ | - có thể bị viêm  - Kém hiệu quả  - Giảm |
| Khẩu phần ăn không hợp lí | - Các cơ quan tiêu hóa  - Hoạt động tiêu hóa  - Hoạt động hấp thụ | - Dạ dầy và ruột bị mệt mỏi, gan có thể bị sơ.  - Bị rối loạn.  - Kém hiệu quả. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2**  **Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả.**  ***Mục tiêu:*** *Chỉ ra được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả.*  **B1:** GV yêu cầu HS đọc thông tin.  **?** Thế nào là vệ sinh răng miệng đúng cách ?  **?** Thế nào là ăn uống hợp vệ sinh ?  **?** Tại sao ăn uống đúng cách lại giúp tiêu hóa có hiệu quả  **\* GDMT:?** Em đã thực hiện biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa như thế nào?  - Cá nhân tự nghiên cứu thông tin SGK ghi nhớ thông tin, trao đổi nhóm, thống nhất câu trả lời.  - Yêu cầu:  + Đánh răng, thuốc đánh răng.  + Thức ăn chín, tươi, uống chín...  + Ăn chậm nhai kỹ, ăn xong phải nghỉ ngơi.  - Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm còn lại theo dỗi bổ sung.  **B2:** GV lưu ý: có rất nhiều ý kiến GV nên hướng HS vào nội dung:  + Cơ sở khoa học.  + Đã thực hiện như thế nào ?  - HS vận dụng kiến thức trả lời.  **B3:** GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức 🡪 kết luận:  - HS rút ra kết luận.  **B4:*Gv***: liên hệ thực tế  **?** Tại sao không nên ăn vặt ?  **?** Tại sao không nên ăn quá no vào buổi tối ?  **?** Tại sao không nên ăn kẹo trước khi đi ngủ ?  - HS vận dụng kiến thức ở chương tiêu hóa.  - Đại diện trình bày  - GV chốt lại kiến thức 🡪 liên hệ thực tế cho HS hiểu. | **II. Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân có hại và đảm bảo sự tiêu hóa có hiệu quả.**  **- Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa:**  **+ Ăn uống hợp vệ sinh.**  **+ Khẩu phần ăn hợp ly.**  **+ Ăn uống đúng cách.**  **+ Vệ sinh răng miệng sau khi ăn.** |

**BÀI TẬP CHƯƠNG 1, 2, 3, 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động gv và hs** | Nội dung | |
| Hoạt động 1 Chương I: Khái quát về cơ thể người | | |
| **Câu 1:** Hãy nêu cấu tạo và chức năng của nơ ron thần kinh?  **Câu 2**: Phản xạ là gì? so sánh sự khác nhau giữa cung phản xạ và vòng phản xạ? | -Gồm thân và tua…  -Cảm ứng và dẫn truyền  -Khác nhau : vòng phản xạ gồm có xung thần kinh thông báo ngược và xung thần kinh li tâm điều chỉnh … | |
| Hoạt động 2 Chương II: Vận động | | |
| **Câu 3**: Bộ xương người có cấu, tính chất tạo rất phù hợp với chức năng: bảo vệ, vận động và nâng đỡ cơ thể như thế nào?  **Câu 4:** Đặc điểm cấu tạo nào cuả tế bào cơ phù hợp với chức năng co cơ? | | -Cấu tạo: gồm 3 loại xương xương dài xương ngắn, xương dẹt. Đặc biệt xương dài hình ống to khỏe phù hợp với chức năng nâng đỡ, xương dẹt thường tạo nên các khoang rỗng bảo vệ các cơ quan nọi tạng bên trong cơ thể. Các khớp xương đặc biệt là khớp động phù hợp với chức năng vận động cơ thể.  -Bắp cơ gồm nhiều bó cơ , bó cơ gồm nhiều sợi cơ, sợi cơ sồm nhiều tơ cơ. tơ cơ có hai loại: tơ cơ dày và tơ cơ mảnh  -Khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm tế bào cơ ngắn lại |
| Hoạt động Chương III: Hệ tuần hoàn | | |
| **Câu 5:** Vì sao maú lại vận chuyển được trong hệ mạch?  **Câu 6:** Hãy chứng minh tim có cấu tạo phù hợp với chức năng co bóp và đẩy máu đi nuôi cơ thể? | | -Sự hoạt động phối hợp các thành phần cấu tạo của tim và hệ mạch tạo ra huyết áp trong hệ mạch- Sức đẩy chủ yếu giúp máu tuần hoàn liên tục và theo 1 chiều trong hệ mạch  -Tim gồm các ngăn tim, giữa các ngăn tim có thành tim dày mỏng khác nhau để bơm máu tới các vùng khác nhau trên cơ thể  -Trong tim có các van tim giúp máu lưu thông tuần hoàn theo 1 chiều nhất định |
| Hoạt động 3 IV- Hô hấp | | |
| -GV sơ qua các giai đoạn hô hấp, các hoạt động hô hấp diễn ra trong mỗi giai đoạn trên. Thực chất của quá trình hô hấp…  **Câu 7**: Hô hấp thường khác hô hấp sâu như thế nào? | | - HS vẽ hình .  -Hô hấp sâu: thể tích khí ra vào phổi lớn hơn, có sự tham gia của tất cả các cơ hô hấp, là phản xạ có điều kiện |
| Hoạt động 4 Chương V: Hệ tiêu hóa | | |
| **Câu 8 :** Hoạt động tiêu hóa chủ yếu ở ruột non là gì? những loại thức ăn nào còn cần được tiêu hóa ở ruột non?  **Câu 9 :** Nêu những đặc điểm chứng tỏ niêm mạc ruột non có cấu tạo phù hợp với chức năng hấp thụ chất dinh dưỡng? | -Là hoạt động biến đổi thức ăn về mặt hóa học. Các loại thức ăn cần tiêu hóa ở ruột non là G,L,P…  -Ruột non dài, có nhiều lông ruột, có nhiều mao mạch máu, mach bạch huyết, có nhiều nếp gấp… | |

***3.Kiểm tra đánh giá.***

- Các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hóa khỏi các tác nhân gây hại.

-GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài: câu hỏi 1. SGK tr. 99.

Hs làm bài tập trắc nghiệm

1/ Chất nào dưới đây được xếp vào nhóm chất hữu cơ

A/ Lipit , nước B/ Gluxit , nước C/ Gluxit , prôtêin D/ Muối khoáng , Vitamin

2/ Bạch cầu tham gia bảo vệ cơ thể bằng cơ chế :

A/ Phá huỷ tế bào cơ thể nhiễm bệnh B/ Thực bào C/ Tiết ra kháng thể

D/ Cả A ,B,C đúng

3/ Trong máu , thể tích của huyết tương chiếm tỷ lệ :

A/ 35% B/ 45% C/ 55% D/ 65 %

4/ Nơi xảy ra sự trao đổi khí ở phổi :

A/ Xoan mũi B/ khí quản C/ Phế nang D/ Phế quản

5/ Khói thuốc lá có tác hại

A/ Có thể gây ung thư gan B/ Có thể gây ung thư phổi C/ Có thể gây ung thư dạ dày

D/ Có thể gây ung thư thận

6/ Chất nào sau đây không bị biến đổi hoá học trong tiêu hoá :

A/ Prôtêin B/ Lipit C/ Muối khoáng D/ Axit nuclêic

7/ Bộ phận không có biến đổi hoá học thức ăn :

A/ Miệng B/ Thực quản C/ Dạ dày D/ Ruột non

**4. Dặn dò :**

Học câu hỏi cuối các bài đã học

- Xem bài mới tiết 32 : Trao đổi chất .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

Củng cố và khắc sâu những kiến thức đã học

Chữa một số bài tập trong vở bài tập sinh học 8 – NXB GD 2006

***2. Kĩ năng:***

Rèn kĩ năng tư duy, tổng hợp, so sánh

Kĩ năng hoạt động nhóm

***3. Thái độ****:* GD lòng yêu thích học tập bộ môn

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: bảng phụ

- HS: ôn tập kiến thức

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

***Ổn định tổ chức***

***Kiểm tra bài cũ***

***Bài mới***

***Khởi động:*** Thu bài thu hoạch thực hành tiết trước.

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **B1:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và yêu cầu HS thảo luận trả lời 1 số câu hỏi.  **B2:** GV phát phiếu học tập có nội dung các câu hỏi.  **B3:** GV quan sát hướng dẫn các nhóm tổng hợp những kiến thức cơ bản.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và giúp HS hoàn thiện kiến thức. | - Các nhóm nhận phiếu học tập đã có sẵn nội dung.  - Các nhóm trao đổi thống nhất ý kiến hoàn thành nội dung đó.  - Đại diện nhóm trình bày đáp án. Các nhóm khác nhận xét bổ sung.  - Sau khi nghe nhận xét và bổ sung của giáo viên, các nhóm tự sửa chữa và ghi vào vở . |

***Câu 1****: Hãy chứng minh tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể ?*

- Sự phân chia tế bào giúp cơ thể lớn lên.

- Mọi hoạt động sống của cơ thể đều liên quan đến hoạt động sống của tế bào. Tế bào thực

hiện sự trao đổi chất và năng lượng, cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của cơ thể.

***Câu 2:*** *Có khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng co tối đa hoặc cùng duỗi tối đa không ? Vì sao ?*

Không khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi của 1 bộ phận cơ thể cùng co tối đa.

Cơ gấp và cơ duỗi của một bộ phận cơ thể cùng duỗi tối đa khi các cơ này mất khả năng tiếp nhận kích thích. Do đó mất trương lực cơ (người bị liệt)

*Câu 3: Hãy giải thích câu nói : chỉ cần ngừng thở 3 – 5 phút thì máu qua phổi sẽ chẳng có O2 để mà nhận ?*

Trong 3 – 5 phút ngừng thở, không khí trong phổi cũng ngừng lưu thông, nhưng tim không ngừng đập, máu không ngừng lưu thông qua các mao mạch ở phổi, trao đổi khí ở phối không ngừng diễn ra, O2 trong không khí ở phổi không ngừng khuếch tán vào máu và CO2 không ngừng khuếch tán ra. Bởi vậy, nồng độ O2 trong không khí ở phổi hạ thấp tới mức không đủ áp lực để khuếch tán vào máu nữa.

***Câu 4:*** *Hoạt động hô hấp ở người và hô hấp ở thỏ có gì giống và khác nhau ?*

\* Giống nhau:

- Gồm các giai đoạn: sự thông khí ở phổi, trao đổi khí ở phổi, TĐK ở tế bào.

- Sự TĐK ở phổi và TĐK ở tế bào theo cơ chế khuếch tán từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp

\* Khác nhau:

- Ở thỏ: sự thông khí ở phổi chủ yếu do hoạt động của cơ hoành và lồng ngực do bị ép giữa 2 chi trước nên không dãn nở về 2 bên.

- Ở người:sự thông khí ở phổi do nhiều cơ phối hợp với nhau và lồng ngực dãn nở về cả 2 bên

***Câu 5****: Một người bị triệu chứng thiếu axit trong dạ dày thì sự tiêu hoá ở ruột non có thể thế nào ?*

- Thiếu axit trong dạ dày ⇨ môn vị thiếu tín hiệu đóng nên thức ăn sẽ qua môn vị xuống ruột non liên tục và nhanh hơn. Thức ăn sẽ không đủ thời gian ngấm đều dịch tiêu hoá của ruột non nên hiệu quả tiêu hoá sẽ thấp.

***Câu 6****: Giải thích câu thành ngữ “nhai kĩ no lâu”*

- Khi nhai kĩ thì hiệu suất tiêu hoá càng cao, cơ thể hấp thụ được nhiều chất dinh dưỡng nên no lâu hơn.

***Củng cố:*** GV nhận xét và cho điểm những nhóm hoạt động tốt

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-*** *Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

***6.Hướng dẫn về nhà.***

- Xem lại nội dung các bài tập đã làm. Đọc trước bài 31

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**CHƯƠNG VI: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG**

**BÀI 31: TRAO ĐỔI CHẤT**

**I. MỤC TIÊU.**

***1. Kiến thức :***

Phân biệt được sự TĐC giữa cơ thể và môi trường với sự TĐC ở tế bào

Trình bày được mối liên quan giữa TĐC của cơ thể với TĐC ở tế bào

***2. Kỹ năng*:** Rèn kỹ năng:

Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình

Rèn kỹ năng hoạt động nhóm

***3. Thái độ*:**  Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ sức khoẻ

***4. Năng lực:***

Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

Tranh phóng to hình 31.1, 31.2 .

Phiếu học tập .

|  |  |
| --- | --- |
| Hệ cơ quan | Vai trò trong sự TĐC |
| Tiêu hoá  Hô hấp  Tuần hoàn  Bài tiết |  |

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra :***

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

Giáo viên cho hs quan sát hình ảnh em bé mới sinh ra, em bé 3 tháng tuổi, hình ảnh bé 5 tuổi, hình ảnh người trưởng thành

**B1**:Gv? Em có nhận xét gì về kích thước, chiều cao, cân nặng của em bé so với người trưởng thành?

Hs: em bé có kích thước nhỏ hơn, chiều cao thấp hơn và cân nặng nhẹ hơn so với người trưởng thành

**B2:**Gv: vì sao có sự khác nhau dó

Hs: vì em bé lớn lên được

**B3**:Gv? Nhờ đâu em bé lớn lên được để trở thành người trưởng thành?

Hs trả lời nhờ quá trình trao đổi chất và năng lượng

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1**:  ***Mục tiêu:*** *Phân biệt được sự TĐC giữa cơ thể và môi trường ngoài*  + Sự TĐC giữa cơ thể và môi trường biểu hiện như thế nào ?  **B1**:Gv yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập  **B2**: Gv hoàn chỉnh kiến thức  **B3**: Gv phân tích:  + Vật vô sinh phân huỷ  + Sinh vật: tồn tại, phát triển 🠢 TĐC là đặc trưng cơ bản của sự sống . | **-** HS quan sát hình 31.1 cùng kiến thức đã học nêu được biểu hiện :  + Lấy chất cần thiết vào cơ thể .  + Phải có CO2 và chất cặn bã ra môi trường .  - HS vận dụng hiểu biết của bản thân làm bài tập  - Vài HS lên làm bài tập, lớp bổ sung | **I. TĐC giữa cơ thể và môi trường ngoài**  - Trao đổi chất ở cấp độ cơ thể: môi trường ngoài cung cấp thức ăn, nước, muối khoáng và oxi qua hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, đồng thời tiếp nhận chất bã, sản phẩm phân huỷ và khí CO2 từ cơ thể thải ra |
| **Hoạt động 2** :  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được mối liên quan giữa TĐC của cơ thể với TĐC ở tế bào*  + Hoạt động sống của tế bào tạo ra những sản phẩm gì ?  + Các sản phẩm từ tế bào thải ra được đưa tới đâu ?  + Sự trao đổi chất giữa tế bào và môi trường trong biểu hiện như thế nào ?  - Gv giúp HS hoàn thiện kiến thức .  - Phân biệt trao đổi chất ở cấp độ cơ thể và trao đổi chất ở cấp độ tế bào | - HS dựa vào hình 31.2, vận dụng kiến thức thảo luận trong nhóm thống nhất câu trả lời  - Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung  - HS trả lời, nêu được:  + Môi trường trao đổi  + Sản phẩm trao đổi. | **II. Trao đổi chất giữa tế bào và môi trường trong:**  - Chất dinh dưỡng và oxi được tế bào sử dụng cho các hoạt động sống, đồng thời các sản phẩm phân huỷ đưa đến các cơ quan thải ra ngoài.  - Sự TĐC ở tế bào thông qua môi trường trong |
| **Hoạt động 3:**  *Mục tiêu:* ***Trình bày được mối liên quan hệ giữa TĐC ở cấp độ cơ thể với TĐC ở cấp độ tế bào***  + TĐC ở cấp độ cơ thể thực hiện như thế nào ?  + Trao đổi chất ở cấp độ tế bào được thực hiện như thế nào ?  + Nếu quá trình TĐC ở 1 cấp độ ngừng lại sẽ dẫn đến hậu quả gì ?  - Gv yêu cầu HS rút ra kết luận về mối quan hệ giữa TĐC ở 2 cấp độ . | - HS dựa vào kiến thức ở mục 1 và 2 để trả lời :  + Nếu TĐC ngừng thì cơ thể sẽ chết .  - HS tự rút ra kết luận | **III. Mối quan hệ giữa TĐC ở cấp độ cơ thể với TĐC ở cấp độ tế bào.**  - TĐC ở cấp độ cơ thể cung cấp chất dinh dưỡng và oxi cho tế bào, nhận từ tế bào sản phẩm bài tiết, CO2 để thải ra môi trường ngoài.  - Trao đổi chất ở tế bào giải phóng năng lượng cung cấp cho cơ quan trong cơ thể thực hiện hoạt động trao đổi chất.  ⇨ TĐC ở 2 cấp độ có liên quan mật thiết với nhau không thể tách rời, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển |

***4. Củng cố***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

-Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

-Ở cấp độ cơ thể sự TĐC diễn ra như thế nào ?

-Nêu mối quan hệ giữa TĐC ở cấp độ cơ thể với TĐC ở cấp độ tế bào ?

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.* ***-*** *-Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

-Trao đổi chất ở tế bào có ý nghĩa gì đối với trao đổi chất của cơ thể ?

-Nêu mối quan hệ giữa trao đổi chất ở cấp độ cơ thể với trao đổi chất ở cấp độ tế bào

***6. Hướng dẫn về nhà***

-Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

-Chuẩn bị trước bài 32 “Chuyển hoá”

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 32: CHUYỂN HÓA**

**I. MỤC TIÊU.**

***1. Kiến thức:***

-Xác định được sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hoá và dị hoá, là hoạt động cơ bản của sự sống .

-Phân tích mối quan hệ giữa trao đổi chất với chuyển hoá vật chất và Q

***2. Kỹ năng:***

-Rèn kỹ năng phân tích và so sánh .

-Kỹ năng hoạt động nhóm.

***3. Thái độ****:*GD ý thức bảo vệ cơ thể, đặc biệt khi môi trường thay đổi

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Tranh phóng to hình 32.1 SGK .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra :***

-Ở cấp độ cơ thể sự TĐC diễn ra như thế nào ?

-Tế bào trao đổi chất với môi trường trong như thế nào ?

***3. Bài mới* :**

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

-Điều gì sẽ xảy ra nếu cơ thể chỉ được cung cấp năng lượng mà không giải phóng năng lương?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1** :  ***Mục tiêu:*** *Xác định được sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hoá và dị hoá, là hoạt động cơ bản của sự sống .*  **B1:** Gv giảng như phần □ SGK  + Sự chuyển hoá vật chất và năng lượng gồm những quá trình nào ?  + Phân biệt TĐC với chuyển hoá vật chất và năng lượng ?  + Năng lượng giải phóng ở tế bào được sử dụng vào những hoạt động nào?  **B2:** GV sử dụng sơ đồ giảng như SGV  + Trả lời câu hỏi mục ∇ tr.103 SGK | **-** HS quan sát hình 32-1  - Thảo luận nhóm thống nhất đáp án .  - Gồm 2 quá trình: đồng hoá và dị hoá  + TĐC là hiện tượng trao đổi các chất giữa tế bào với mt trong  + Chuyển hoá là sự biến đổi vật chất có tích luỹ và giải phóng Q  + Co cơ sinh công, sinh nhiệt bù đắp vào phần nhiệt cơ thể mất đi do tỏa nhiệt vào môi trường  - Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác bổ sung.  - 1 HS lập bảng so sánh  - 1 HS trình bày mối quan hệ .  - Lớp nhận xét bổ sung. | **I. Chuyển hoá vật chất và năng lượng :**  - Chuyển hoá là quá trình biến đổi vật chất và Q ở tế bào  - TĐC là biểu hiện bên ngoài của quá trình chuyển hoá vật chất và Q trong tế bào. Mọi hoạt động sống của cơ thể đều bắt nguồn từ sự chuyển hoá trong tế bào.  - Mối QH: Đồng hoá và dị hoá là 2 quá trình đối lập, mâu thuẫn nhưng thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Không có đồng hoá 🠢 không có nguyên liệu cho dị hoá  + Không có dị hoá 🠢 không có Q cho hoạt động đồng hoá  - Tương quan giữa đồng hoá và dị hoá phụ thuộc vào lứa tuổi, giới tính và trạng thái cơ thể . |
| **Hoạt động 2**:  ***Mục tiêu:*** *Phân tích mối quan hệ giữa trao đổi chất với chuyển hoá vật chất và Q*  + Cơ thể ở trạng thái nghỉ ngơi có tiêu dùng năng lượng không ? tại sao ?  + Em hiểu chuyển hoá cơ bản là gì ? ý nghĩa của chuyển hoá cơ bản ? | - HS vận dụng kiến thức đã học trả lời .  + Có tiêu dùng cho hoạt động hô hấp, tim mạch, duy trì thân nhiệt . | **II. Chuyển hoá cơ bản:**  - Là năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.  - Ý nghĩa: Dùng để xác định tình trạng sức khoẻ, trạng thái bệnh lí . |
| **Hoạt động 3** :  *Mục tiêu:* ***Trình bày được sự điều hoà sự chuyển hoá vật chất và năng lượng***  + Có những hình thức nào điều hoà sự chuyển hoá vật chất và năng lượng ?  - Gv làm rõ khái niệm điều hoà bằng thần kinh và thể dịch | - HS dựa vào thông tin nêu được các hình thức:  + Sự điều khiển của hệ thần kinh .  + Do các hoocmôn tuyến nội tiết .  - 1 vài HS phát biểu, lớp bổ sung . | **III. Điều hoà sự chuyển hoá vật chất và năng lượng:**  - Cơ thể thần kinh:  Ở não có các trung khu điều khiển sự TĐC.  - Cơ chế thể dịch: do các hoocmôn đổ vào máu. |

***4. Củng cố:***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

**Câu 1**: ghép các số 1, 2,3…. ở cột A với các chữ cái a,b,c…. ở cột B để câu trả lời đúng .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| 1. Đồng hoá  2. Dị hoá .  3. Tiêu hoá  4. Bài tiết . | a- Lấy thức ăn biến đổi thành chất dinh dưỡng hấp thụ vào máu .  b- Tổng hợp chất đặc trưng và tích luỹ năng lượng .  c- Thải các sản phẩm phân huỷ và các sản phẩm thừa ra môi trường ngoài .  d- Phân giải chất đặc trưng thành chất đơn giản và giải phóng năng lượng . | 1- |

**Câu 2** : Chuyển hoá là gì ? chuyển hoá gồm các quá trình nào ?

**Câu 3** : Vì sao nói chuyển hoá vật chất và năng lượng là đặc trưng cơ bản của sự sống ?

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

-Hãy nêu sự khác biệt giữa đồng hóa với tiêu hóa, giữa dị hóa với bài tiết

-Giải thích mối quan hệ giữa đồng hóa và dị hóa ?

***6. Hướng dẫn về nhà***

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

-Đọc mục “em có biết”

-Chuẩn bị trước bài 33 “Thân nhiệt”

-Tìm thêm các phương pháp phòng chống nóng lạnh .

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 33: THÂN NHIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-Trình bày được khái niệm thân nhiệt và các cơ chế điều hoà thân nhiệt.

-Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng được vào đời sống các biện pháp chống nóng lạnh, để phòng, cảm lạnh .

***2 . Kỹ năng:*** Rèn kỹ năng:

-Hoạt động nhóm .

-Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn .

-Tư duy tổng hợp, khái quát .

***3. Thái độ*:** Giáo dục ý thức bảo vệ cơ thể, đặc biệt khi môi trường thay đổi

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Tư liệu về sự TĐC, thân nhiệt, tranh môi trường .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

***Ổn định tổ chức:***

***Kiểm tra:***

-Vì sao nói chuyển hoá vật chất và Q là đặc trưng cơ bản của sự sống ?

-Năng lượng sản sinh trong quá trình dị hóa được cơ thể sử dụng ntn ?

***3. Bài mới :***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

- Tại sao khi trẻ bị ốm người ta phải đo nhiệt độ?

- Nhiệt độ của người khỏe mạnh khi trời nóng và khi trời lạnh là bao nhiêu và thay đổi như thế nào?

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1** :  ***Mục tiêu:*** *Trình bày được khái niệm thân nhiệt.*  + Thân nhiệt là gì ?  + Người ta đo thân nhiệt như thế nào và để làm gì?  + Ở người khoẻ mạnh thân nhiệt thay đổi như thế nào khi trời nóng hay lạnh ?  + Tại sao khi sốt thân nhiệt lại tăng ?  - Cân bằng giữa sinh nhiệt và tỏa nhiệt là cơ chế tự điều hoà thân nhiệt | **-** Cá nhân tự nghiên cứu SGK tr.105, trả lời câu hỏi. | **I. Thân nhiệt:**  - Là nhiệt độ của cơ thể.  - Thân nhiệt luôn ổn định ở 370C là do sự cân bằng giữa sinh nhiệt và tỏa nhiệt. |
| **Hoạt động 2** :  ***Mục tiêu:*** *Giải thích được cơ sở khoa học và các cơ chế điều hoà thân nhiệt*  + Bộ phận nào của cơ thể tham gia vào sự điều hoà thân nhiệt ?  + Trả lời câu hỏi mục ▽ tr.105 SGK  + Em có kết luận gì về vai trò của da trong sự điều hoà thân nhiệt  - GV giảng như phần □  + Tại sao khi tức giận mặt đỏ nóng lên ? | - Cá nhân nghiên cứu thông tin SGK vận dụng kiến thức thực tế trả lời câu hỏi .  - Da điều hoà thân nhiệt bằng cơ chế bức xạ nhiệt  - HS nghe giảng  - HS trả lời | **II. Sự điều hoà thân nhiệt:**  ***1. Vai trò của da.***  - Da có vai trò quan trọng nhất trong điều hoà thân nhiệt .  + Khi trời nóng, lao động nặng: Mao mạch ở da dãn toả nhiệt, tăng tiết mồ hôi.  + Khi trời rét: Mao mạch co lại cơ chân lông co giảm sự toả nhiệt.  ***2. Vai trò của hệ thần kinh***  - Mọi hoạt động điều hoà thân nhiệt đều là phản xa dưới sự điều khiển của hệ thần kinh. |
| **Hoạt động 3**:  *Mục tiêu: Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng được vào đời sống các biện pháp chống nóng lạnh, để phòng, cảm lạnh .*  + Trả lời câu hỏi mục ▽ SGK tr.106  ⇨ Vậy để phòng chống nóng lạnh có những biện pháp nào ?  + Giải thích câu: “mùa nóng chóng khát, trời mát chóng đói”.  + Tại sao mùa rét càng đói càng thấy rét ? | - Cá nhân nghiên cứu thông tin SGK tr. 106 kết hợp kiến thức thực tế trả lời câu hỏi.  - HS vận dụng kiến thức trả lời. | **III. Phương pháp phòng chống nóng, lạnh :**  - Rèn luyện thân thể tăng khả năng chịu đựng của cơ thể .  + nơi ở và nơi làm việc phải phù hợp cho mùa nóng và lạnh  + Mùa hè: Đội mũ nón khi đi đường, lao động.  + Mùa đông: giữ ấm chân, cổ ngực, không ngồi nơi hút gió  + Trồng nhiều cây xanh quanh nhà và nơi công cộng . |

***4. Củng cố:***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

-Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

-Thân nhiệt là gì ? Tại sao thân nhiệt luôn ổn định ?

-Trình bày cơ chế điều hoà thân nhiệt khi trời nóng, lạnh ?

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

- Hãy nêu phương pháp phòng chống nóng và rét ở gia đình em?

- Ở địa phương em đã có những biện pháp nào để trồng nhiều cây xanh? Nêu các biện pháp bảo vệ cây xanh ở địa phương em?

***6. Hướng dẫn về nhà:***

-Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

-Đọc mục “em có biết”

- Chuẩn bị nội dung các bảng 35.1 - 35.6

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**BÀI 35**: **ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU.**

***1 . Kiến thức*:**

-Hệ thống hoá kiến thức ở học kì I .

-Nắm chắc các kiến thức cơ bản đã học .

***2. Kỹ năng:***

-Vận dụng kiến thức, khái quát theo chủ đề

-Hoạt động nhóm .

***3. Thái độ:***

-GD ý thức tìm hiểu ứng dụng sinh học vào đời sống.

***4. Năng lực:***

-Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề

-Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

-Tranh : Tế bào, mô, hệ cơ quan vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá.

-Các nhóm với nội dung đã phân công 1 tờ giấy khổ to.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra:***

***3. Bài mới***

***a. Khởi động:***

***- Mục tiêu****:* ***Tạo tình huống/vấn đề học tập mà HS chưa thể giải quyết được ngay...kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.***

GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

***b. Hình thành kiến thức:***

*-* ***Mục tiêu:******Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
| **Hoạt động 1** :  ***Mục tiêu:*** *Hệ thống hoá kiến thức ở học kì I .*  **B1:** Gv chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng kiến thức, cụ thể:  + Nhóm 1 bảng 35.1  + Nhóm 2 bảng 35.2  + Nhóm 3 bảng 35.3  + Nhóm 4 bảng 35.4  + Nhóm 5 bảng 35.5  + Nhóm 6 bảng 35.6  **B2**: GV cho các nhóm dán kết quả lên bảng.  **B3**: GV ghi ý kiến bổ sung của nhóm vào bên cạnh.  - Sau khi HS thảo luận Gv cho 1 - 2 HS nhắc lại toàn bộ kiến thức đã học.  **B4**: Gv giúp HS hoàn thiện kiến thức. | - Các nhóm thiến hành thảo luận theo nội dung trong bảng.  - Mỗi các nhân phải vận dụng kiến thức thảo luận thống nhất câu trả lời.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu của Gv và mỗi nhóm cử địa diện thuyết minh kết quả của nhóm nhóm khác bổ sung.  - Thảo luận toàn lớp.  - các nhóm hoàn thiện kiến thức. | **I. Hệ thống hoá kiến thức:**  - Toàn bộ nội dung ở trong bảng (từ 35.1; 35.6). |
| **Hoạt động 2** :  ***Mục tiêu:*** *Nắm chắc các kiến thức cơ bản đã học .*  **B1**: Gv yêu cầu trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK trang 112.  **B2**: Gv nhận xét giúp HS hoàn thiện kiến thức. | - HS thảo luận theo nhóm thống nhất câu trả lời.  - đại diện nhóm trình bày nhóm khác bổ sung. | **II. Câu hỏi ôn tập:**  - Nội dung trong SGK trang 168, 169 |

***4. Củng cố***

***- Mục tiêu:*** *Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.*

- Gv cho điểm các nhóm có kết quả tốt.

-Gv nhấn mạnh ý quan trọng.

***5. Vận dụng, mở rộng:***

***- Mục tiêu****:*

*-Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.*

***-****Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.*

-Các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, đẫ tham gia vào hoạt động trao đổi chất và chuyển hóa như thế nào?

***6. Hướng dẫn về nhà***

Ôn tập chuẩn bị thi HK I .

Tìm hiểu các vitamin và muối khoáng trong thức ăn.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức**:

- HS trình bày được một số kiến thức cơ bản đã học: cơ thể người, vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

- Qua bài kiểm tra GV đánh giá trình độ nhận thức của hs

**2. Kĩ năng**: Rèn luyện kỹ năng vận dụng, ghi nhớ kiến thức làm bài kiểm tra.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức tự giác, không gian lận trong thi cử kiểm tra.

**II. HÌNH THỨC.**

+ Hình thức: Kết hợp TNKQ + Tự luận

**a.Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | |
| **Vận dụng thấp** | | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | | | | Tự luận | TNKQ | Tự luận | TNKQ | | Tự luận | TNKQ | TL |
| 1. Khái quát về cơ thể người (5 tiết) |  | | | |  | Chức năng các bộ phận của tế bào | | Tế bào là đơn vị cấu tạo, đơn vị chức năg của cơ thể | | |  |  |
| 20%=2đ |  | | | |  | 50%=1đ |  |  | | 50%=1đ |  |  |
| 2. Vận động  (5 tiết) | Nêu được sự lớn lên và dài ra của xương | | | | | Trình bày ý nghĩa của việc rèn luyện & lao động với sự phát triển bình thường của hệ cơ xương. | |  | |  |  | |
| 15%=1,5đ | 25%=0.5đ | | |  | |  | 50%=1đ |  | |  |  |  |
| 3. Tuần hoàn  (6 tiết) | - Thành phần cấu tạo của máu  - Chu kì hoạt động của tim | | | | |  |  | Giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi | | |  |  |
| 25%=2.5đ | 20%=0.5đ | | | 40%=1 đ | |  |  |  | 40%=1đ | |  |  |
| 4. Hô hấp  (3 tiết) | Nêu ý nghĩa cảu hệ hô hấp | | | | |  |  |  |  | |  |  |
| 10%=1đ |  | 100%=1đ | | | |  |  |  |  | |  |  |
| 5. Tiêu hóa  ( 6 tiết) |  | | | | | - So sánh sự tiêu hóa thức ăn ở khoang miệng và dạ dày  - Các loại chất trong thức ăn | | Giải thích sự biến đổi thức ăn miệng về mặt hóa học và cơ học. | | |  |  |
| 30%=4 |  | |  | | |  | 66,6%=2đ |  | 33,3%= 1đ | |  |  |
| TS câu  TS điểm  100%=10đ | 2 câu  1đ  10% | | 2 câu  2đ  20% | | | 1 câu  1đ  10% | 3 câu  3đ  30% |  | 3 câu  3đ  30% | |  |  |

+ Áp dụng đối tượng đại trà

**III. CHUẨN BỊ**

- GV: đề kiểm tra 1 tiết, đáp án, biểu điểm.

- HS: chuẩn bị kiến thức các phần đã học.

**IV. TỔ CHỨC KIỂM TRA**

1/ Ổn định (1’)

2/ Giáo viên phát đề, học sinh nhận đề

**b.Đề bài**

**I. TRẮC NGHIỆM ( 2 điểm)**

**Câu 1: Thân to ra về bề ngang nhờ:**

A) Các tế bào màng xương dày lên

B) Các tế bào màng xương to ra

C) Các tế bào màng xương phân chia tạo ra những tế bào mới

D) Các tế bào lớp sụn tăng trưởng phân chia tạo ra các tế bào mới

**Câu 2: Xương xương dài ra nhờ:**

A) Các tế bào lớp sụn tăng trưởng dày lên

B) Các tế bào lớp sụn tăng trưởng to ra

C) Các tế bào màng xương phân chia tạo ra những tế bào mới

D) Các tế bào lớp sụn tăng trưởng phân chia tạo ra các tế bào mới

**Câu 3: Thành phần cấu tạo của máu gồm:**

A) Huyết tương và hồng cầu B) Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu

C) Huyết tương và các tế bào máu D) Huyết tương, hồng cầu và bạch cầu

**Câu 4: Thành phần các chất chủ yếu của huyết tương là :**

A) Nước 90%, chất dinh dưỡng và các muối khoáng 10%

B) Nước 90%, chất dinh dưỡng và các chất thải 10%

C) Nước 90%, chất dinh dưỡng và các chất cần thiết 10%

D) Nước 90%, chất dinh dưỡng và các chất khác 10%

**Câu 5: Hãy ghép các ý ở cột B với cột A cho phù hợp với chức năng của các bộ phận của té bào:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A**  **Các bộ phận** | **Cột B**  **Chức năng** |
| 1. Màng sinh chất  2. Chất tế bào  3. Nhân  4. Ribôxôm | A) Điều khiển các hoạt động sống của tế bào  B) Giúp tế bào thực hiện trao đổi chất  C) Thực hiện các hoạt động sống của tế bào  D) Tổng hợp và vận chuyển các chất  E) Nơi tổng hợp prôtêin |

**II. TỰ LUẬN: ( 8 điểm)**

**Câu 1: ( 1 điểm)**

Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu tạo của cơ thể?

**Câu 2: ( 1 điểm)**

Chúng ta cần làm gì để cơ thể phát triển cân đối

**Câu 3: (2 điểm)**

a) Trình bày chu kì hoạt động của tim.

b) Hãy giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi?

**Câu 4: ( 1 điểm)**

Hô hấp có vai trò như thế nào đối với cơ thể?

**Câu 5: ( 3 điểm)**

a) Các chất trong thức ăn có thể được phân thành những nhóm nào?

b) Tại sao khi nhai cơm lâu trong miệng thấy có cảm giác ngọt?

c) So sánh sự tiêu hóa thức ăn ở khoang miệng và dạ dày.

**ĐÁP ÁN:**

**I) TRẮC NGHIỆM**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Điểm |
| 1 | C) Các tế bào màng xương phân chia tạo ra những tế bào mới | 0.25đ |
| 2 | D) Các tế bào lớp sụn tăng trưởng phân chia tạo ra các tế bào mới | 0.25đ |
| 3 | C) Huyết tương và các tế bào máu | 0.25đ |
| 4 | D) Nước 90%, chất dinh dưỡng và các chất khác 10% | 0.25đ |
| 5 | 1: B) Giúp tế bào thực hiện trao đổi chất  2: C) Thực hiện các hoạt động sống của tế bào  3 A) Điều khiển các hoạt động sống của tế bào  4: E) Nơi tổng hợp prôtêin | 0.25đ  0.25đ  0.25đ  0.25đ |
| **II) TỰ LUẬN:** | | |
| 1 | Tế bào là đơn vị cấu tạo - Mọi cơ quan của cơ thể người đều được cấu tạo từ tế bào. - Ví dụ: Tế bào xương, tế bào cơ, tế bào hồng cầu, tế bào biểu bì, các tế bào tuyến….. | 0.5đ  0.5đ |
| 2 | - Cung cấp đủ chất để xương phát triển.  - Tắm nắng  - Thường xuyên luyện tập : tăng thể tích cơ, tăng lực co cơ và làm việc dẻo dai, xương cứng, phát triển cân đối. | 0.25đ  0.25đ  0.5đ |
| 3 | a) Chu kì hoạt động của tim:  - Tim **co dãn** theo **chu k**ì. Mỗi chu kì gồm **3 pha:** Nhĩ co (0,1s); thất co (0,3s) pha dãn chung (0,4s):  - Trung bình trong mỗi phút diễn ra 75 chu kì co dãn của tim (nhịp tim).  b) Giải thích:  Vì chu kì hoạt động của tim là 0.8 giây, trong đó pha dãn chung là 0.4 giây tim sẽ được phục hồi lại nên hoạt động suốt đời không mệt mỏi | 0.75đ  0.25đ  1đ |
| 4 | Cung cấp oxi để oxi hóa các chất dinh dưỡng tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động sống của cở thể và thải CO2 ra khỏi cơ thể. | 1đ |
| 5 | a) Các chất trong thức ăn được chia hai nhóm: chất hữu cơ và chất vô cơ  b) Vì cơm là tinh bột đã được enzim amilaza biến đổi thành đường mantôzơ tác dụng lên lên gai vị giác làm ta có cảm giác ngọt  c) So sánh:  - Giống nhau: đều gồm hai mặt biến đổi lí học, hóa học và biến đổi lí học là chủ yếu  - Khác nhau: Biến đổi hóa học:  + Khoang miệng: biến đổi tinh bột thành đường mantôzơ  + Dạ dày : Biến đổi prôtêin chuỗi dài thành chuỗi ngắn | 0.5đ  0.5đ  1 đ  1 đ |

***4. Hướng dẫn về nhà :***

Đọc trước nội dung bài 34 “Vitamin và muối khoáng”.

\* Rút kinh nghiệm bài học:

…………………………………………………………………………………………………

Tuần:……….. Ngày……… tháng………năm………

Ngày soạn:….

Ngày dạy:……

Tiết số: ………